

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ ÁN  
XÂY DỰNG TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN  
TRỞ THÀNH TRƯỜNG  
CHUYÊN TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ

Hà Nội, 2026

## MỤC LỤC

PHẦN I. MỞ ĐẦU .....	4
1.1. Cơ sở xây dựng Đề án .....	4
1.2. Đối tượng, phạm vi và phương pháp xây dựng Đề án .....	5
1.3. Cấu trúc của Đề án .....	5
1.4. Khái niệm và tiêu chí trường trung học phổ thông chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế.....	6
PHẦN II. HIỆN TRẠNG VÀ BỐI CẢNH .....	9
2.1. Khái quát Trường THPT chuyên Chu Văn An .....	9
2.2. Bối cảnh phát triển và những vấn đề đặt ra .....	10
PHẦN III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC.....	11
PHẦN IV. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU .....	13
4.1. Quan điểm chỉ đạo.....	13
4.2. Tầm nhìn.....	14
4.3. Mục tiêu tổng quát.....	14
4.4. Mục tiêu theo giai đoạn .....	14
PHẦN V. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP .....	16
5.1. Mô hình phát triển trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế.....	16
5.2. Chương trình giáo dục chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế .....	20
5.3. Đội ngũ giáo viên và quản trị nhà trường.....	23
5.4. Định hướng chuyển đổi số .....	25
5.5. Cơ sở vật chất .....	26
5.6. Cơ chế đặc thù và chính sách tài chính .....	31
5.7. Lộ trình triển khai Đề án .....	33
5.8. Cơ chế thí điểm và nhân rộng mô hình .....	38
5.9. Định hướng hợp tác và bảo đảm chất lượng giáo dục.....	38
PHẦN VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	39
6.1. Cơ chế tự chủ tài chính và quản lý nguồn lực.....	39
6.2. Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài .....	41
6.3. Hợp tác quốc tế và xã hội hóa nguồn lực .....	42
6.4. Mô hình tài chính ba nguồn.....	43
6.5. Chính sách học bổng và hỗ trợ học sinh .....	44
6.6. Phân công trách nhiệm các cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án.....	44
VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	47
PHỤ LỤC 1. CĂN CỨ PHÁP LÝ .....	48

PHỤ LỤC 2. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC.....	50
PHỤ LỤC 3. ĐỊNH HƯỚNG CHUYÊN ĐỔI SỐ .....	56
PHỤ LỤC 4. TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ ÁN (ƯỚC TÍNH SƠ BỘ).....	62
PHỤ LỤC 5. XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ CƠ CHẾ NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM CHI PHÍ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI MÔ HÌNH LỚP CHUYÊN TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ .....	67
PHỤ LỤC 6. DỰ KIẾN TUYỂN SINH VÀ CƠ CẤU CÁC LỚP TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ NĂM HỌC 2026-2027.....	74
PHỤ LỤC 7. MINH HỌA HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KPI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN.....	80
PHỤ LỤC 8 - KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ CIS.....	82
PHỤ LỤC 9. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC.....	85
PHỤ LỤC 10. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC.....	87

Hà Nội, ngày 6 tháng 5 năm 2026

**ĐỀ ÁN**  
**Xây dựng Trường THPT chuyên Chu Văn An**  
**trở thành Trường Chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế**

**PHẦN I. MỞ ĐẦU**

**1.1. Cơ sở xây dựng Đề án**

Việc xây dựng Đề án phát triển Trường trung học phổ thông (THPT) chuyên Chu Văn An giai đoạn 2026-2030 được đặt trong bối cảnh hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam đang triển khai mạnh mẽ các chủ trương đổi mới theo định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài. Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, cùng với các kết luận và nghị quyết mới của Bộ Chính trị về phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác lập yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, tăng cường năng lực hội nhập quốc tế và từng bước hình thành các cơ sở giáo dục có khả năng đào tạo học sinh đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Đặc biệt, các định hướng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71-NQ/TW về phát triển giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới tiếp tục khẳng định vai trò của hệ thống trường chuyên trong việc phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng lực vượt trội, đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới mô hình tổ chức và chương trình đào tạo theo hướng tiệm cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực ngoại ngữ và năng lực hội nhập cho học sinh. Những định hướng chiến lược này tạo nền tảng chính trị và cơ sở định hướng quan trọng cho việc xây dựng và triển khai Đề án phát triển Trường THPT chuyên Chu Văn An trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở các định hướng nêu trên, trong khuôn khổ đổi mới giáo dục phổ thông, việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tạo ra những thay đổi căn bản về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá. Điều này đòi hỏi các trường trung học phổ thông chuyên phải điều chỉnh mô hình hoạt động theo hướng tăng cường phát triển năng lực người học, đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, học tập liên môn và tăng cường năng lực ngoại ngữ, đồng thời từng bước tích hợp các yếu tố học thuật quốc tế vào chương trình đào tạo. Các quy định về tổ chức và hoạt động của trường chuyên, về vị trí việc làm, chế độ làm việc của giáo viên và định mức kinh tế – kỹ thuật trong giáo dục phổ thông cũng tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thực hiện để các cơ sở giáo dục xây dựng phương án phát triển phù hợp với bối cảnh mới.

Đối với thành phố Hà Nội, việc triển khai Luật Thủ đô năm 2024 và các định hướng phát triển giáo dục của Thành phố đã xác định rõ nhiệm vụ xây dựng các cơ sở giáo dục chất lượng cao, từng bước tiệm cận chuẩn khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người dân Thủ đô. Trong hệ thống đó, Trường THPT chuyên Chu Văn An, với bề dày truyền thống và uy tín học thuật, được xác định là một trong những cơ sở giáo dục có điều kiện và tiềm năng để triển khai mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn và hội nhập quốc tế. Việc cho phép triển khai các chương trình giáo dục tích hợp và dạy học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố cũng tạo hành lang để nhà trường xây dựng và triển khai mô hình chương trình chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Bên cạnh yêu cầu đổi mới chương trình và mô hình đào tạo, các chủ trương về tăng cường tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và hoàn thiện cơ chế tài chính trong lĩnh vực giáo dục đã tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục xây dựng phương án tổ chức và tài chính phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng. Đối với các chương trình chuyên có yếu tố quốc tế, việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và cơ chế ngân sách bảo đảm kinh phí thực hiện phù hợp, công khai, minh bạch và khả thi là điều kiện quan trọng để triển khai bền vững và hiệu quả.

Đề án được xây dựng và triển khai trên cơ sở các chủ trương của Đảng, Nhà nước và Thành phố Hà Nội về phát triển giáo dục, phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Đề án được triển khai theo nguyên tắc giữ vững mô hình trường chuyên công lập do Thành phố đầu tư chủ đạo, thực hiện cơ chế tự chủ có kiểm soát gắn với trách nhiệm giải trình, công khai và minh bạch; không chuyển sang mô hình dịch vụ giáo dục theo cơ chế thị trường, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục chất lượng cao.

## **1.2. Đối tượng, phạm vi và phương pháp xây dựng Đề án**

Đối tượng của Đề án là học sinh chuyên và không chuyên của trường; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; cộng đồng phụ huynh; và đối tác quốc tế. Đề án đặc biệt chú trọng đến việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu xuất sắc, đồng thời bảo đảm công bằng tiếp cận cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn thông qua chính sách học bổng.

Phạm vi của Đề án bao gồm toàn bộ hoạt động quản trị, chương trình giáo dục, đội ngũ nhân lực, cơ sở vật chất, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế của Trường THPT chuyên Chu Văn An.

Phương pháp xây dựng Đề án bao gồm: phân tích chính sách và văn bản pháp luật hiện hành; nghiên cứu và tham chiếu kinh nghiệm quốc tế từ các trường chuyên hàng đầu thế giới; đánh giá, tổng kết quá trình phát triển và thực trạng giáo dục đào tạo của nhà trường; dự báo, xây dựng kịch bản và lộ trình triển khai theo giai đoạn; thiết kế hệ thống chỉ tiêu đánh giá để giám sát và đánh giá hiệu quả.

## **1.3. Cấu trúc của Đề án**

Đề án được cấu trúc thành sáu phần chính, đảm bảo tính hệ thống, logic và khả thi trong triển khai:

Phần I - Mở đầu: Trình bày cơ sở xây dựng Đề án, phạm vi đối tượng, phương pháp nghiên cứu, cấu trúc và khái niệm cơ bản.

Phần II - Hiện trạng và bối cảnh: Khái quát lịch sử hình thành, phát triển và giá trị truyền thống của Trường THPT Chu Văn An; phân tích bối cảnh quốc tế, quốc gia và Thủ đô.

Phần III - Kinh nghiệm quốc tế và bài học: Nghiên cứu mô hình trường chuyên tinh hoa trên thế giới, đặc biệt các trường giá trị truyền thống chuyên mình thành công; rút ra bài học cho Chu Văn An.

Phần IV - Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu: Xác định quan điểm chỉ đạo, tầm nhìn đến 2045, mục tiêu tổng quát và mục tiêu theo giai đoạn.

Phần V - Nội dung Đề án: Trình bày chi tiết mô hình phát triển trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, chương trình giáo dục và lộ trình tích hợp quốc tế, đội ngũ giáo viên và quản trị nhà trường, cơ sở vật chất và định hướng chuyển đổi số, cơ chế đặc thù và chính sách tài chính, lộ trình triển khai và cơ chế thí điểm.

Phần VI - Tổ chức thực hiện: Phân công trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị liên quan; xác định cơ chế phối hợp và giám sát thực hiện.

## **1.4. Khái niệm và tiêu chí trường trung học phổ thông chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế**

### **1.4.1. Khái niệm**

**Trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế** là trường phổ thông dành cho học sinh có năng lực nổi trội, trong đó học sinh được học chuyên sâu, được tham gia nghiên cứu và dự án, được rèn luyện ngoại ngữ học thuật và kỹ năng đại học, được xây dựng hồ sơ năng lực toàn diện với các minh chứng rõ ràng, để có thể đóng góp cho đất nước và cạnh tranh bình đẳng trong môi trường học thuật toàn cầu, đồng thời vẫn giữ bản sắc và trách nhiệm của người Việt Nam.

Theo quan niệm làm việc của Đề án này, trường THPT chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế phải là nơi kết quả học tập của học sinh đạt chuẩn quốc tế và được các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới công nhận, đồng thời có năng lực tiếp nhận học sinh quốc tế đến học tập ổn định tại trường. Trên cơ sở đó, đây là trường công lập chất lượng cao có chuẩn đầu ra và năng lực học thuật tiệm cận các trường tinh hoa trên thế giới; đồng thời bảo đảm bản sắc quốc gia, tuân thủ Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và pháp luật Việt Nam.

Khái niệm "**tiệm cận chuẩn quốc tế**" được hiểu là tính tương thích chuẩn đầu ra với các chuẩn và khung đánh giá quốc tế được công nhận rộng rãi, đi kèm cơ chế kiểm định và minh bạch chất lượng, và năng lực hội nhập thực chất. Điều này được thể hiện qua hai điều kiện bắt buộc:

(1) Kết quả học tập của học sinh đạt chuẩn quốc tế, được các nền giáo dục tiên tiến công nhận thông qua chứng chỉ hoặc chuẩn đầu ra quốc tế như chương trình tích hợp quốc tế *AP/AS & A Level, IB Diploma* hoặc tương đương.

(2) Môi trường học thuật đủ điều kiện tiếp nhận học sinh quốc tế đến học tập ổn định tại trường, có quy trình tuyển sinh, hỗ trợ và hòa nhập rõ ràng, cùng bộ chỉ số đo lường minh bạch.

Điều kiện thứ hai được lượng hóa bằng các chỉ tiêu đánh giá về số chương trình trao đổi, tỷ lệ học sinh quốc tế hoặc trao đổi, mức độ hài lòng học thuật, bảo đảm tính khả kiểm và minh bạch.

### 1.4.2. Tiêu chí cốt lõi

Để đạt được mục tiêu trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, Trường Chu Văn An cần đáp ứng các tiêu chí cốt lõi sau:

*Chuẩn đầu ra quốc tế hóa:* Kết quả học tập và năng lực của học sinh được xây dựng theo hướng có khả năng tham chiếu, công nhận hoặc chuyển đổi tương thích với các chuẩn đánh giá giáo dục tiên tiến, thông qua các hình thức đánh giá, chứng chỉ hoặc chuẩn năng lực quốc tế phù hợp. Việc xây dựng chuẩn đầu ra được tích hợp trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và chương trình nhà trường, bảo đảm tính thống nhất, không triển khai song song gây quá tải cho học sinh. Việc lựa chọn các chuẩn đánh giá, chứng chỉ hoặc đối tác quốc tế cụ thể (nếu có) sẽ được nghiên cứu, đề xuất và triển khai theo từng giai đoạn, trên cơ sở điều kiện thực tiễn của nhà trường và quy định của pháp luật, bảo đảm tính linh hoạt và hiệu quả.

*Khả năng tiếp nhận học sinh quốc tế:* Trường có chương trình song ngữ hoặc quốc tế hóa đáp ứng quy định dạy và học bằng tiếng nước ngoài; có cơ chế hỗ trợ tuyển sinh, tư vấn học tập, dịch vụ học đường và hòa nhập văn hóa để học sinh quốc tế có thể theo học ổn định.

*Quản trị theo chuẩn quốc tế:* Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, kiểm định hoặc đánh giá ngoài định kỳ, quản trị minh bạch dựa trên chỉ tiêu đánh giá, công khai dữ liệu chất lượng và tài chính theo quy định.

*Đội ngũ sư phạm đạt chuẩn cao:* Tỷ lệ giáo viên có năng lực ngoại ngữ, năng lực dạy học tích hợp và kinh nghiệm giảng dạy chuẩn quốc tế đạt mức tối thiểu; có cơ chế thu hút chuyên gia quốc tế theo quy định pháp luật.

*Hạ tầng và hệ sinh thái học thuật:* Phòng thí nghiệm chuẩn, thư viện học thuật và học liệu số, phòng lab ngoại ngữ học thuật quốc tế, không gian nghiên cứu và sáng tạo, mạng lưới đối tác đại học, doanh nghiệp và viện nghiên cứu.

### 1.4.3. Bộ tiêu chí đo lường

Mức độ "tiệm cận chuẩn quốc tế" được xác định theo năm trụ cột đo lường có thể kiểm chứng bằng chỉ tiêu đánh giá và kiểm định:

Trụ cột 1 - Chuẩn đầu ra quốc tế hóa: 100% học sinh đạt chứng chỉ quốc tế học thuật (AS/A Level/IB/AP) hoặc chuẩn tương đương vào năm 2035; 100% học sinh đạt chuẩn ngoại ngữ quốc tế theo lộ trình vào năm 2035 (IELTS/TOEFL/CEFR hoặc tương đương); 100% học sinh đạt chứng chỉ kỹ năng công nghệ thông tin theo chuẩn quốc tế, 100% học sinh được trang bị kiến thức và kỹ năng nền tảng về trí tuệ nhân tạo (Generative AI) và có chứng chỉ quốc tế hoặc chứng nhận tương đương do các tổ chức khảo thí uy tín cấp, 80% học sinh đạt chứng chỉ quốc tế về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào năm 2035.

Trụ cột 2 - Quản trị và kiểm định chất lượng: Có hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ; tối thiểu 2 năm một lần đánh giá ngoài; công khai báo cáo chất lượng và tài chính theo chuẩn dữ liệu mở.

Trụ cột 3 - Quốc tế hóa môi trường học tập: Có chương trình song ngữ hoặc tích hợp đạt chuẩn pháp lý; có khả năng tiếp nhận học sinh quốc tế (dịch vụ tư vấn học tập, hỗ trợ ngôn ngữ, hòa nhập văn hóa); tỷ lệ học sinh quốc tế hoặc trao đổi tối thiểu 1% tổng quy mô vào năm 2035 và 2% vào năm 2045.

Trụ cột 4 - Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo: 100% học sinh hoàn thành dự án nghiên cứu khi tốt nghiệp; có mạng lưới cố vấn học thuật; có hợp tác nghiên cứu với đại học hoặc viện nghiên cứu.

Trụ cột 5 - Công bằng tiếp cận: Tối thiểu 8-10% nguồn thu dành cho học bổng; cơ chế tuyển sinh minh bạch, đảm bảo học sinh tài năng ở mọi điều kiện được tiếp cận.

Khung đo lường này là cơ sở để thiết kế chỉ tiêu đánh giá và theo dõi tiến độ "tiệm cận chuẩn" theo từng giai đoạn, bảo đảm vừa nâng chuẩn quốc tế vừa giữ sứ mệnh công bằng của trường công lập.

## **PHẦN II. HIỆN TRẠNG VÀ BỐI CẢNH**

### **2.1. Khái quát Trường THPT chuyên Chu Văn An**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Trường THPT chuyên Chu Văn An, tiền thân là Trường Bưởi thành lập năm 1908, mang bề dày lịch sử gắn liền với tinh thần yêu nước và truyền thống đào tạo nhân tài cho đất nước. Sau khi chính thức mang tên Chu Văn An vào năm 1945 và trải qua những giai đoạn sơ tán gian khổ trong hai cuộc kháng chiến, trường ổn định tại cơ sở Thụy Khuê từ năm 1954 và khẳng định vị thế học thuật tiên phong với các lớp chuyên Toán dẫn đầu cả nước. Với các cột mốc quan trọng như trở thành một trong ba trường trọng điểm quốc gia (1995), được công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia (2004) và chính thức chuyển đổi sang mô hình trường chuyên hoàn toàn vào tháng 01/2025, nhà trường tiếp tục phát huy di sản quý báu để tập trung vào mục tiêu đào tạo mũi nhọn trong giai đoạn mới.

#### **2.1.2. Vị trí địa lý và giá trị di sản**

Tọa lạc tại số 10 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, trường sở hữu vị trí đắc địa sát Hồ Tây, tạo không gian yên bình và thơ mộng. Giá trị di sản của trường được thể hiện qua sự giao thoa giữa kiến trúc Pháp cổ và các công trình hiện đại. Điểm nhấn kiến trúc là tòa nhà Bát Giác (xây dựng năm 1898), hiện là thư viện, biểu tượng kết nối quá khứ và hiện tại. Bên cạnh giá trị vật thể, giá trị phi vật thể của trường nằm ở truyền thống học thuật và tinh thần yêu nước được vun đắp qua hơn một thế kỷ, nơi đã đào tạo ra nhiều thế hệ lãnh đạo, nhà khoa học và anh hùng dân tộc. Đề án góp phần vào việc giữ gìn và phát huy nguồn tài sản vô giá này trong bối cảnh phát triển mới.

#### **2.1.3. Thực trạng quy mô và chất lượng**

Từ tháng 01/2025, Trường THPT Chu Văn An đã chính thức trở thành Trường THPT chuyên Chu Văn An, là một trong 4 trường chuyên của Hà Nội. Đến nay, Trường đã chuyển sang mô hình chuyên hoàn toàn, dừng tuyển sinh hệ không chuyên từ năm học 2025-2026. Trường hiện có quy mô đào tạo đa dạng nhất Hà Nội với 13 môn chuyên thuộc các khối Tự nhiên, Xã hội và Ngoại ngữ.

Về chất lượng, trường liên tục dẫn đầu với thành tích học sinh giỏi quốc gia và thành phố. Đội ngũ giáo viên gồm 175 người có chuyên môn cao, tuy nhiên năng lực giảng dạy song ngữ và chuẩn quốc tế vẫn còn sự chênh lệch và thiếu về số lượng. Về cơ sở vật chất, dù đã có đầy đủ các khu chức năng, nhưng để đạt chuẩn quốc tế, trường vẫn cần đầu tư thêm vào các phòng thí nghiệm hiện đại, học liệu số cho thư viện và các không gian sáng tạo đồng bộ.

#### **2.1.4. Thành tích và danh hiệu**

Trường Chu Văn An sở hữu bề dày thành tích đáng tự hào với 6 huy chương Olympic Toán quốc tế trước thập niên 1990. Nhà nước đã trao tặng trường nhiều danh hiệu cao quý như Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập hạng Nhất và danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2013). Đặc biệt, trường khẳng định vị thế tiên phong trong hội nhập khi là trường đầu tiên tại Việt Nam đạt nhãn hiệu Label FrancÉducation (2019) về dạy song ngữ tiếng Pháp và là trường THPT công lập đầu tiên triển khai chương trình Song bằng quốc tế, đạt chuẩn Cambridge mã số VN 283.

### **2.1.5. Hợp tác quốc tế**

Hoạt động hợp tác quốc tế của trường diễn ra sôi nổi với mạng lưới đối tác rộng lớn bao gồm các trường trung học và đại học danh tiếng tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Hoa Kỳ, Úc... Trường cũng là điểm đến tin cậy của các tổ chức giáo dục quốc tế và đại sứ quán các nước. Học sinh Chu Văn An có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn học bổng chính phủ và học bổng tài năng từ các đại học quốc tế tại Việt Nam (RMIT, BUV). Tuy nhiên, hạn chế hiện nay là kinh phí chủ yếu phục vụ việc đón tiếp đoàn quốc tế, thiếu nguồn lực để cử giáo viên, học sinh đi giao lưu nước ngoài và chưa có chính sách đầu tư bài bản cho nghiên cứu khoa học quốc tế.

## **2.2. Bối cảnh phát triển và những vấn đề đặt ra**

### **2.2.1. Bối cảnh quốc tế**

Giáo dục thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực toàn diện, chú trọng tư duy phản biện, nghiên cứu và trách nhiệm toàn cầu. Các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Úc, Anh... đều đầu tư trọng điểm vào hệ thống trường tinh hoa với quy trình tuyển sinh minh bạch, cạnh tranh và chương trình học thuật nâng cao. Những mô hình thành công trên thế giới là minh chứng cho yêu cầu cấp thiết về việc thiết kế đầu vào chuẩn hóa, vừa đảm bảo tính công bằng vừa duy trì chất lượng hàn lâm đỉnh cao cho trường chuyên.

### **2.2.2. Bối cảnh quốc gia**

Các Nghị quyết của Trung ương Đảng (như Nghị quyết 29, 57 và 71-NQ/TW) đã xác định giáo dục, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt của sự phát triển. Nhà nước định hướng đổi mới toàn diện giáo dục theo hướng tăng cường tự chủ, đẩy mạnh chuyển đổi số và xây dựng hệ sinh thái STEM hiện đại. Những chủ trương này cùng các cơ chế đặc thù về thu hút nhân tài và tôn vinh nhà giáo là cơ sở chính trị vững chắc để hình thành mô hình trường chuyên tinh hoa trong hệ thống pháp luật hiện hành.

### **2.2.3. Bối cảnh Thủ đô Hà Nội**

Hà Nội đặt mục tiêu trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao của cả nước và khu vực, thích ứng mạnh mẽ với quá trình chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVII nhấn mạnh việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ chiến lược. Đặc biệt, Luật Thủ đô 2024 đã tạo ra hành lang pháp lý quan trọng với các cơ chế đặc thù, cho phép Hà Nội thí điểm các mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, tạo đà cho các trường chuyên trọng điểm bứt phá.

### **2.2.4. Những vấn đề cốt lõi đặt ra**

Quá trình phát triển của Trường THPT chuyên Chu Văn An đang đứng trước năm bài toán lớn cần giải quyết: (1) Cân bằng giữa việc giữ gìn bản sắc truyền thống và hiện đại hóa quản trị; (2) Tích hợp hài hòa chương trình quốc gia với các chuẩn quốc tế để từng bước nâng cao chất lượng; (3) Xây dựng cơ chế tài chính theo hướng bền vững nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo và thu hút người học có năng lực, tài năng; (4) Phát triển đội ngũ giáo viên tinh hoa đạt chuẩn quốc tế về ngoại ngữ và chuyên môn; (5) Đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận giáo dục thông qua chính sách học bổng và tuyển sinh minh bạch cho mọi học sinh tài năng.

### PHẦN III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC

Từ tổng quan nghiên cứu và phân tích mô hình các trường tiêu biểu, thành công ở các quốc gia trên thế giới có thể rút ra 9 bài học quan trọng cho Trường THPT chuyên Chu Văn An: (*chi tiết xin xem phụ lục 2*)

*Bài học 1 - Mô hình tổ chức liên thông tạo lợi thế dài hạn:* Các trường có mô hình liên thông 6-8 năm (Singapore, Nhật Bản, Đức, Australia) cho thấy lợi thế rõ rệt về giảm áp lực thi cử, tạo thời gian phát triển toàn diện và xây dựng cộng đồng học tập bền vững. *Raffles Institution* và *Hwa Chong* với chương trình *Integrated Programme* 6 năm giúp học sinh không phải thi O-Level, tập trung vào phát triển năng lực sâu. *Kaisei Academy* với mô hình 6 năm liên thông đạt tỷ lệ đỗ Tokyo University cao nhất nước. Dài hạn (sau 2030): Nghiên cứu khả năng mở rộng thành mô hình liên thông 6 năm (THCS+THPT) nếu được Thành phố phê duyệt.

*Bài học 2 - Chuyển đổi sang mô hình giáo viên cố vấn:* Chuyển đổi sang mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế dựa trên hệ thống tín chỉ cá nhân hóa, cho phép học sinh chủ động lựa chọn học phần chuyên sâu và nghiên cứu khoa học (R&E) cùng các chuyên gia. Giáo viên dịch chuyển vai trò thành người cố vấn, hướng dẫn. Đồng thời tích hợp chuẩn học thuật quốc tế (AP) và các vấn đề toàn cầu vào giảng dạy để đào tạo năng lực hội nhập. Sự kết hợp giữa tinh hoa giáo dục quốc tế và nền tảng kỷ luật chính là chìa khóa để dẫn đầu xu hướng đổi mới sáng tạo.

*Bài học 3 - Đa chuẩn và cá nhân hóa là xu hướng tất yếu:* *Hwa Chong* thành công với *Dual-Track* cho phép học sinh chọn chương trình tích hợp nâng cao. SHSID vận hành song song Track Gaokao và *Track IB*. *Stuyvesant* cung cấp hơn 50 khóa học AP cho phép học sinh tự thiết kế lộ trình học tập. Giai đoạn 2028-2030 mở rộng thêm *Track 4 (Research Track)* liên kết với viện nghiên cứu.

*Bài học 4 - Tích hợp công nghệ sâu và phát triển năng lực nghiên cứu sớm:* *Korea Science Academy* yêu cầu mỗi học sinh thực hiện 01 dự án nghiên cứu một năm tự đề xuất với *mentor* từ KAIST/POSTECH, sử dụng thiết bị lab chuyên sâu và phần mềm mô phỏng tiên tiến. Nhiều học sinh công bố bài báo tại hội nghị khoa học quốc tế ngay khi còn học THPT. *Stuyvesant* có phòng *Robotics Lab*, *Eton College* có thư viện số 50.000+ sách, truy cập *JSTOR/ScienceDirect* miễn phí.

*Bài học 5 - Cân bằng giữa chất lượng và công bằng là thách thức cốt lõi:* Singapore: trường tinh hoa nhưng mở tiếp cận. *Raffles Institution* (RI) là ví dụ tiêu biểu: trường duy trì chuẩn học thuật rất cao (quality) nhưng công khai hệ *Fees and Financial Aid* và các gói hỗ trợ như *Independent School Bursary* (ISB) và học bổng nội bộ (*Raffles Scholarship*) để học sinh đủ điều kiện tài chính vẫn tham gia đầy đủ hoạt động học thuật – phát triển (equity). *Raffles Girls' School* (RGS) nêu rõ mục tiêu "không để học sinh xứng đáng bị từ chối cơ hội theo đuổi excellence vì điều kiện kinh tế – xã hội", và liệt kê các cơ chế hỗ trợ (ISB, scholarships, bursaries). Malaysia: cân bằng theo nghĩa "công bằng tiếp cận công nghệ học tập". Bài học này thể hiện mạnh qua *Hybrid Classroom Pilot Project* của MOE: triển khai 550 lớp học hybrid tại 110 cơ sở, bao gồm trường nông thôn, kèm đầu tư thiết bị và cải thiện kết nối Internet để giảm chênh lệch cơ hội học tập số giữa vùng sâu/vùng xa và đô thị. Dữ liệu MOE được trích dẫn cho thấy họ đo *Digital Competency Score* và thừa nhận có chênh lệch rural – urban, từ đó biện minh cho mở rộng dự án (equity) trong khi vẫn theo đuổi mục tiêu "nâng kỹ năng số" (quality).

*Bài học 6 - Giữ gìn bản sắc trong toàn cầu hóa: Kaisei Academy không dạy IB hay AP nhưng vẫn đứng đầu Nhật về chất lượng - chứng minh không nhất thiết phải dùng chương trình quốc tế để đạt chuẩn quốc tế. Eton có bảo tàng 3.000+ hiện vật, tích hợp giá trị truyền thống vào curriculum. Singapore duy trì tiếng mẹ đẻ bắt buộc dù dạy bằng tiếng Anh.*

*Bài học 7 - Quản trị chuyên nghiệp và văn hóa học tập tích cực: Raffles và Hwa Chong có hệ thống quản trị minh bạch với Board of Governors độc lập, public reporting hàng năm. James Ruse nổi tiếng văn hóa "We rise together". Korea Science Academy có hệ thống cố vấn chặt chẽ: mỗi giáo viên chịu trách nhiệm tối đa 20 học sinh, gặp mỗi tuần. Eton có House System - mỗi học sinh thuộc 01 trong 25 Houses. Khuyến nghị: Xây dựng hệ thống Mentor-Mentee, mỗi giáo viên cố vấn tối đa 15 học sinh, gặp định kỳ mỗi tháng. Phát triển văn hóa "Excellence with Integrity".*

*Bài học 8 - Liên kết mạnh mẽ với các Viện nghiên cứu, các trường Đại học và doanh nghiệp: Korea Science Academy liên kết chặt chẽ với KAIST và POSTECH - học sinh được tham gia lab, học AP courses được công nhận bằng tín chỉ đại học. Stuyvesant có quan hệ đối tác với Columbia, NYU, MIT cho học sinh thực tập nghiên cứu mùa hè. Eton có mạng lưới alumni cực mạnh (19 Thủ tướng Anh) hỗ trợ học sinh thực tập, giám sát/đánh giá. SHSID liên kết với các công ty công nghệ Thượng Hải.*

*Bài học 9 - Đầu tư dài hạn và kiên nhẫn: Tất cả các trường xuất sắc đều có lịch sử 50-100+ năm phát triển kiên trì. Eton (1440 - 584 năm), Kaisei (1871 - 153 năm), Raffles (1823 - 201 năm). NODET (Iran) mất 10 năm để hoàn thiện hệ thống. Korea Science Academy mất 15 năm để trở thành top 1 Hàn Quốc. Stuyvesant phát triển từ 1904, mất gần 50 năm để trở thành biểu tượng giáo dục NYC. Chấp nhận rằng kết quả đột phá cần thời gian - mục tiêu 2030 chỉ là nền tảng, 2035 là nâng cao, 2040 là vươn tầm khu vực, 2045 là đẳng cấp thế giới. Đầu tư đúng hướng, kiên trì thực hiện, đánh giá định kỳ và điều chỉnh linh hoạt nhưng không đổi hướng căn bản.*

**Tổng kết:** 09 bài học trên tạo thành khung chiến lược toàn diện cho Trường THPT chuyên Chu Văn An. Thành công không đến từ việc sao chép một mô hình cụ thể, mà từ việc hiểu sâu các nguyên lý cốt lõi và điều chỉnh sáng tạo phù hợp với bối cảnh Việt Nam. Chu Văn An cần học hỏi tinh thần không ngừng đổi mới của Singapore, sự nghiêm túc học thuật của Nhật Bản, văn hóa nghiên cứu khoa học của Hàn Quốc, sự đa dạng của Mỹ, truyền thống nhân văn của Anh, và quan trọng nhất - giữ vững bản sắc Việt Nam với giá trị truyền thống Thăng Long - Hà Nội hàng nghìn năm văn hiến. Với quyết tâm chính trị, đầu tư đầy đủ, đội ngũ tận tâm và sự kiên trì, Chu Văn An hoàn toàn có thể trở thành ngôi trường chuyên hàng đầu không chỉ Việt Nam mà cả khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong 20 năm tới.

## PHẦN IV. QUAN ĐIỂM, TÂM NHÌN VÀ MỤC TIÊU

### 4.1. Quan điểm chỉ đạo

Đề án được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa quan điểm phát triển của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, đặc biệt là quan điểm: "Phát huy truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; văn hóa và con người là trụ cột phát triển bền vững Thủ đô; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế" và ba đột phá phát triển của Thủ đô: (1) Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô; (2) Phát triển, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút nhân tài; (3) Phát triển hệ thống hạ tầng hiện đại, thông minh và kết nối. Chương trình hành động của Thành ủy xác định nhiệm vụ "Phổ cập phương thức giáo dục tích hợp khoa học, công nghệ, kỹ thuật toán học (STEM), cùng với nghệ thuật (STEAM), giáo dục sáng tạo và nghiên cứu khoa học trong trường phổ thông; phát triển toàn diện học sinh về đức - trí - thể - mỹ" là định hướng quan trọng cho việc xây dựng mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế.

Xây dựng Trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế cần tuân thủ các quan điểm sau:

Việc xây dựng và phát triển Trường THPT chuyên Chu Văn An trong giai đoạn 2026–2035 được triển khai trong tổng thể Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương của Thành phố Hà Nội về đổi mới giáo dục. Nhà trường được xác định là đơn vị trọng điểm, triển khai trước một số nội dung đổi mới để dẫn dắt và lan tỏa trong hệ thống trường chuyên của Thủ đô.

Trường tiếp tục hoạt động theo mô hình trường chuyên công lập do Thành phố đầu tư chủ đạo. Việc huy động các nguồn lực hợp pháp từ xã hội được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính bắt buộc đối với học sinh.

Chương trình giáo dục của Nhà trường được thiết kế trên nền tảng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đồng thời tham chiếu các chuẩn mực học thuật quốc tế để nâng cao chất lượng đầu ra. Việc hội nhập quốc tế được thực hiện thông qua chuẩn hóa đầu ra, tham gia mạng lưới học thuật và kiểm định, không sao chép nguyên trạng các chương trình nước ngoài.

Giữ gìn bản sắc, hướng tới hiện đại: Phát triển nhà trường trên nền tảng giá trị truyền thống lâu đời, kế thừa và phát huy di sản văn hóa, đồng thời chủ động đổi mới quản trị, chương trình và phương pháp dạy học theo chuẩn quốc tế.

Chất lượng là trọng tâm: Đặt chất lượng giáo dục làm mục tiêu cao nhất, đảm bảo chuẩn đầu ra đạt chuẩn quốc tế và được các nền giáo dục tiên tiến công nhận. Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ và kiểm định độc lập.

Công bằng là nền tảng: Đảm bảo học sinh có năng khiếu xuất sắc ở mọi hoàn cảnh đều có cơ hội tiếp cận với dịch vụ giáo dục phổ thông chất lượng cao. Dành nguồn lực thỏa đáng cho học bổng và hỗ trợ học tập.

Tự chủ gắn với trách nhiệm: Trường được phát triển theo mô hình trường trung học phổ thông chuyên công lập trọng điểm của Thành phố Hà Nội, được ưu tiên đầu tư để thực hiện vai trò dẫn dắt, lan tỏa và nâng cao chất lượng giáo dục trung học phổ thông. Nhà trường thực hiện cơ chế tự chủ trong phạm vi đơn vị sự nghiệp công lập, gắn

với trách nhiệm giải trình và sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và định hướng phát triển giáo dục công lập của Thành phố.

Hợp tác để phát triển: Chủ động hợp tác với các tổ chức giáo dục quốc tế uy tín, đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng giáo dục và tạo cơ hội phát triển cho học sinh.

## **4.2. Tầm nhìn**

Đến năm 2045, Trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên trọng điểm quốc gia hàng đầu Việt Nam, có chất lượng giáo dục ngang tầm các trường tinh hoa trong khu vực và thế giới; có uy tín học thuật cao, môi trường giáo dục toàn diện và đóng góp tích cực vào việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và đất nước. Nhà trường có khả năng tham gia sâu vào các mạng lưới học thuật quốc tế, tổ chức các hoạt động trao đổi và hợp tác giáo dục, đồng thời giữ vững bản sắc truyền thống và giá trị văn hóa của Thủ đô Hà Nội.

## **4.3. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng Trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế của Thủ đô có chất lượng giáo dục tiệm cận các chuẩn mực quốc tế; giữ vai trò trung tâm học thuật, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo ở bậc trung học phổ thông; đào tạo học sinh có năng lực học thuật xuất sắc, phẩm chất tốt, năng lực sáng tạo và khả năng hội nhập quốc tế cao. Nhà trường có hệ thống quản trị hiện đại, đội ngũ giáo viên chất lượng cao, cơ sở vật chất đồng bộ, môi trường học tập thông minh và cơ chế bảo đảm chất lượng toàn diện.

Đến 2035, nhà trường phấn đấu đầy đủ các đặc điểm:

- Chất lượng đầu ra đạt chuẩn quốc tế, được các nền giáo dục tiên tiến công nhận
- Môi trường học thuật đủ điều kiện tiếp nhận học sinh quốc tế học tập ổn định
- Quản trị hiện đại, minh bạch, tự chủ có kiểm soát theo chuẩn quốc tế
- Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn cao, có năng lực giảng dạy theo chuẩn quốc tế
- Cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu
- Bảo đảm công bằng tiếp cận cho học sinh tài năng ở mọi hoàn cảnh
- Giữ gìn và phát huy giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc

## **4.4. Mục tiêu theo giai đoạn**

Mức độ "tiệm cận chuẩn quốc tế" được xác định theo năm (05) trụ cột đo lường. Trên cơ sở Bộ tiêu chí đo lường, Đề án được xây dựng thành 3 giai đoạn và được cụ thể hoá ở một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

### **4.4.1. Giai đoạn 1 (2026-2030)**

- Xây dựng, hoàn thiện và thí điểm chương trình tích hợp học thuật sâu cho 3-4 môn học từ năm học 2026-2027. Bên cạnh việc triển khai lớp học chương trình tích hợp học thuật sâu, nhà trường đồng thời triển khai tiệm cận chuẩn quốc tế áp dụng cho các lớp còn lại. Chương trình này nhằm nâng mặt bằng chất lượng chung toàn trường theo định hướng phát triển toàn diện, tăng cường năng lực ngoại ngữ, công nghệ, kỹ năng nghiên cứu và kỹ năng mềm...; bảo đảm không tạo khoảng cách chất lượng giữa các nhóm lớp tiệm cận chuẩn quốc tế được thiết kế theo mục tiêu khác nhau.

- Nâng cấp cơ sở vật chất đạt chuẩn: phòng thí nghiệm, phòng lab học ngoại ngữ học thuật chuẩn quốc tế, thư viện, không gian sáng tạo

- Bồi dưỡng 100% giáo viên đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 theo Khung 6 bậc

- Xây dựng hệ thống quản trị dữ liệu và đảm bảo chất lượng nội bộ

- Có tối thiểu 100 học sinh đạt đầu ra đại học quốc tế thuộc Top 200

- Có tối thiểu 150 học sinh trúng tuyển đại học tại Mỹ/Anh/Úc

- Có tối thiểu 80 học sinh nhận học bổng đại học quốc tế

- Thành lập quỹ học bổng và quỹ phát triển trường

- Triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế, tham chiếu khung kiểm định của CIS hoặc tương đương (để chuẩn bị cho mục tiêu giai đoạn 2).

#### **4.4.2. Giai đoạn 2 (2031-2035)**

Triển khai chương trình tích hợp nâng cao cho toàn trường.

- Đạt 90% giáo viên có năng lực dạy song ngữ hoặc theo chuẩn quốc tế

- Tiếp nhận học sinh quốc tế hoặc trao đổi đạt 1% tổng quy mô

- 100% học sinh hoàn thành dự án nghiên cứu khi tốt nghiệp

- Đạt kiểm định chất lượng từ tổ chức quốc tế uy tín

- Triển khai đánh giá ngoài và tham gia kiểm định giáo dục quốc tế CIS

- Dành 8-10% nguồn thu cho học bổng.

#### **4.4.3. Giai đoạn 3 (2036-2045)**

- Đạt 100% học sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

- Đạt 100% học sinh có chứng chỉ học thuật quốc tế

- Đạt 100% học sinh có chứng chỉ CNTT quốc tế

- Đạt 100% học sinh được trang bị kiến thức và kỹ năng nền tảng về trí tuệ nhân tạo (Generative AI) và có chứng chỉ quốc tế hoặc chứng nhận tương đương do các tổ chức khảo thí uy tín cấp

- Đạt 100% học sinh có chứng chỉ quốc tế về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Tiếp nhận học sinh quốc tế hoặc trao đổi đạt 2% tổng quy mô

- 100% học sinh hoàn thành dự án nghiên cứu khi tốt nghiệp

- Trở thành trung tâm bồi dưỡng giáo viên và nghiên cứu giáo dục ở bậc THPT

- Được xếp hạng trong top 100 trường chuyên trong khu vực châu Á

- Thiết lập mạng lưới trường chuyên với các trường hàng đầu thế giới

- Trở thành điểm đến du lịch giáo dục của Thủ đô

- Được công nhận và duy trì kiểm định giáo dục quốc tế của CIS.

## **PHẦN V. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP**

### **5.1. Mô hình phát triển trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế**

#### **5.1.1. Mục tiêu**

Mục tiêu chung: Xây dựng mô hình trường trung học chuyên theo định hướng tiệm cận chuẩn các chuẩn mực quốc tế, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo học sinh chuyên, phát triển năng lực hội nhập quốc tế, năng lực số, đổi mới sáng tạo và các kỹ năng mềm thiết yếu, đồng thời góp phần bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố Hà Nội và cả nước.

Mục tiêu cụ thể:

(1) Về học thuật và chuyên môn: nhà trường hướng tới nâng cao chất lượng giáo dục học sinh chuyên theo định hướng chuyên sâu, hiện đại và tiệm cận chuẩn các chuẩn mực quốc tế. Quá trình đào tạo chú trọng phát triển năng lực tư duy bậc cao, năng lực nghiên cứu khoa học, sáng tạo, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề của học sinh, qua đó hình thành nền tảng học thuật vững chắc và khả năng tự học, tự nghiên cứu lâu dài.

(2) Về hội nhập quốc tế và công dân toàn cầu: nhà trường chú trọng trang bị cho học sinh năng lực ngoại ngữ, đặc biệt là năng lực tiếng Anh học thuật, nhằm đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và giao lưu trong môi trường quốc tế song song với năng lực ứng dụng CNTT và trí tuệ nhân tạo sinh GenAI nhằm hình thành năng lực số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới. Đồng thời, chương trình giáo dục hướng tới mở rộng hiểu biết của học sinh về văn hóa, khoa học, công nghệ và các vấn đề toàn cầu; và nâng cao các kỹ năng mềm thiết yếu chuẩn quốc tế để hình thành các công dân toàn cầu, tự chủ, sáng tạo.

(3) Về giáo dục nghệ thuật và thẩm mỹ: nhà trường chú trọng bồi dưỡng năng lực cảm thụ và sáng tạo nghệ thuật cho học sinh, qua đó góp phần hình thành nhân cách phát triển hài hòa, giàu cảm xúc, có chiều sâu thẩm mỹ và ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa.

(4) Về gắn học với lao động và thực tiễn: nhà trường tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu ứng dụng, lao động và phục vụ cộng đồng nhằm tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống thực tiễn.

(5) Về phát triển toàn diện thể chất và tinh thần: nhà trường chú trọng bảo đảm cho học sinh có thể chất khỏe mạnh thông qua việc hình thành thói quen rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên và xây dựng lối sống lành mạnh.

(6) Về bảo tồn bản sắc và phát triển nguồn lực địa phương: nhà trường chú trọng giáo dục học sinh ý thức gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

#### **5.1.2. Trụ cột 1 - Chương trình học thuật xuất sắc/chuyên sâu**

Định hướng: Xây dựng chương trình giáo dục học thuật có chất lượng cao, dựa trên Chương trình GDPT 2018 làm nền tảng, đồng thời phát triển chương trình nâng cao ở các môn chuyên nhằm phát hiện, bồi dưỡng và phát triển năng lực nổi trội của học sinh. Chương trình hướng tới: (1) Hình thành cho học sinh nền tảng học thuật vững chắc, tư duy nghiên cứu, năng lực tự học và sáng tạo; (2) Xác lập Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường, được sử dụng rộng rãi trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu và các hoạt động học thuật; (3) Hỗ trợ học sinh chuẩn bị cho các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế (SAT,

ACT, AP, IB) và nâng cao năng lực cạnh tranh trong tuyển sinh vào các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế; (4) Phát triển năng lực số theo chuẩn quốc tế và năng lực đổi mới sáng tạo, tăng cường tư duy phản biện, kỹ năng mềm của công dân toàn cầu theo chuẩn quốc tế; (5) Giáo dục học sinh trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam.

Giải pháp (1) Triển khai chương trình cốt lõi:

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 (chương trình quốc gia) theo tích hợp phù hợp và công nhận tương đương để giảm tải cho học sinh tham gia học tập chương trình chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế. Đề xuất số tiết học môn tích hợp giữa chương trình quốc gia và chương trình quốc tế (Toán, Lí, Hoá, Sinh) không quá 2/3 tổng số tiết học của cả 2 chương trình.

- Tổ chức chương trình nâng cao ở các môn chuyên, tăng cường nội dung chuyên sâu, liên ngành và định hướng nghiên cứu.

- Đẩy mạnh dạy học Tiếng Anh và tích hợp Tiếng Anh với các môn học khác, từng bước hình thành môi trường học tập song ngữ trong nhà trường.

- Xây dựng các học phần và hoạt động hỗ trợ học sinh làm quen, luyện tập và tham gia các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế.

Giải pháp (2) Phát triển chương trình bổ sung:

Triển khai chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng số, ứng dụng CNTT theo chuẩn quốc tế tạo nền tảng vững chắc cho công dân số toàn cầu, đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số và hội nhập quốc tế.

- Triển khai chương trình đào tạo khởi nghiệp quốc tế nhằm trang bị các kỹ năng mềm thiết yếu theo chuẩn quốc tế hình thành thể hệ công dân toàn cầu tự chủ, sáng tạo.

- Tổ chức đa dạng câu lạc bộ và hoạt động ngoại khóa nhằm mở rộng không gian học tập và phát triển toàn diện học sinh.

- Lồng ghép giáo dục kỹ năng công dân toàn cầu, năng lực lãnh đạo, tinh thần trách nhiệm xã hội thông qua các chương trình "nhà lãnh đạo tương lai", các cuộc thi khởi nghiệp và các dự án cộng đồng.

- Kết nối các hoạt động học thuật với trải nghiệm văn hóa, góp phần bồi dưỡng nhân cách, bản lĩnh và bản sắc văn hóa Việt Nam cho học sinh.

### **5.1.3. Trụ cột 2 - Trường học dựa trên nghiên cứu và đổi mới sáng tạo**

Định hướng: Nhà trường được định vị là một cộng đồng học thuật dựa trên nghiên cứu, trong đó mỗi học sinh chuyên không chỉ là người tiếp nhận tri thức mà còn là "nhà nghiên cứu trẻ" - biết đặt câu hỏi khoa học, xác định vấn đề, vận dụng phương pháp nghiên cứu để tìm kiếm lời giải và tạo ra tri thức mới.

Hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo được xem là trục phát triển cốt lõi trong giáo dục học sinh chuyên, góp phần hình thành tư duy phản biện, năng lực sáng tạo, khả năng tự học suốt đời và bản lĩnh hội nhập quốc tế. Nhà trường chuyên mạnh từ dạy học theo hướng tái hiện kiến thức sang dạy học thông qua nghiên cứu, dự án và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Giải pháp:

- Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học mang tính bắt buộc đối với học sinh chuyên, xây dựng lộ trình nghiên cứu phù hợp theo từng khối lớp.

- Đổi mới đánh giá theo định hướng nghiên cứu, đưa các sản phẩm nghiên cứu như đề cương khoa học, báo cáo nghiên cứu, poster, bài thuyết trình khoa học trở thành tiêu chí đánh giá quan trọng.

- Xây dựng và khai thác hiệu quả hệ sinh thái nghiên cứu - sáng tạo: phòng thí nghiệm mở, không gian sáng tạo STEM/STEAM lab, makerspace.

- Mở rộng cơ hội nghiên cứu và giao lưu học thuật: tham gia Olympic khoa học, cuộc thi khoa học kỹ thuật, hội nghị học sinh nghiên cứu trong nước và quốc tế.

#### **5.1.4. Trụ cột 3 - Đội ngũ giáo viên tinh hoa - nhà giáo kiêm cố vấn nghiên cứu**

Định hướng: Đội ngũ giáo viên của trường chuyên được định vị không chỉ là người giảng dạy kiến thức mà còn là cố vấn học thuật và cố vấn nghiên cứu cho học sinh. Mỗi giáo viên vừa thực hiện vai trò nhà giáo, vừa là người đồng hành, định hướng, hỗ trợ học sinh trong quá trình khám phá tri thức, thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển năng lực cá nhân.

Giáo viên trường chuyên phải có năng lực học thuật vững vàng, hiểu phương pháp nghiên cứu khoa học và có khả năng dẫn dắt học sinh tiếp cận chuẩn mực học thuật quốc tế. Giáo viên không chỉ giảng dạy môn học mà còn trực tiếp hướng dẫn học sinh xây dựng đề tài, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo và trình bày kết quả tại các hội nghị khoa học học sinh.

Giải pháp:

- Xây dựng và ban hành chuẩn năng lực giáo viên trường chuyên trọng điểm, tập trung vào: năng lực học thuật chuyên sâu, năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học, năng lực giảng dạy bằng tiếng Anh học thuật.

- Thiết lập cơ chế phối hợp và đồng hướng dẫn nghiên cứu với giảng viên đại học, nhà khoa học tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

- Đổi mới công tác bồi dưỡng và phát triển đội ngũ theo hướng "nghiên cứu - dẫn dắt - lan tỏa".

- Khuyến khích giáo viên công bố sản phẩm nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn.

#### **5.1.5. Trụ cột 4 - Liên kết đại học - viện nghiên cứu - doanh nghiệp**

Định hướng: Trường THPT Chu Văn An được định hướng phát triển không chỉ là một cơ sở giáo dục phổ thông chất lượng cao, mà còn trở thành một mắt xích tích cực trong hệ sinh thái khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo của Thủ đô và quốc gia. Nhà trường đóng vai trò là nơi ươm mầm sớm năng lực nghiên cứu, tư duy khoa học và tinh thần đổi mới sáng tạo cho học sinh phổ thông, trên cơ sở kết nối chặt chẽ với các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

Giải pháp:

- Thiết lập và củng cố quan hệ hợp tác chiến lược với các viện nghiên cứu quốc gia, trường đại học trọng điểm, doanh nghiệp công nghệ và sáng tạo

- Tổ chức các hoạt động học thuật - trải nghiệm gắn với nghiên cứu và thực tiễn: chương trình thực tập nghiên cứu hè, chuyên đề và seminar học thuật, hoạt động trải nghiệm phòng thí nghiệm và doanh nghiệp

- Mời giảng viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy và hướng dẫn học sinh
- Tạo cầu nối giữa tri thức học đường và nhu cầu của thị trường lao động tương lai.

### **5.1.6. Trụ cột 5 - Quốc tế hóa học thuật - giữ bản sắc Việt Nam**

Định hướng: Quốc tế hóa được triển khai theo hướng có chọn lọc, thực chất và bền vững, tập trung vào nâng cao chất lượng học thuật và năng lực nghiên cứu của học sinh, tránh xu hướng hình thức hóa hoặc chạy theo chuẩn quốc tế một cách máy móc.

Nhà trường hướng tới xây dựng môi trường học tập mở, hội nhập, giúp học sinh tiếp cận chuẩn mực học thuật quốc tế, đồng thời bồi dưỡng ý thức dân tộc, bản lĩnh văn hóa và trách nhiệm công dân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Giải pháp:

- Tăng cường tiếng Anh học thuật trong dạy học và nghiên cứu, từng bước triển khai giảng dạy một phần nội dung khoa học bằng tiếng Anh.
- Trang bị phòng lab học ngoại ngữ học thuật, có chức năng dịch thuật cabin.
- Hỗ trợ học sinh tiếp cận và đáp ứng các chuẩn mực học thuật quốc tế (SAT, ACT, AP, IB).
- Hướng dẫn học sinh tham gia các dự án nghiên cứu khoa học có yếu tố quốc tế, viết báo cáo, poster theo chuẩn mực học thuật quốc tế.
- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam trong quá trình quốc tế hóa: chú trọng giáo dục lịch sử, văn hóa, truyền thống dân tộc; lồng ghép nội dung giáo dục bản sắc văn hóa và trách nhiệm công dân.

### **5.1.7. Trụ cột 6 - Quản trị tự chủ - Trường hạt nhân đổi mới quốc gia**

Định hướng: Trường Chuyên Chu Văn An được định vị là trường thí điểm chính sách, giữ vai trò tiên phong trong đổi mới giáo dục phổ thông chất lượng cao, với mức độ tự chủ cao về mặt nhân sự, chương trình, hoạt động hợp tác liên kết và cơ chế tài chính đặc thù gắn liền với trách nhiệm giải trình. Nhà trường không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo học sinh chuyên mà còn đảm nhiệm vai trò "trường hạt nhân" lan tỏa đổi mới trong hệ thống giáo dục phổ thông.

Trong định hướng này, quản trị nhà trường chuyển sang mô hình quản trị hiện đại, linh hoạt, dựa trên dữ liệu và kết quả đầu ra.

Giải pháp:

- Thực hiện cơ chế tự chủ toàn diện gắn với trách nhiệm giải trình: tự chủ trong xây dựng và triển khai chương trình giáo dục, tổ chức bộ máy, sử dụng và phát triển đội ngũ, tự chủ tài chính.
- Xây dựng hệ thống đánh giá riêng cho trường chuyên trọng điểm, chú trọng năng lực nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của học sinh và giáo viên.
- Thực hiện vai trò lan tỏa và dẫn dắt đổi mới: chia sẻ học liệu, mô hình dạy học, kinh nghiệm tổ chức nghiên cứu khoa học với các trường THPT khác.
- Tổ chức bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, hỗ trợ chuyên môn và tư vấn triển khai các mô hình giáo dục tiên tiến.

## **5.2. Chương trình giáo dục chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế**

### **5.2.1. Định hướng chung**

Chương trình được xây dựng trên nền tảng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời phát triển các nội dung nâng cao ở các môn chuyên nhằm phát hiện, bồi dưỡng và phát triển năng lực nổi trội của học sinh. Đây là chương trình giáo dục học thuật có chất lượng cao, hướng tới chuẩn mực khu vực và quốc tế, nhưng lấy chương trình quốc gia làm trục chính, bảo đảm tính ổn định, bền vững và phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Chương trình tập trung xây dựng lộ trình giáo dục phát hiện và bồi dưỡng năng lực học thuật sớm, dựa trên nền tảng Chương trình GDPT 2018, nhưng không áp dụng chuyên hóa cứng nhắc ở giai đoạn đầu, bảo đảm sự phát triển cân bằng và phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh. Tổ chức quá trình giáo dục theo hướng phát triển toàn diện ở giai đoạn nền tảng – tăng cường phân hóa ở giai đoạn tiếp theo – phát triển chuyên sâu có định hướng và kiểm soát, giúp học sinh từng bước xác lập thể mạnh học thuật và định hướng học tập phù hợp.

Chương trình tập trung hình thành cho học sinh:

- Nền tảng học thuật vững chắc, đáp ứng và vượt chuẩn đầu ra của Chương trình GDPT 2018, đặc biệt ở các môn học thể mạnh;
- Phát triển năng lực số theo chuẩn quốc tế và năng lực đổi mới sáng tạo, tăng cường tư duy phản biện, kỹ năng mềm của công dân toàn cầu theo chuẩn quốc tế;
- Tư duy nghiên cứu, năng lực tự học và sáng tạo, biết đặt vấn đề, tìm kiếm tri thức và giải quyết vấn đề một cách khoa học;
- Có bản sắc văn hóa Việt Nam vững vàng, đồng thời có năng lực sử dụng Tiếng Anh và khả năng hội nhập quốc tế, sẵn sàng tham gia môi trường học thuật và học tập đa văn hóa.

Trên cơ sở đó, chương trình từng bước:

- Hỗ trợ học sinh làm quen, rèn luyện và tham gia các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế (như SAT, AP, MOS, GenAI Foundations/Specialist, ESB...), qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh trong tuyển sinh vào các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế;
- Đồng thời chú trọng giáo dục học sinh trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, bảo đảm sự hài hòa giữa hội nhập quốc tế và bản sắc dân tộc, hình thành những học sinh vừa có năng lực học thuật cao, vừa có bản lĩnh và căn cốt văn hóa vững vàng.

Việc tiệm cận chuẩn các chuẩn mực giáo dục quốc tế được triển khai theo lộ trình phù hợp, linh hoạt và không dồn ép, thông qua: Chương trình nâng cao ở các môn chuyên. Môi trường học tập song ngữ từng bước được hình thành; Các học phần, hoạt động học thuật và trải nghiệm bổ trợ.

Định hướng này phù hợp với kinh nghiệm của các mô hình trường trung học tiên tiến trên thế giới, nhấn mạnh phát triển học thuật chuyên sâu, năng lực nghiên cứu và hội nhập quốc tế trên nền tảng chương trình quốc gia, phát triển sớm nhưng bền vững.

### **5.2.2. Thiết kế chương trình**

#### *a. Chương trình cốt lõi*

Chương trình cốt lõi của nhà trường được xây dựng và triển khai trên nền tảng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đóng vai trò là trục học thuật trung tâm của toàn bộ chương trình giáo dục.

Chương trình cốt lõi bảo đảm:

- Thực hiện đầy đủ các môn học bắt buộc và lựa chọn theo quy định của Chương trình GDPT 2018;

- Đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Bảo đảm tính công bằng, tính pháp lý và tính liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Trên nền tảng chương trình cốt lõi, nhà trường phát triển các nội dung nâng cao ở các môn chuyên, theo hướng:

- Tăng cường chiều sâu học thuật, tiếp cận liên ngành và định hướng nghiên cứu;

- Hình thành cho học sinh nền tảng học thuật vững chắc, tư duy nghiên cứu, năng lực tự học và sáng tạo;

- Từng bước xác lập Tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai, được sử dụng ngày càng rộng rãi trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu và sinh hoạt học thuật.

- Phát triển năng lực số cho học sinh theo chuẩn quốc tế.

- Hình thành các kỹ năng mềm thiết yếu theo chuẩn quốc tế của công dân toàn cầu.

Việc dạy học Tiếng Anh và tích hợp Tiếng Anh với các môn học khác được triển khai theo lộ trình phù hợp, hướng tới hình thành môi trường học tập song ngữ, nhưng không làm ảnh hưởng đến việc bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình quốc gia.

Bên cạnh đó, chương trình cốt lõi được hỗ trợ bằng các học phần và hoạt động học thuật giúp học sinh:

- Làm quen với phương pháp học tập và đánh giá theo chuẩn quốc tế;

- Từng bước chuẩn bị cho các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế (SAT, AP, IC3, MOS, GenAI Foundations, ESB ...);

- Được tư vấn định hướng tuyển sinh đại học trong nước và quốc tế, phù hợp với năng lực và nguyện vọng cá nhân.

Chương trình được phân hóa rõ rệt và chuyên sâu có kiểm soát, phù hợp với năng lực và định hướng học tập của từng học sinh; tăng cường các chuyên đề học thuật nâng cao, tư duy phân tích – tổng hợp, làm cơ sở cho phát triển nghiên cứu khoa học và định hướng học tập sau trung học.

*b. Chương trình bổ sung (phát triển toàn diện và mở rộng không gian học tập)*

Song song với chương trình cốt lõi, nhà trường xây dựng và triển khai chương trình bổ sung nhằm mở rộng không gian học tập, phát triển toàn diện học sinh và hỗ trợ hiệu quả cho chương trình học thuật chuyên sâu. Chương trình bổ sung tập trung vào:

\* Tổ chức đa dạng các câu lạc bộ và hoạt động ngoại khóa, tạo điều kiện cho học sinh:

- Phát triển năng khiếu, sở thích và năng lực cá nhân;

- Tham gia các hoạt động học thuật mở rộng như nghiên cứu STEM, nghiên cứu khoa học;

- Rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp xã hội.

\* Lồng ghép giáo dục kỹ năng công dân toàn cầu, năng lực lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm xã hội, thông qua:

- Các chương trình “nhà lãnh đạo tương lai”;

- Các cuộc thi khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Các dự án cộng đồng và hoạt động tình nguyện;

- Trải nghiệm thực tiễn gắn với đời sống xã hội.

\* Kết nối hoạt động học thuật với trải nghiệm văn hóa, nhằm:

- Giáo dục học sinh trân trọng, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam;

- Bồi dưỡng nhân cách, bản lĩnh và ý thức công dân;

- Bảo đảm sự hài hòa giữa hội nhập quốc tế và bản sắc dân tộc trong quá trình giáo dục.

Chương trình bổ sung hướng tới phát triển năng lực nghiên cứu khoa học, sử dụng Tiếng Anh như công cụ học thuật và chuẩn bị cho các chuẩn đánh giá quốc tế, đồng thời hỗ trợ học sinh định hướng nghề nghiệp, lựa chọn ngành học và hội nhập quốc tế trên nền tảng giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc.

### **5.2.3. Cấu trúc lộ trình từ lớp 10 đến lớp 12**

Lớp 10: Xây dựng nền tảng chuyên sâu và phương pháp nghiên cứu

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 kết hợp chương trình nâng cao ở các môn chuyên theo định hướng của học sinh.

- Triển khai các học phần về phương pháp nghiên cứu khoa học, Tiếng Anh học thuật theo lĩnh vực chuyên môn.

- Duy trì giáo dục thể chất, nghệ thuật, công dân toàn cầu và văn hóa Việt Nam trong môi trường học tập mở.

Lớp 11: Phát triển chuyên sâu, liên ngành và tiếp cận chuẩn quốc tế

- Học tập chuyên sâu các môn chuyên, tăng cường nội dung liên ngành và định hướng nghiên cứu.

- Tổ chức các dự án nghiên cứu theo nhóm, hoạt động học thuật bằng Tiếng Anh.

- Hỗ trợ học sinh làm quen với các chuẩn đánh giá quốc tế (AP, nghiên cứu khoa học học sinh), giao lưu học thuật và trải nghiệm môi trường đại học – viện nghiên cứu.

Lớp 12: Khẳng định năng lực, định hướng đại học và hội nhập

- Thực hiện dự án nghiên cứu cá nhân, trình bày và bảo vệ kết quả học tập bằng hình thức học thuật, khuyến khích song ngữ.

- Tăng cường tư vấn định hướng tuyển sinh đại học trong nước và quốc tế, hỗ trợ chuẩn bị cho các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế (SAT, AP...).

- Phát triển năng lực lãnh đạo, công dân toàn cầu, đồng thời bồi dưỡng bản lĩnh và bản sắc văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập.

Lộ trình giáo dục từ lớp 10 đến lớp 12 của Trường THPT Chuyên Chu Văn An được xây dựng trên nền tảng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đồng thời phát triển theo định hướng chương trình học thuật chuyên sâu, bảo đảm tính pháp lý, tính khoa học và tính hệ thống trong tổ chức hoạt động giáo dục.

Việc triển khai chương trình cốt lõi giúp nhà trường thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và phẩm chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, qua đó hình thành cho học sinh nền tảng học thuật vững chắc, phương pháp học tập hiệu quả, năng lực tự học và tư duy nghiên cứu. Trên cơ sở đó, chương trình nâng cao ở các môn chuyên được thiết kế có chọn lọc, tăng dần mức độ chuyên sâu và liên ngành, nhằm phát hiện, bồi dưỡng và phát triển năng lực nổi trội của học sinh một cách bền vững, tránh xu hướng chuyên hóa sớm hoặc luyện thi nặng nề.

Song song với chương trình cốt lõi, chương trình bổ sung được tổ chức đa dạng, linh hoạt, mở rộng không gian học tập và trải nghiệm cho học sinh thông qua các câu lạc bộ, dự án học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học, nghệ thuật, thể thao và tình nguyện. Các hoạt động này góp phần phát triển toàn diện năng lực cá nhân, kỹ năng công dân toàn cầu, năng lực lãnh đạo và tinh thần trách nhiệm xã hội của học sinh.

Trong toàn bộ lộ trình, Tiếng Anh được xác lập là ngôn ngữ thứ hai của nhà trường, từng bước được tích hợp vào giảng dạy, học tập và hoạt động học thuật, tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận tri thức hiện đại, tham gia các kỳ thi chuẩn hóa quốc tế như SAT, AP, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

Đặc biệt, chương trình giáo dục của nhà trường chú trọng bảo đảm sự hài hòa giữa hội nhập quốc tế và gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, thông qua việc lồng ghép giáo dục giá trị văn hóa, lịch sử, nghệ thuật truyền thống trong các hoạt động học thuật và trải nghiệm, góp phần hình thành nhân cách, bản lĩnh và ý thức trách nhiệm của học sinh đối với cộng đồng và xã hội.

Với định hướng trên, Trường THPT Chuyên Chu Văn An từng bước khẳng định vai trò là cơ sở giáo dục có chất lượng học thuật cao, có năng lực hội nhập quốc tế, đóng góp vào việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

### **5.3. Đội ngũ giáo viên và quản trị nhà trường**

#### **5.3.1. Phát triển đội ngũ giáo viên**

Đội ngũ giáo viên là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. Do vậy, nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ theo hướng kết hợp giữa thu hút nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng, ươm dưỡng đội ngũ hiện có. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản trị và khả năng triển khai chương trình giáo dục mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường trong giai đoạn tới.

Các giải pháp phát triển đội ngũ:

- Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ: Tổ chức các khóa bồi dưỡng tiếng Anh chuyên ngành, mục tiêu 100% giáo viên đạt tối thiểu bậc 4 theo Khung 6 bậc, 90% đạt bậc 5 vào năm 2035.

- Bồi dưỡng năng lực giảng dạy theo chuẩn quốc tế: Hợp tác với Cambridge International Education hoặc IB Organization để bồi dưỡng giáo viên. Mục tiêu 50%

giáo viên có chứng chỉ giảng dạy chương trình tích hợp quốc tế vào năm 2028, và 90% vào năm 2035.

- Thu hút nhân tài: Áp dụng cơ chế hợp đồng vị trí việc làm theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP để thu hút giáo viên xuất sắc, chuyên gia trong nước và quốc tế. Mức lương cạnh tranh, gắn với năng lực và hiệu quả công việc.

- Tạo động lực làm việc: Xây dựng cơ chế đánh giá công bằng, minh bạch. Thường thành tích cho giáo viên có học sinh đạt giải cao, công bố nghiên cứu hoặc đổi mới sáng tạo. Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện.

### **5.3.2. Cơ cấu tổ chức và quản trị**

Xây dựng cơ cấu tổ chức hiện đại, phù hợp với mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế:

- Ban Giám hiệu: Theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ, mỗi trường THPT được bố trí tối đa 02 Phó Hiệu trưởng. Tuy nhiên, đối với trường chuyên có quy mô lớn và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng học sinh năng khiếu cấp cao, đặc biệt trong bối cảnh triển khai các mục tiêu đổi mới quản trị giáo dục và hội nhập quốc tế, việc duy trì cơ cấu quản lý tương đương với trường phổ thông thông thường sẽ khó đáp ứng yêu cầu quản trị hiệu quả, kịp thời và chuyên sâu. Thực tiễn tại nhiều cơ sở giáo dục chất lượng cao trong và ngoài nước cho thấy mô hình quản trị thường được phân công theo các trụ cột quản lý chuyên biệt như: phát triển chương trình học thuật, quản lý học sinh và hoạt động giáo dục toàn diện, hợp tác quốc tế và phát triển nguồn lực.

Vì vậy, để bảo đảm triển khai hiệu quả mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, Đề án đề xuất cho phép Trường THPT chuyên Chu Văn An được bố trí 03 Phó Hiệu trưởng theo cơ chế đặc thù. Việc tăng thêm 01 Phó Hiệu trưởng nhằm phân công phụ trách các lĩnh vực quản lý trọng tâm, gồm: (1) quản lý chuyên môn và phát triển chương trình giáo dục chất lượng cao; (2) quản lý học sinh, bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục toàn diện; (3) hợp tác quốc tế, chuyển đổi số, kiểm định chất lượng và phát triển nguồn lực. Cơ cấu này sẽ giúp nâng cao năng lực quản trị, bảo đảm sự điều hành chuyên sâu theo từng lĩnh vực, đồng thời tạo điều kiện để nhà trường triển khai hiệu quả các nhiệm vụ đổi mới giáo dục theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị.

- Hội đồng tư vấn học thuật (trong nước và quốc tế): tư vấn chiến lược học thuật, chương trình đa chuẩn, chuẩn đầu ra, nghiên cứu khoa học và thẩm định các đổi mới.

- Bộ phận đảm bảo chất lượng và kiểm định: vận hành hệ thống tiêu chí/KPI, tổ chức đánh giá nội bộ và phối hợp đánh giá độc lập định kỳ; công khai dữ liệu chất lượng.

- Các bộ phận chức năng của trường gồm: hỗ trợ công tác hợp tác quốc tế, hành chính, tài chính, công nghệ Thông tin, nghiên cứu và phát triển và hỗ trợ học sinh.

- Các tổ chuyên môn: Tổ trưởng chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo giáo viên chủ chốt, có năng lực cao, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của chương trình.

- Trung tâm Nghiên cứu và Đổi mới: chịu trách nhiệm nghiên cứu, phát triển chương trình, bồi dưỡng giáo viên và thí điểm các phương pháp dạy học mới.

## **5.4. Định hướng chuyển đổi số**

Việc xây dựng hệ thống trường học thông minh, hạ tầng số và học liệu số của nhà trường được triển khai trong tổng thể chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục Thành phố theo các nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW. Nhà trường được lựa chọn triển khai trước các mô hình thí điểm, trên cơ sở kết nối với hệ thống dữ liệu và nền tảng quản trị chung của ngành giáo dục, đồng thời phát triển các mô-đun riêng phục vụ yêu cầu quản trị và đào tạo đặc thù.

### **5.4.1. Trường học số**

Trường THPT chuyên Chu Văn An định hướng xây dựng mô hình "Trường học số" toàn diện, kết hợp giữa công nghệ hiện đại và quản trị dựa trên dữ liệu để tối ưu hóa hiệu quả giáo dục. Mô hình này tập trung vào 5 cấu phần cốt lõi: lãnh đạo số với quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu thực tế; dạy học số với bài giảng tương tác và lớp học đảo ngược; hạ tầng số băng thông rộng; hệ sinh thái dữ liệu giúp cá nhân hóa lộ trình học tập; và kênh kết nối cộng đồng số giữa nhà trường, phụ huynh và cựu học sinh. Nhà trường áp dụng các khung chuẩn quốc tế như UNESCO ICT-CFT và ISTE, đồng thời bám sát bộ chỉ số của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đo lường mức độ "trở thành số", chuyển đổi từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị thông minh, minh bạch.

### **5.4.2. Hồ sơ năng lực số - Mã định danh học tập (Learning ID)**

Một trong những đột phá của đề án là việc cấp cho mỗi học sinh một mã định danh học tập duy nhất (Learning ID), đóng vai trò như một "hộ chiếu học tập" liên kết toàn bộ dữ liệu từ điểm số, thành tích nghiên cứu khoa học, chứng chỉ quốc tế đến các hoạt động ngoại khóa và năng lực số. Hệ thống hồ sơ năng lực số này không chỉ giúp nhà trường theo dõi sát sao sự tiến bộ và phát hiện sớm các nhu cầu hỗ trợ của học sinh mà còn tạo lập một cơ sở dữ liệu tin cậy, giúp các em xây dựng hồ sơ xét tuyển đại học và du học theo chuẩn quốc tế một cách chuyên nghiệp và thuyết phục.

### **5.4.3. Khảo thí trên máy tính và ngân hàng đề chuẩn hóa**

Để nâng cao tính khách quan và công bằng, nhà trường đẩy mạnh hiện đại hóa công tác đánh giá thông qua hệ thống khảo thí trên máy tính và ngân hàng đề thi chuẩn hóa. Ngân hàng đề được xây dựng khoa học, bao phủ đầy đủ các yêu cầu năng lực của chương trình tích hợp và được thẩm định chặt chẽ về độ phân hóa. Hệ thống cho phép tổ chức thi đa dạng từ trắc nghiệm đến tự luận ngắn, hỗ trợ chấm điểm tự động và phản hồi kết quả tức thì. Đặc biệt, việc hợp tác với các tổ chức khảo thí quốc tế như Cambridge, IB hay College Board giúp tích hợp các chứng chỉ toàn cầu vào hệ thống đánh giá chính thức, đảm bảo tính liên thông và chuẩn hóa quốc tế cho học sinh.

### **5.4.4. Quản trị và theo dõi theo tiêu chí chất lượng**

Nhà trường triển khai mô hình quản trị hiện đại dựa trên bảng điều khiển chất lượng (Dashboard) hiển thị dữ liệu theo thời gian thực. Hệ thống tiêu chí chất lượng bao trùm các lĩnh vực: học thuật, đội ngũ, tài chính, hội nhập và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Việc theo dõi dựa trên các chỉ số KPI cụ thể giúp Ban Giám hiệu chuyển từ quản lý dựa trên kinh nghiệm sang quản trị dựa trên bằng chứng, kịp thời can thiệp và điều chỉnh chiến lược. Hằng năm, nhà trường cam kết công khai báo cáo chất lượng, thực hiện kiểm định độc lập và giải trình minh bạch trước phụ huynh và xã hội, tạo động lực cải tiến chất lượng liên tục.

#### **5.4.5. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giáo viên và quản lý**

Trí tuệ nhân tạo (AI) được định hướng trở thành trợ thủ đắc lực trong việc giảm tải công việc hành chính và nâng cao chất lượng chuyên môn. AI hỗ trợ giáo viên thiết kế bài giảng, xây dựng đề thi, chấm bài tự động và phân tích điểm mạnh, điểm yếu của từng học sinh để đưa ra cảnh báo sớm về nguy cơ học tập. Trong quản lý, AI giúp dự báo các xu hướng giáo dục và hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp cá nhân hóa cho học sinh. Nhà trường đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc đạo đức trong ứng dụng AI: công nghệ chỉ đóng vai trò hỗ trợ, không thay thế giáo viên, đồng thời bảo vệ nghiêm ngặt dữ liệu cá nhân và đào tạo cho học sinh kỹ năng sử dụng AI một cách an toàn và có trách nhiệm.

#### **5.5. Cơ sở vật chất**

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất theo định hướng trường trung học phổ thông chuyên chất lượng cao, tiệm cận chuẩn quốc tế là yêu cầu quan trọng nhằm tạo môi trường học tập, nghiên cứu và phát triển toàn diện cho học sinh năng khiếu.

Việc đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại và phù hợp với mô hình phát triển của trường chuyên công lập trọng điểm. Các nội dung đầu tư tập trung vào ba nhóm chính:

(1) Phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, quản trị số và môi trường học tập số;

(2) Trang bị cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và các chương trình đào tạo chuyên sâu;

(3) Đầu tư hoàn thiện các khối chức năng phục vụ phát triển toàn diện học sinh, bao gồm các không gian học thuật, nghiên cứu, thể chất, nghệ thuật, sinh hoạt và các tiện ích hỗ trợ giáo dục.

##### **5.5.1. Khối nhà học và phòng học bộ môn, thực hành thí nghiệm**

Hệ thống phòng học và phòng thí nghiệm được thiết kế theo định hướng trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, bảo đảm đáp ứng đồng thời yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và các chuẩn đầu ra quốc tế như A-Level, SAT, IELTS, MOS và các chứng chỉ học thuật quốc tế khác:

- Các phòng học được thiết kế theo mô hình lớp học thông minh, trang bị hệ thống bảng tương tác, thiết bị trình chiếu, hệ thống ghi hình phục vụ dạy học trực tuyến, hạ tầng mạng tốc độ cao và nền tảng quản lý học tập số. Không gian lớp học được bố trí linh hoạt nhằm hỗ trợ các phương pháp dạy học hiện đại như học tập dự án, học tập theo nhóm, seminar học thuật và dạy học tích hợp.

- Hệ thống phòng học bộ môn được tổ chức theo các lĩnh vực học thuật chuyên sâu, hiện đại và an toàn, phục vụ đào tạo thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và phát triển năng lực học thuật theo chuẩn đầu ra quốc tế của trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế:

+ Các phòng học bộ môn khoa học tự nhiên gồm Vật lý, Hóa học và Sinh học được thiết kế theo chuẩn phòng thực hành hiện đại, tích hợp khu vực giảng dạy và thực nghiệm, trang bị hệ thống thiết bị thí nghiệm, thiết bị đo lường, mô hình thí nghiệm và phần mềm mô phỏng phục vụ dạy học chuyên sâu và thực hành khoa học.

+ Các phòng học bộ môn khoa học xã hội được tổ chức theo mô hình lớp học học thuật tương tác, trang bị hệ thống học liệu số, bản đồ số, tư liệu đa phương tiện và thiết

bị trình chiếu nhằm hỗ trợ hoạt động phân tích tư liệu, thảo luận học thuật và nghiên cứu độc lập.

+ Phòng học bộ môn ngoại ngữ được thiết kế theo chuẩn phòng học ngôn ngữ hiện đại với hệ thống âm thanh đa kênh, thiết bị ghi âm, phần mềm luyện phát âm và nền tảng học tập trực tuyến nhằm phục vụ đào tạo năng lực ngoại ngữ học thuật và luyện thi các chứng chỉ quốc tế.

+ Phòng học bộ môn Tin học được tổ chức theo mô hình phòng thí nghiệm khoa học máy tính, trang bị hệ thống máy tính cấu hình cao, máy chủ nội bộ và các phần mềm lập trình, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, hỗ trợ đào tạo các lĩnh vực khoa học máy tính và công nghệ số.

+ Phòng thí nghiệm tích hợp STEM/STEAM và công nghệ được tổ chức theo mô hình không gian nghiên cứu liên ngành, trang bị thiết bị robotics, tự động hóa, in 3D, chế tạo số, cảm biến, hệ thống điều khiển và phần mềm mô phỏng, hỗ trợ học sinh triển khai các dự án nghiên cứu, sáng tạo khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Phòng thực hành khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số được trang bị hệ thống máy tính hiệu năng cao, nền tảng tính toán, phần mềm phân tích và môi trường lập trình chuyên sâu, phục vụ đào tạo và nghiên cứu các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn, đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực nghiên cứu, năng lực số và khả năng hội nhập quốc tế của học sinh trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

### **5.5.2. Khối thư viện và không gian học tập**

Khối thư viện và không gian học tập được tổ chức theo mô hình Trung tâm học liệu (Learning Resource Center – LRC) hiện đại, đóng vai trò hạt nhân hỗ trợ tự học, nghiên cứu tài liệu và phát triển năng lực học thuật độc lập của học sinh trong môi trường trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế. Thư viện được quy hoạch thành các phân khu chức năng rõ ràng gồm khu lưu trữ học liệu in, khu học liệu số (Digital Library), khu tra cứu cơ sở dữ liệu học thuật quốc tế (Academic Database Access), khu đọc mở (Open Reading Area), khu tự học cá nhân (Individual Study Carrels), khu học tập nhóm (Collaborative Learning Space) và các phòng seminar học thuật, được trang bị hệ thống quản lý thư viện tích hợp (Integrated Library System – ILS), cổng truy cập tài nguyên số (Discovery System), thiết bị số hóa tài liệu và hạ tầng mạng tốc độ cao bảo đảm khả năng khai thác tri thức toàn cầu.

Không gian học tập được thiết kế theo chuẩn môi trường học tập linh hoạt (Flexible Learning Environment) và mô hình Collaborative Learning Commons, cho phép tổ chức đa dạng hình thức học tập như tự học, học theo nhóm, học tập dự án và chuẩn bị các sản phẩm học thuật. Các khu chức năng được trang bị thiết bị trình chiếu, bảng tương tác, hệ thống hội thảo trực tuyến và nền tảng học tập số nhằm hỗ trợ học sinh phát triển năng lực nghiên cứu tài liệu, tư duy phản biện, kỹ năng học thuật và năng lực học tập suốt đời, đồng thời tạo điều kiện để giáo viên triển khai các phương pháp dạy học hiện đại như blended learning, flipped classroom và inquiry-based learning.

### **5.5.3. Không gian nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo**

Các phòng nghiên cứu khoa học được bố trí theo mô hình Research Lab chuyên đề, phục vụ hoạt động nghiên cứu độc lập của học sinh theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên, giảng viên và chuyên gia, không phụ thuộc vào tổ chức lớp học chính khóa. Hệ thống phòng nghiên cứu khoa học tự nhiên, phòng nghiên cứu khoa học xã hội

và liên ngành được trang bị thiết bị phân tích, hệ thống thu thập và xử lý dữ liệu, phần mềm nghiên cứu chuyên dụng, bảng tương tác học thuật và hạ tầng kết nối dữ liệu, tạo điều kiện triển khai đề tài nghiên cứu, dự án khoa học và tham gia các chương trình nghiên cứu học sinh trong nước và quốc tế.

Khu nghiên cứu và sáng tạo STEM/STEAM được tổ chức theo mô hình Innovation Lab và Maker Space, bao gồm phòng chế tạo và thử nghiệm công nghệ, phòng robotics, phòng tự động hóa và không gian chế tạo số, được trang bị thiết bị in 3D, cắt khắc laser, bộ công cụ vi điều khiển, cảm biến thông minh, hệ thống thiết kế – mô phỏng và nền tảng lập trình nhúng. Không gian này hỗ trợ học sinh phát triển các dự án kỹ thuật, sản phẩm sáng tạo, mô hình công nghệ và các giải pháp đổi mới sáng tạo theo quy trình thiết kế – chế tạo – kiểm thử, phù hợp với định hướng giáo dục STEM và mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao.

Các phòng nghiên cứu khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ số được tổ chức theo mô hình Computational Lab, trang bị hệ thống máy trạm hiệu năng cao, máy chủ tính toán, nền tảng phân tích dữ liệu, môi trường lập trình và mô phỏng khoa học, phục vụ các dự án nghiên cứu về khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng và công nghệ số. Không gian làm việc nhóm dự án, phòng trao đổi học thuật chuyên sâu và khu trưng bày sản phẩm nghiên cứu được bố trí nhằm hỗ trợ quá trình thảo luận, phản biện khoa học và công bố kết quả nghiên cứu, góp phần hình thành hệ sinh thái nghiên cứu học sinh tiệm cận chuẩn mô hình giáo dục tinh hoa quốc tế, đồng thời bảo đảm tính độc lập chức năng với khối nhà học chính khóa, thư viện học thuật và các khối phát triển năng khiếu trong cùng hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường.

#### **5.5.4. Khối nghệ thuật, thể chất và phát triển năng khiếu**

Các không gian nghệ thuật chuyên biệt gồm Phòng Âm nhạc (60m<sup>2</sup>) trang bị nhạc cụ, hệ thống thu – phát và xử lý âm thanh (Audio Recording & Monitoring), Phòng Nhiếp ảnh (65m<sup>2</sup>) và Phòng Quay phim (65m<sup>2</sup>) với thiết bị chụp, quay, dựng hậu kỳ (Digital Imaging & Video Production), cùng Rạp chiếu phim mini/phòng chiếu chuyên dụng (185,9m<sup>2</sup>) phục vụ phân tích tác phẩm và trình diễn học thuật đa phương tiện; các không gian này hỗ trợ đào tạo năng khiếu nghệ thuật, phát triển sáng tạo và năng lực biểu đạt theo chuẩn giáo dục nghệ thuật hiện đại, phù hợp mục tiêu trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế.

Không gian phát triển năng khiếu biểu diễn gồm Phòng Khiêu vũ/Vũ đạo/Múa/Nhảy hiện đại (134,4m<sup>2</sup>) với sàn chuyên dụng, gương tập, hệ thống âm thanh – ánh sáng sân khấu (Performance Training Studio), phục vụ huấn luyện kỹ thuật biểu diễn, phát triển thể chất chuyên biệt và năng lực trình diễn cho học sinh có năng lực nổi trội; các phòng luyện tập cá nhân và nhóm được bố trí linh hoạt nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo chuyên sâu theo hướng Talent Development.

Khu thể chất và thể thao được tổ chức theo chuẩn Physical Education and Sports Complex, bao gồm Nhà đa năng TDTT 1 (550m<sup>2</sup>), Nhà đa năng TDTT 2 (1200m<sup>2</sup>), Bể bơi và khu phụ trợ (550m<sup>2</sup>), sân bóng đá và đường chạy Pitch 100m, trang bị thiết bị tập luyện, thi đấu và hệ thống hỗ trợ huấn luyện hiện đại (Training & Conditioning Equipment), phục vụ giáo dục thể chất toàn diện cho toàn bộ học sinh đồng thời tạo điều kiện bồi dưỡng vận động viên năng khiếu; cấu trúc này bảo đảm phát triển thể lực, sức bền, kỹ năng vận động và thành tích thể thao trong môi trường học đường chất lượng cao.

### 5.5.5. Khối quản trị, điều hành và hỗ trợ giáo dục

Khu quản trị và điều hành được tổ chức theo mô hình Administrative and Educational Support Center, bố trí trong cụm không gian làm việc liên hoàn, trang bị hệ thống quản lý văn bản điện tử (e-Office), cơ sở dữ liệu quản trị nhà trường (School Management Information System – SMIS), thiết bị hội nghị trực tuyến và hạ tầng mạng bảo mật cao, bảo đảm điều hành tập trung, minh bạch và hiệu quả theo chuẩn quản trị trường học hiện đại. Phòng Hội đồng và các phòng họp chuyên môn được trang bị hệ thống trình chiếu, hội nghị truyền hình và thiết bị cộng tác số, phục vụ sinh hoạt chuyên môn, đào tạo giáo viên và kết nối học thuật với các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế.

Khu làm việc của giáo viên và hỗ trợ học thuật gồm phòng giáo viên, phòng bộ môn và không gian nghiên cứu chuyên môn sâu, được trang bị máy tính, thiết bị biên soạn học liệu số, hệ thống lưu trữ dữ liệu và nền tảng cộng tác trực tuyến theo mô hình Professional Learning Community, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và phát triển chuyên môn giáo viên trong môi trường giáo dục chất lượng cao.

Hệ thống hỗ trợ giáo dục chuyên sâu gồm Phòng tham vấn tâm lý, Phòng trị liệu nhóm, Phòng sức khỏe tinh thần và Phòng định hướng nghề nghiệp và tư vấn đại học (mỗi phòng khoảng 60m<sup>2</sup>), được bố trí bảo đảm tính riêng tư, trang bị công cụ đánh giá tâm lý, thiết bị tư vấn trực tuyến và học liệu hướng nghiệp, phục vụ hoạt động hỗ trợ học sinh về tâm lý, phát triển cá nhân và định hướng học tập - nghề nghiệp theo chuẩn quốc tế. Phòng y tế học đường với trang thiết bị chăm sóc sức khỏe ban đầu và hệ thống theo dõi sức khỏe học sinh được bố trí trong khối này nhằm bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe toàn diện.

Khối quản trị, điều hành và hỗ trợ giáo dục bảo đảm sự vận hành đồng bộ của nhà trường, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động dạy học, nghiên cứu và phát triển học sinh.

### 5.5.6. Khối hoạt động ngoại khóa và tiện ích

Các không gian hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo mô hình Co-curricular Activities Complex, bao gồm hệ thống phòng sinh hoạt câu lạc bộ đa năng (60–80m<sup>2</sup>/phòng), Phòng hội thảo quốc tế (69,3m<sup>2</sup> × 3), Phòng họp hội thảo (161,6m<sup>2</sup>) và Hội trường 600 chỗ phục vụ các chương trình giao lưu học thuật, diễn đàn học sinh, mô hình mô phỏng quốc tế (Model United Nations), hội nghị, diễn đàn và các hoạt động hợp tác quốc tế. Các không gian này được trang bị hệ thống trình chiếu, hội nghị trực tuyến, thiết bị dịch cabin di động và hạ tầng kết nối số, cho phép tổ chức các hoạt động ngoại khóa mang tính học thuật và giao lưu toàn cầu, góp phần phát triển năng lực công dân quốc tế và kỹ năng mềm cho học sinh.

Không gian truyền thông và tổ chức sự kiện gồm khu sản xuất nội dung đa phương tiện, rạp chiếu phim mini/phòng chiếu chuyên dụng phục vụ học tập (185,9m<sup>2</sup>) và sân khấu ngoài trời (150m<sup>2</sup>), tạo điều kiện tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, biểu diễn quần chúng, hội thảo chuyên đề, chiếu phim giáo dục và các chương trình ngoại khóa quy mô lớn. Các không gian này hỗ trợ mô hình **Experiential Learning** và **Project-based Activities**, giúp học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp, sáng tạo, tổ chức sự kiện và năng lực làm việc nhóm thông qua các hoạt động ngoài chương trình chính khóa.

Khu tiện ích học đường tích hợp gồm không gian sinh hoạt chung trong nhà, khu dịch vụ học sinh và căng tin tập trung được tổ chức theo mô hình bấp một chiều với khu

ăn riêng cho học sinh và giáo viên, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, dinh dưỡng và phục vụ số lượng lớn người sử dụng trong thời gian cao điểm.

Không gian sinh hoạt ngoài trời được bố trí theo mô hình **Outdoor Student Plaza**, bao gồm khu cảnh quan, sân bóng đá, đường chạy Pitch 100m và các khu vực tổ chức hoạt động tập thể, tận dụng mật độ xây dựng thấp để hình thành môi trường học đường xanh, thân thiện và hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học. Khối hoạt động ngoại khóa và tiện ích bảo đảm mọi học sinh đều được tham gia các hoạt động phát triển kỹ năng sống, đời sống tinh thần và năng lực xã hội trong môi trường giáo dục hiện đại.

### **5.5.7. Ký túc xá và nhà ăn**

Khu ký túc xá học sinh được tổ chức theo mô hình Student Dormitory Complex, bố trí các phòng ở nội trú, khu sinh hoạt chung, khu tự học buổi tối và các không gian hỗ trợ đời sống học sinh, bảo đảm điều kiện sinh hoạt an toàn, văn minh và phù hợp với môi trường giáo dục chất lượng cao. Hệ thống phòng ở được trang bị giường tầng tiêu chuẩn, tủ cá nhân, bàn học, kết nối mạng và hệ thống quản lý nội trú số (Dormitory Management System), cho phép quản lý, giám sát và hỗ trợ học sinh nội trú hiệu quả. Khu sinh hoạt chung và không gian học tập bổ trợ được thiết kế nhằm hình thành môi trường sống - học tập tích hợp, tạo điều kiện để học sinh phát triển kỹ năng tự quản, hợp tác và thích nghi với môi trường học thuật cường độ cao.

Khu chuyên gia được bố trí độc lập phục vụ giáo viên thỉnh giảng, chuyên gia, nhà khoa học và đối tác quốc tế tham gia giảng dạy, nghiên cứu và hợp tác học thuật tại nhà trường. Không gian lưu trú được trang bị tiện nghi sinh hoạt, khu làm việc cá nhân và hệ thống kết nối số, đáp ứng yêu cầu lưu trú dài hạn và hỗ trợ các chương trình trao đổi học thuật quốc tế, góp phần nâng cao tính hội nhập và chất lượng đào tạo của trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế.

Khu nhà ăn và dịch vụ ăn uống gồm căng tin tập trung được tổ chức theo quy chuẩn, quy trình bếp một chiều, khu chế biến, khu phân phối suất ăn và các khu ăn riêng cho học sinh và giáo viên, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và phục vụ số lượng lớn người sử dụng trong thời gian cao điểm. Không gian ăn uống được thiết kế thông thoáng, trang bị hệ thống thông gió, xử lý mùi và thiết bị phục vụ hiện đại, tạo môi trường sinh hoạt dinh dưỡng khoa học, góp phần bảo đảm sức khỏe và thể lực cho học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện. Khối ký túc xá và nhà ăn hình thành hệ thống hỗ trợ đời sống học đường toàn diện, phục vụ học sinh nội trú, học sinh ở xa và các hoạt động đào tạo đặc thù, đồng thời không chồng lấn với các khối học thuật, nghiên cứu, ngoại khóa hay quản trị trong cấu trúc cơ sở vật chất của nhà trường.

### **5.5.8. Hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số và an toàn**

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được thiết kế bảo đảm vận hành ổn định, an toàn và liên tục cho toàn bộ hoạt động dạy học, nghiên cứu và quản trị theo mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế. Mạng internet băng thông rộng kết hợp hệ thống wifi tốc độ cao phủ sóng 100% khuôn viên cho phép triển khai đồng bộ các nền tảng dạy học số, quản trị số và kết nối học thuật toàn cầu. Hệ thống điện dự phòng gồm UPS và máy phát điện công suất phù hợp bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của trung tâm dữ liệu, hệ thống CNTT, phòng khảo thí trên máy tính và các thiết bị trọng yếu trong mọi tình huống.

Hệ thống an toàn được triển khai đồng bộ với hệ thống phòng cháy chữa cháy theo Quy chuẩn QCVN 06:2021/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình, kết hợp hệ thống camera giám sát, kiểm soát ra vào và báo động an ninh, bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, nhân viên và tài sản trong toàn bộ khuôn viên. Hệ thống xử lý nước thải và quản lý rác thải được xây dựng theo quy chuẩn môi trường, bảo đảm vệ sinh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và giảm thiểu tác động môi trường trong quá trình vận hành.

Thiết kế công trình tuân thủ quy chuẩn sử dụng năng lượng hiệu quả theo Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD, tích hợp hệ thống điện mặt trời, các giải pháp chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, thông gió tự nhiên và công nghệ quản lý năng lượng thông minh nhằm giảm tiêu thụ năng lượng và phát triển bền vững. Tổng thể hạ tầng kỹ thuật, chuyển đổi số và an toàn hình thành nền tảng Smart, Safe and Sustainable Campus, bảo đảm điều kiện vận hành hiện đại, ổn định và thân thiện môi trường, phù hợp với mục tiêu xây dựng trường chuyên chất lượng cao, hội nhập quốc tế và phát triển lâu dài.

### **5.5.9. Lộ trình đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

- Đầu tư phần xây dựng: Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng năm 2027-2028
- Đầu tư trang thiết bị dạy học: Căn cứ theo chương trình và lộ trình của Đề án, nhà trường đề xuất danh mục trang thiết bị cần đầu tư bổ sung giai đoạn 2026-2028 (phục vụ năm học 2026-2027 và 2027-2028), đảm bảo hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí.

*(Chi tiết tại phụ lục 4)*

## **5.6. Cơ chế đặc thù và chính sách tài chính**

### **5.6.1. Nguyên tắc chung**

Trường THPT chuyên Chu Văn An với mô hình trở thành trường chuyên tiệm cận quốc tế được xác định là trường công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính không làm thay đổi bản chất của Trường THPT chuyên Chu Văn An là cơ sở giáo dục công lập; ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính khóa và các nhiệm vụ nâng cao chất lượng theo Đề án.

Nhà trường được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của pháp luật. Nhà trường có trách nhiệm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định làm căn cứ để thực hiện.

Ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các dịch vụ giáo dục, đào tạo của Trường theo mô hình trường chuyên tiệm cận quốc tế theo tiêu chí, danh mục, nguyên tắc, chỉ tiêu kế hoạch được UBND Thành phố phê duyệt hàng năm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố. Đối với các khoản thu dịch vụ (nếu có) được thực hiện theo quy định hiện hành, bảo đảm theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch và không mang tính bắt buộc.

### **5.6.2. Nguồn tài chính**

#### ***a) Nguồn tài chính của Trường bao gồm:***

- Nguồn ngân sách nhà nước: Kinh phí cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định;

Kinh phí chi thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao (nếu có); Vốn đầu tư phát triển của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật đầu tư công (nếu có).

- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp hợp pháp theo quy định của pháp luật; việc tổ chức các hoạt động dịch vụ (nếu có) phải bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không gắn với nghĩa vụ tài chính bắt buộc đối với học sinh;

- Nguồn vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

***b) Nguồn thu xác định mức tự chủ tài chính của trường gồm:***

- Ngân sách nhà nước cấp bù thực hiện chính sách miễn học phí theo quy định của HĐND Thành phố;

- Ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các dịch vụ giáo dục, đào tạo của Trường theo mô hình trường chuyên tiệm cận quốc tế.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

**5.6.3. Nhiệm vụ, giải pháp**

- Xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Trường theo chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với mô hình trở thành trường chuyên tiệm cận quốc tế theo Đề án được phê duyệt trình UBND Thành phố phê duyệt;

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Trường theo mô hình trở thành trường chuyên tiệm cận quốc tế trình UBND Thành phố phê duyệt;

- Xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Trường theo mô hình trở thành trường chuyên tiệm cận quốc tế báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố phê duyệt theo quy định;

- Xây dựng danh mục, nguyên tắc, tiêu chí, chỉ tiêu do ngân sách nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các dịch vụ giáo dục, đào tạo của Trường theo mô hình trường chuyên tiệm cận quốc tế hằng năm, trình UBND Thành phố phê duyệt, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

- Xây dựng phương án tự chủ tài chính của Trường trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm; dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định và phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, trình Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt;

- Xây dựng danh mục trang thiết bị dạy và học đảm bảo theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, có lộ trình đầu tư mua sắm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

**5.6.4. Cơ chế quản trị tài chính**

Nhà trường được chủ động trong quản lý, sử dụng các nguồn tài chính được giao để tổ chức các hoạt động giáo dục theo Đề án, bao gồm phát triển chương trình, tổ chức giảng dạy, hợp tác quốc tế, sử dụng dịch vụ và thuê chuyên gia.

Việc quản trị tài chính phải bảo đảm:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, tài chính công và các quy định có liên quan;

- Thực hiện công khai tài chính;
- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước;
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình.

### 5.6.5. Quỹ học bổng và quỹ phát triển trường

Thành lập các quỹ để huy động nguồn lực xã hội và đảm bảo công bằng tiếp cận:

**Quỹ học bổng:** Dành tối thiểu 8-10% tổng nguồn lực hợp pháp huy động được hằng năm cho học bổng và hỗ trợ học sinh. Huy động đóng góp từ cựu học sinh, doanh nghiệp và các tổ chức. Cơ chế matching funds: mỗi đồng quyền góp, nhà trường hoặc nhà nước cộng thêm tương ứng.

**Quỹ phát triển trường:** Tiếp nhận tài trợ cho xây dựng cơ sở vật chất, mua trang thiết bị, phát triển chương trình. Quỹ được quản lý bởi Ban Quản lý Quỹ độc lập, có sự tham gia của các bên liên quan.

**Quỹ giá trị truyền thống:** Dành riêng cho bảo tồn, số hóa tư liệu, xây dựng bảo tàng học đường và tổ chức các hoạt động kỷ niệm.

### 5.7. Lộ trình triển khai Đề án

Đề án được triển khai theo lộ trình nhằm bảo đảm đủ điều kiện tổ chức tuyển sinh khóa đầu tiên theo mô hình mới từ năm học 2026-2027, đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, chương trình và đội ngũ trong các giai đoạn tiếp theo. Các nhiệm vụ chuẩn bị được triển khai đồng thời và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện.

Đề án được triển khai theo ba giai đoạn với nhiệm vụ cụ thể (Bảng 1)

*Bảng 1: Lộ trình triển khai Đề án*

Giai đoạn	Thời gian	Nhiệm vụ chính	Kết quả mong đợi
Giai đoạn 1: Nền tảng	2026-2029 (3 năm học)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Nâng cấp hạ tầng CSVC và công nghệ</li><li>• Đào tạo giáo viên theo chuẩn quốc tế</li><li>• Xây dựng chương trình giáo dục tích hợp theo mục tiêu của từng nhóm lớp</li><li>• Xây dựng hệ thống hồ sơ năng lực số</li><li>• Đánh giá, rút kinh nghiệm mô hình sau giai đoạn 1</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• CSVC đạt chuẩn</li><li>• 50% GV có chứng chỉ quốc tế</li><li>• Chương trình thí điểm vận hành</li></ul>
Giai đoạn 2: Mở rộng	2029-2032 (3 năm học)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Mở rộng các lớp tích hợp học thuật sâu</li><li>• Kiểm định chất lượng quốc tế</li><li>• Tăng cường hợp tác quốc tế, doanh nghiệp/viện</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>• 100% các lớp chuyên KHTN học chương trình tích hợp học thuật sâu</li><li>• Kiểm định quốc tế đạt chuẩn</li></ul>

Giai đoạn	Thời gian	Nhiệm vụ chính	Kết quả mong đợi
		<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng kết, đánh giá mô hình sau giai đoạn 2</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>70% GV có chứng chỉ quốc tế</li> </ul>
Giai đoạn 3: Hoàn thiện	2032-2035 (3 năm học)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hoàn thiện mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế</li> <li>Trở thành trung tâm đào tạo giáo viên</li> <li>Xuất khẩu mô hình ra các trường khác</li> <li>Phát triển bền vững</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>90% GV có chứng chỉ quốc tế</li> <li>Mô hình được nhân rộng</li> <li>Tài chính bền vững</li> <li>Thương hiệu quốc tế</li> </ul>

Trong quá trình triển khai, Trường THPT chuyên Chu Văn An được xác định là trung tâm hạt nhân của Thủ đô trong đổi mới giáo dục phổ thông, có trách nhiệm:

- Chia sẻ học liệu và mô hình tốt; phát triển kho học liệu dùng chung, hỗ trợ chuyển đổi số cho các trường trên địa bàn.

- Bồi dưỡng, hỗ trợ giáo viên các trường khác thông qua chương trình tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, cộng đồng học tập.

- Thử nghiệm và lan tỏa các mô hình, giải pháp mới; gắn trực tiếp với Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 71-NQ/TW của Thành phố.

- Công khai dữ liệu chất lượng và báo cáo định kỳ để phục vụ giám sát, so sánh và cải tiến liên tục.

### 5.7.1. Lộ trình phát triển quy mô lớp học, quy mô học sinh

\* **Quy mô lớp học:** Lộ trình phát triển quy mô lớp học được xây dựng theo từng năm học, đảm bảo chuyển đổi dần từ mô hình lớp chuyên sang mô hình lớp chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế. Giai đoạn 2026-2029 tồn tại song song các lớp chuyên hoạt động theo Thông tư số 05/2023 và các lớp chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế. Đến năm học 2028-2029 toàn trường hoạt động theo mô hình chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế với quy mô 60 lớp, mỗi khối 20 lớp. Trong mỗi khối có 4 lớp học chương trình tích hợp học thuật sâu các môn Toán, Lí, Hoá (gọi là lớp tích hợp học thuật sâu- THHTS). Căn cứ vào kết quả đào tạo thực tiễn mà tăng dần các lớp học chương trình THHTS từ năm học 2029-2030. Cụ thể (Bảng 2):

Bảng 2: Lộ trình phát triển quy mô lớp học

Năm học	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng số lớp	
	Số lớp TS	Số lớp THHTS trong số lớp TS	Số lớp TS	Số lớp THHTS trong số lớp TS	Số lớp TS	Số lớp THHTS trong số lớp TS	Số lớp của năm học	Số lớp THHTS trong tổng số lớp
2026-2027	20	4	19	-	24	-	63	4
2027-2028	20	4	20	4	19	-	59	8

Năm học	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng số lớp	
	Số lớp TS	Số lớp THHTS trong số lớp TS	Số lớp TS	Số lớp THHTS trong số lớp TS	Số lớp TS	Số lớp THHTS trong số lớp TS	Số lớp của năm học	Số lớp THHTS trong tổng số lớp
2028-2029	20	4	20	4	20	4	60	12

\* **Quy mô học sinh:** Lộ trình phát triển quy mô học sinh tương ứng với quy mô lớp học được xây dựng theo từng năm học, đảm bảo chuyển đổi dần từ mô hình lớp chuyên sang mô hình lớp chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế. Các lớp THHTS tuyển sinh 4 lớp/1 khoá, sĩ số 30HS/lớp; các lớp chuyên còn lại 35 HS/lớp. Đến năm học 2028-2029, toàn trường hoạt động theo mô hình chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế với quy mô 60 lớp, tương ứng với 2040 học sinh, trong đó có khoảng 360 học sinh học THHTS. Căn cứ vào kết quả đào tạo thực tiễn mà tăng dần các lớp học chương trình THHTS từ năm học 2029-2030.

Bảng 3: Lộ trình phát triển quy mô học sinh

Năm học	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12		Tổng số học sinh	
	Số HS dự kiến TS	Số HS lớp THHTS trong số HS dự kiến TS	Số HS dự kiến TS	Số HS lớp THHTS trong số HS dự kiến TS	Số HS dự kiến TS	Số HS lớp THHTS trong số HS dự kiến TS	Số HS của năm học	Số HS của lớp THHTS trong tổng số HS của năm học
2026-2027	680	120	686	-	885	-	2221	120
2027-2028	680	120	680	120	686	-	2046	240
2028-2029	680	120	680	120	680	120	2040	360

### 5.7.2. Lộ trình tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy các lớp tiệm cận chuẩn quốc tế (có chương trình tích hợp học thuật sâu)

**Cở sở tính:** (Số lớp x số tiết x 3): 17 tiết (định mức).

\* Nhu cầu đội ngũ giáo viên giảng dạy các lớp THHTS năm học 2026-2027 (các lớp chuyên Toán, Lí, Hoá, tiếng Anh; giáo viên giảng dạy bằng tiếng Anh)

STT	Môn	Tổng số tiết của các lớp	Số lượng GV cần cho năm học 2026-2027	Số lượng GV của trường đáp ứng từ năm học 2026-2027	Số lượng GV, chuyên gia cần thuê từ các trường ĐH	Đề xuất số lượng GV của trường được đào tạo, bồi dưỡng từ hè 2026
1	Toán	$(7 \times 3) + (6 \times 3) + (6 \times 3) + (6 \times 3) = 75$	05	02	03	08
2	Vật lí	$(6 \times 3) + (7 \times 3) + (6 \times 3) + (6 \times 3) = 75$	05	02	03	06
3	Hoá	$(6 \times 3) + (6 \times 3) + (7 \times 3) + (6 \times 3) = 75$	05	02	03	06
4	Anh	$(5 \times 3) + (5 \times 3) + (5 \times 3) + (6 \times 3) = 63$	04	04	00	08
5	Sinh		01	00	01	04
6	Tin		01	00	01	04

\* Nhu cầu đội ngũ giáo viên giảng dạy các lớp chuyên THPTS (các lớp chuyên Toán, Lí, Hoá, tiếng Anh; giáo viên giảng dạy bằng tiếng Anh)

Năm học	Số lớp chuyên tiệm cận chuẩn QT	Số GV cần cho mỗi môn						Tổng số
		Toán	Vật lí	Hoá học	Tiếng Anh	Sinh học	Tin học	
2026-2027	4 lớp	05	05	05	04	01	01	21
2027-2028	8 lớp	10	10	10	08	02	02	42
2028-2029	12 lớp	15	15	15	12	02	02	61

\* Nhu cầu đội ngũ giáo viên giảng dạy chương trình Chu Văn An (2 tiết/tuần, 100% lớp chuyên, giáo viên giảng dạy song ngữ)

Năm học	Số lớp chuyên	Số giáo viên cần	Số lượng GV của trường đáp ứng	Số lượng GV, chuyên gia cần thuê từ các trường ĐH, Viện,...	Đề xuất số lượng GV của trường được đào tạo, bồi dưỡng từ hè 2026 và thời gian tiếp theo
2026- 2027	20 lớp	03	02	01	06
2027- 2028	40 lớp	06	04	02	06
2028- 2029	60 lớp	09	06	03	06

### 5.7.3. Lộ trình triển khai chuyển đổi số

Lộ trình triển khai chuyển đổi số được thực hiện đồng bộ trên các trụ cột: hồ sơ năng lực số, khảo thí trên máy tính, quản trị theo tiêu chí chất lượng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

#### 5.7.3.1. Hồ sơ năng lực số

Giai đoạn 2026-2028: tập trung xây dựng hệ thống hồ sơ năng lực số, chuẩn hóa dữ liệu, đào tạo giáo viên và phụ huynh, đồng thời tích hợp với các hệ thống quản lý học tập hiện có.

Giai đoạn 2029-2031: mở rộng các chức năng phân tích dữ liệu, kết nối với hệ thống tư vấn học đường và triển khai báo cáo tiến bộ học tập cá nhân hóa.

Giai đoạn 2032-2035: hoàn thiện hệ thống phân tích dữ liệu học tập, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để dự báo tiến bộ và hỗ trợ tư vấn cá nhân hóa, hướng tới xây dựng hồ sơ năng lực số đạt chuẩn quốc tế.

#### 5.7.3.2. Khảo thí trên máy tính và ngân hàng đề chuẩn hóa

Giai đoạn 2026-2028: tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng phòng thi trên máy tính, đào tạo giáo viên về xây dựng ngân hàng đề và triển khai khảo thí trên máy cho các bài kiểm tra định kỳ và thi học kỳ.

Giai đoạn 2029-2031: mở rộng khảo thí trên máy cho hầu hết các môn học có điều kiện, hoàn thiện ngân hàng đề và quy trình tổ chức thi chuẩn hóa.

Giai đoạn 2032-2035: vận hành ổn định hệ thống khảo thí trên máy tính, tích hợp phân tích dữ liệu kết quả thi để cải tiến phương pháp dạy học và đánh giá, đồng thời phát hiện sớm học sinh cần hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện.

#### 5.7.3.3. Quản trị và theo dõi theo tiêu chí chất lượng

Giai đoạn 2026-2028: tập trung xây dựng đầy đủ bộ tiêu chí chất lượng, thu thập dữ liệu nền, thiết lập và vận hành bảng điều khiển trực tuyến, đồng thời công bố báo cáo chất lượng đầu tiên.

Giai đoạn 2029-2031: hoàn thiện hệ thống báo cáo tự động, tích hợp dữ liệu từ hồ sơ năng lực số, hệ thống khảo thí và các nguồn liên quan, mở rộng phạm vi theo dõi chất lượng toàn diện.

Giai đoạn 2032-2035: vận hành ổn định hệ thống quản trị chất lượng, ứng dụng phân tích dữ liệu nâng cao để dự báo xu hướng và đề xuất các chính sách cải tiến chất lượng đào tạo một cách chủ động.

#### **5.7.3.4. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giáo viên và quản lý**

Giai đoạn 2026-2028: tập trung triển khai các công cụ trí tuệ nhân tạo cơ bản phục vụ chấm bài trắc nghiệm, phân tích dữ liệu học tập, đào tạo giáo viên sử dụng có trách nhiệm và xây dựng quy chế ban đầu.

Giai đoạn 2029-2031: mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài giảng, tư vấn học tập cá nhân hóa và phát hiện sớm học sinh cần hỗ trợ, đồng thời hoàn thiện các quy định và quy trình sử dụng.

Giai đoạn 2032-2035: vận hành ổn định hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giáo dục, tích hợp sâu vào quy trình dạy học, tư vấn hướng nghiệp và quản trị, bảo đảm cải tiến liên tục dựa trên dữ liệu và phản hồi thực tiễn.

#### **5.8. Cơ chế thí điểm và nhân rộng mô hình**

Trường Chu Văn An được áp dụng cơ chế thí điểm theo các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm:

- Tự chủ trong xây dựng và triển khai chương trình giáo dục tích hợp quốc tế theo quy định pháp luật.
- Linh hoạt trong tuyển dụng và sử dụng nhân lực theo cơ chế hợp đồng vị trí việc làm.
- Chủ động trong quản lý tài chính và huy động nguồn lực xã hội.
- Được hợp tác trực tiếp với các tổ chức giáo dục quốc tế uy tín.
- Được ưu tiên trong đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị.

#### **5.9. Định hướng hợp tác và bảo đảm chất lượng giáo dục**

Về hợp tác giáo dục, Nhà trường tăng cường mở rộng hợp tác với các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và các tổ chức trong nước và quốc tế nhằm triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo; lộ trình đạt chuẩn đầu ra theo định hướng quốc tế, trao đổi học sinh, giáo viên, thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học và hoạt động cộng đồng; đồng thời xây dựng mạng lưới doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu hỗ trợ hoạt động trải nghiệm, thực hành, nghiên cứu và ứng dụng của học sinh.

Về đảm bảo chất lượng giáo dục, Nhà trường từng bước thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế theo chuẩn CIS, hướng tới hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng toàn diện của trường phổ thông năng khiếu tiệm cận chuẩn quốc tế.

## PHẦN VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc tổ chức thực hiện Đề án được cụ thể hóa theo tinh thần **6 rõ**: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền, bảo đảm khả năng triển khai thực chất, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả trong giai đoạn 2026-2029. Phần này trình bày các cơ chế tự chủ tài chính, phân công trách nhiệm, quy trình giám sát và chính sách hỗ trợ thực hiện.

### 6.1. Cơ chế tự chủ tài chính và quản lý nguồn lực

Việc triển khai Đề án được thực hiện trong khuôn khổ trường công lập trọng điểm của Thành phố, bảo đảm nguyên tắc Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư và định hướng phát triển; đồng thời huy động sự tham gia hợp lý của xã hội và phụ huynh trên cơ sở tự nguyện, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

Trường THPT Chu Văn An được xác định là các cơ sở giáo dục dẫn dắt, có nhiệm vụ thí điểm các mô hình quản trị, chương trình và hạ tầng tiên tiến, tạo tác động lan tỏa trong toàn ngành giáo dục Thủ đô. Việc triển khai các cơ chế trong Đề án không nhằm chuyển đổi sang mô hình dịch vụ hay thương mại hóa giáo dục, mà nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong khuôn khổ trường chuyên trọng điểm do Thành phố đầu tư.

Các nội dung của Đề án được đặt trong tổng thể triển khai các nhiệm vụ của ngành giáo dục Thủ đô theo Nghị quyết số 71-NQ/TW và các chương trình, kế hoạch của Thành phố, bảo đảm tính đồng bộ với lộ trình chuyển đổi số, đổi mới chương trình, phát triển đội ngũ và đầu tư hạ tầng giáo dục.

Ngân sách Thành phố là nguồn lực chủ đạo để triển khai Đề án, bảo đảm các nhiệm vụ: (1) Chi đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng số, trang thiết bị dạy học và phòng học chức năng; (2) Chi cho hoạt động thường xuyên theo quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; (3) Chi cho đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; (4) Chi cho các hoạt động chuyển đổi số, xây dựng hệ thống quản trị và dữ liệu giáo dục.

Việc bố trí ngân sách thực hiện theo lộ trình đầu tư trung hạn và hằng năm của Thành phố, trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo và thẩm định của các cơ quan có thẩm quyền.

Nhà trường được sử dụng các nguồn thu hợp pháp theo quy định hiện hành để phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục. Nguồn thu hợp pháp bao gồm:

- Các khoản thu dịch vụ giáo dục theo quy định;
- Nguồn tài trợ, viện trợ và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.

Việc quản lý và sử dụng các nguồn thu bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước.

Để triển khai mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế trong khuôn khổ trường công lập, nhà trường thực hiện cơ chế tự chủ có kiểm soát gắn với trách nhiệm giải trình, đa dạng hóa nguồn lực và thiết kế các quỹ phát triển bền vững. Cơ chế này tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, chương trình tích hợp và dạy học bằng tiếng nước ngoài.

#### 6.1.1. Hệ thống các quỹ phát triển

Nhà trường xây dựng hệ thống các quỹ để hỗ trợ hoạt động đào tạo và phát triển chất lượng:

Quỹ học bổng ba tầng:

- Học bổng tài năng: dành cho học sinh có thành tích học tập và nghiên cứu xuất sắc.

- Học bổng hỗ trợ: dành cho học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng có năng lực học tập tốt.

- Học bổng nghiên cứu: hỗ trợ học sinh thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

Dành tối thiểu 8% đến 10% tổng nguồn lực hợp pháp hằng năm cho học bổng và hỗ trợ học sinh (bao gồm học bổng thành tích, học bổng theo hoàn cảnh và hỗ trợ học thuật). Danh sách học sinh nhận học bổng được công khai theo từng năm học.

Quỹ bảo toàn vốn gốc: Là quỹ dự trữ lâu dài nhằm tạo nguồn thu ổn định cho học bổng và các hoạt động phát triển. Quỹ này được quản lý theo nguyên tắc bảo toàn vốn gốc, chỉ sử dụng một phần nhỏ lợi nhuận hằng năm (khoảng 4% đến 5% giá trị quỹ) để chi cho học bổng và các hoạt động ưu tiên. Hội đồng quản lý quỹ chịu trách nhiệm giám sát đầu tư và công khai báo cáo tài chính hằng năm.

Quỹ phát triển trường: Dùng cho đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, xây dựng học liệu và bồi dưỡng đội ngũ. Nguồn thu chủ yếu từ đóng góp tự nguyện của cựu học sinh, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Nhà trường áp dụng cơ chế quỹ đối ứng, trong đó mỗi đồng đóng góp từ xã hội sẽ được nhà trường đối ứng từ nguồn tự có hoặc ngân sách, tạo động lực huy động nguồn lực.

Quỹ giữ gìn truyền thống: Dành riêng cho bảo tồn, số hóa tư liệu, tổ chức hoạt động giáo dục truyền thống và xây dựng bảo tàng học đường. Quỹ này nhấn mạnh vai trò của giá trị truyền thống trong giáo dục, không trộn lẫn với các quỹ khác.

### **6.1.2. Phân loại chi đầu tư và chi vận hành**

Để quản lý hiệu quả nguồn lực, nhà trường phân loại rõ ràng các khoản chi:

Chi đầu tư xây dựng: Dành cho các hạng mục:

- Hạ tầng công nghệ thông tin: mạng nội bộ, hệ thống an toàn thông tin, nền tảng quản lý học tập.

- Phòng thí nghiệm chuẩn quốc tế và không gian sáng tạo cho học sinh.

- Thư viện học thuật, kho học liệu số và các nguồn tài liệu tham khảo quốc tế.

- Cải tạo không gian truyền thống, xây dựng bảo tàng học đường.

- Khu chức năng hỗ trợ học sinh quốc tế: phòng tư vấn, không gian học tập chung.

Chi thường xuyên vận hành: Bao gồm:

- Bảo trì, sửa chữa thiết bị và cơ sở vật chất.

- Mua bản quyền học liệu, phần mềm quản lý và tài liệu tham khảo.

- Bồi dưỡng, đào tạo giáo viên trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ kinh phí cho các dự án nghiên cứu của học sinh.

- Chi phí tổ chức các kỳ thi chuẩn hóa, khảo thí quốc tế.

Nguyên tắc phân bổ: đầu tư theo nhiệm vụ được giao, công khai tiêu chí lựa chọn nhà cung ứng, ưu tiên các hạng mục có hiệu quả sử dụng lâu dài.

### **6.1.3. Cơ chế ngân sách bảo đảm chi phí đào tạo**

Thực hiện định hướng của Nghị quyết số 71-NQ/TW, Trường THPT chuyên Chu Văn An được xác định là thiết chế chiến lược trong phát hiện, bồi dưỡng nhân tài; việc tuyển chọn học sinh phải dựa trên năng lực, không dựa trên khả năng chi trả.

Học sinh được tuyển chọn vào học theo mô hình trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế không phải đóng học phí đối với chương trình giáo dục chính khóa.

Kinh phí đào tạo được xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục và được ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Thành phố.

Đối với các hoạt động giáo dục bổ trợ, tăng cường, hợp tác quốc tế, trải nghiệm, dịch vụ hỗ trợ học sinh ngoài chương trình chính khóa, việc huy động nguồn lực thực hiện theo quy định pháp luật, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không bắt buộc.

## **6.2. Chính sách đãi ngộ và thu hút nhân tài**

Chất lượng giáo dục phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng đội ngũ giáo viên. Nhà trường xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh, minh bạch và công bằng, nhằm thu hút, giữ chân và phát triển đội ngũ giáo viên giỏi, chuyên gia trong và ngoài nước.

### **6.2.1. Cơ cấu tiền lương và thu nhập**

Tiền lương và thu nhập của giáo viên được tính theo ba thành phần:

Lương theo vị trí việc làm: căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và vị trí công việc được giao.

Thưởng theo hiệu quả công việc: dựa trên kết quả dạy học, thành tích học sinh, đóng góp vào các hoạt động đổi mới.

Phụ cấp chuyên môn: dành cho giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, biên soạn học liệu, hướng dẫn nghiên cứu học sinh.

Quỹ thu nhập tăng thêm được trích lập từ nguồn tự chủ hợp pháp, ưu tiên chi cho giáo viên dạy chương trình tích hợp, giáo viên chủ nhiệm lớp chuyên và các chuyên gia mũi nhọn.

### **6.2.2. Chính sách hỗ trợ và phúc lợi**

Nhà trường cung cấp các chính sách hỗ trợ:

- Hỗ trợ nhà ở hoặc phụ cấp nhà ở cho giáo viên giỏi, đặc biệt là giáo viên mới tuyển dụng từ nơi khác đến.

- Hỗ trợ chi phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bổ sung.

- Hỗ trợ kinh phí tham gia các khóa đào tạo, hội thảo chuyên môn trong nước và quốc tế.

- Hỗ trợ chi phí nghiên cứu, công bố khoa học, xuất bản sách và tài liệu chuyên môn.

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các chương trình trao đổi học thuật ngắn hạn với các trường đối tác.

### **6.2.3. Thưởng theo thành tích học sinh**

Giáo viên được thưởng dựa trên thành tích của học sinh:

- Học sinh đạt giải trong các kỳ thi Olympic cấp quốc gia và quốc tế.
- Học sinh có dự án nghiên cứu khoa học đạt giải hoặc được công nhận.
- Học sinh tạo ra sản phẩm đổi mới sáng tạo có tác động xã hội tích cực.
- Lớp học đạt kết quả học tập xuất sắc, tỷ lệ học sinh đỗ các trường đại học hàng đầu cao.

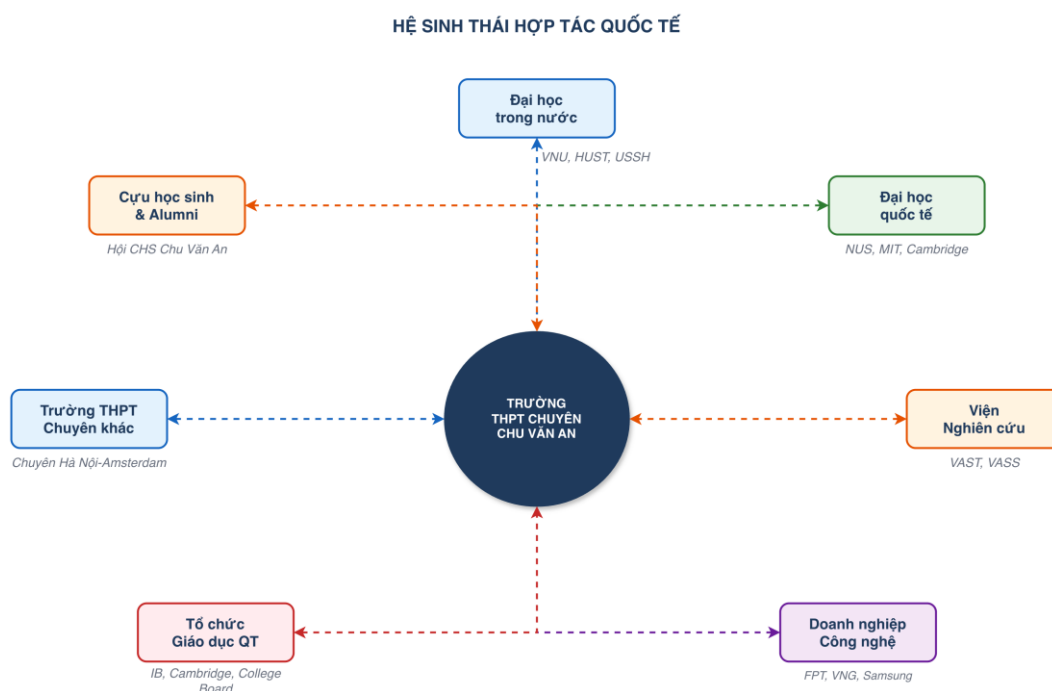
Mức thưởng được quy định cụ thể, công khai và xét thưởng định kỳ theo năm học.

### 6.2.4. Thu hút chuyên gia trong và ngoài nước

Nhà trường chủ động mời chuyên gia trong nước và quốc tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu theo hợp đồng linh hoạt. Gói hỗ trợ cho chuyên gia bao gồm:

- Chi phí di chuyển và lưu trú.
- Phụ cấp giảng dạy hoặc hướng dẫn cạnh tranh.
- Điều kiện làm việc và nghiên cứu thuận lợi.
- Hỗ trợ thủ tục hành chính, giấy phép lao động đối với chuyên gia nước ngoài.

### 6.3. Hợp tác quốc tế và xã hội hóa nguồn lực



Hình 1: Mô hình hợp tác quốc tế và đối tác chiến lược

Nhà trường mở rộng hợp tác với các tổ chức giáo dục, trường đại học, doanh nghiệp trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo, tạo cơ hội học tập và nghiên cứu cho học sinh và giáo viên.

#### 6.3.1. Hợp tác với tổ chức giáo dục quốc tế

Nhà trường ký kết thỏa thuận hợp tác với các tổ chức khảo thí quốc tế được công nhận (Cambridge Assessment, IB Organization, College Board, Pearson, ETS, Certiport...), các trường trung học và đại học uy tín để:

- Triển khai chương trình tích hợp quốc tế; tổ chức các kỳ thi chuẩn hóa, cấp chứng chỉ quốc tế và tích hợp kết quả vào hệ thống đánh giá chính thức.

- Trao đổi giáo viên, học sinh, tổ chức các khóa học ngắn hạn.
- Hợp tác nghiên cứu khoa học, tham gia các dự án quốc tế.
- Chia sẻ học liệu, phương pháp giảng dạy tiên tiến.

Nhà trường nghiên cứu và tham chiếu các tiêu chuẩn kiểm định giáo dục quốc tế CIS để hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ; từng bước chuẩn bị các điều kiện về quản trị nhà trường, chương trình giáo dục, đội ngũ giáo viên, môi trường học tập và hệ thống đánh giá nhằm tham gia các hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định quốc tế khi đủ điều kiện.

### **6.3.2. Hợp tác với đại học và viện nghiên cứu**

Nhà trường xây dựng quan hệ đối tác với các trường đại học và viện nghiên cứu để:

- Mời giảng viên, nhà nghiên cứu tham gia giảng dạy và hướng dẫn học sinh.
- Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm học thuật cho học sinh và giáo viên.
- Hỗ trợ HS tham gia các dự án nghiên cứu tại phòng thí nghiệm của đại học.
- Tư vấn định hướng nghề nghiệp, giới thiệu học bổng đại học cho HS xuất sắc.

### **6.3.3. Hợp tác với doanh nghiệp và cộng đồng**

Doanh nghiệp tham gia hỗ trợ nhà trường thông qua:

- Tài trợ xây dựng phòng thí nghiệm, không gian sáng tạo, thư viện số.
- Đóng góp vào quỹ học bổng, quỹ phát triển trường.
- Cử chuyên gia tham gia giảng dạy các chủ đề thực tiễn, hướng dẫn dự án học sinh.
- Tạo cơ hội thực tập, tham quan cho học sinh tại doanh nghiệp.
- Đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư cho các dự án cơ sở vật chất lớn.

Mọi hoạt động hợp tác đều tuân thủ quy định pháp luật, đảm bảo tính minh bạch và không thương mại hóa giáo dục.

### **6.3.4. Nguyên tắc xã hội hóa có kiểm soát**

Việc huy động nguồn lực xã hội được thực hiện theo các nguyên tắc:

- Tự nguyện: mọi đóng góp đều dựa trên thiện chí, không ép buộc.
- Minh bạch: công khai nguồn thu, mục đích sử dụng và kết quả đạt được.
- Có mục tiêu rõ ràng: nguồn lực được sử dụng đúng mục đích đã cam kết.
- Giám sát chặt chẽ: Hội đồng trường và cơ quan quản lý giám sát việc sử dụng nguồn lực xã hội.
- Không thương mại hóa: giữ vững tính chất giáo dục công lập, đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng.

## **6.4. Mô hình tài chính ba nguồn**

Để đảm bảo tính bền vững, nhà trường xây dựng mô hình tài chính dựa trên hai nguồn thu chính, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nguồn thu hợp pháp và xã hội hóa đóng vai trò bổ sung.

Nguồn 1 - Ngân sách nhà nước:

- Đảm bảo hoạt động thường xuyên, chi lương cho cán bộ, giáo viên, chi phí vận hành cơ bản và đầu tư xây dựng theo kế hoạch được phê duyệt. Nguồn này chiếm tỷ trọng chủ yếu, đảm bảo tính ổn định và công bằng của giáo dục công lập.

- Đầu tư nâng cao chất lượng, xây dựng các quỹ phát triển và chi trả thu nhập tăng thêm cho giáo viên.

Nguồn 2 - Xã hội hóa: Bao gồm tài trợ, đóng góp từ cựu học sinh, doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước. Nguồn này được sử dụng cho học bổng, xây dựng cơ sở vật chất, phát triển chương trình đổi mới và các hoạt động đặc thù. Việc huy động và sử dụng nguồn này tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, minh bạch và có kiểm soát.

Nguyên tắc phân bổ:

- Ngân sách nhà nước ưu tiên cho nhiệm vụ chính trị, bảo đảm hoạt động thường xuyên, nâng cao chất lượng, đổi mới và phát triển đội ngũ.

- Nguồn xã hội hóa dành cho các dự án đột phá, hỗ trợ học sinh và xây dựng truyền thống.

### **6.5. Chính sách học bổng và hỗ trợ học sinh**

Nhà trường xây dựng và thực hiện chính sách học bổng và hỗ trợ học sinh theo hướng đồng bộ, công bằng, tạo điều kiện để học sinh có năng lực được phát triển toàn diện, đồng thời bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Chính sách học bổng được triển khai trên cơ sở kết hợp giữa ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác, tập trung vào các nhóm đối tượng sau:

- Học sinh có thành tích học tập xuất sắc, đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc có năng lực nổi trội trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghệ thuật, thể thao;

- Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc diện chính sách, bảo đảm không bị gián đoạn học tập vì điều kiện kinh tế;

- Học sinh tham gia các chương trình đào tạo nâng cao, chương trình hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học hoặc các hoạt động học thuật có yêu cầu chi phí bổ sung.

Nội dung hỗ trợ tập trung vào các khoản chi phí học tập, bao gồm: học liệu, thiết bị học tập, lệ phí thi/chứng chỉ, chi phí tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, cuộc thi học thuật, chương trình trao đổi, hợp tác quốc tế và các hoạt động giáo dục nâng cao khác phù hợp với định hướng của Đề án.

Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện để huy động các nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, cựu học sinh nhằm hình thành quỹ học bổng và quỹ hỗ trợ học sinh; việc quản lý, sử dụng các quỹ này được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

Việc xét cấp học bổng và hỗ trợ học sinh được thực hiện theo tiêu chí cụ thể, công khai, bảo đảm khách quan, công bằng và phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn.

### **6.6. Phân công trách nhiệm các cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án**

Việc tổ chức thực hiện Đề án được phân công theo đúng thẩm quyền quản lý đối với cơ sở giáo dục công lập trực thuộc thành phố, bảo đảm rõ trách nhiệm, không chồng chéo và phù hợp với cơ chế quản lý hiện hành.

### **6.6.1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội**

Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan quyết định chủ trương và phê duyệt Đề án, đồng thời chỉ đạo chung việc tổ chức thực hiện. UBND Thành phố giao Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối theo dõi triển khai. Thành phố bảo đảm nguồn ngân sách đầu tư chủ đạo cho Nhà trường theo lộ trình; chỉ đạo thực hiện các cơ chế đặc thù (nếu có) phù hợp với quy định pháp luật và các nghị quyết của Trung ương, của Thành phố. Định kỳ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện Đề án và chỉ đạo điều chỉnh kịp thời các nội dung cần thiết.

### **6.6.2. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội**

Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp đối với nhà trường và là đơn vị chủ trì triển khai Đề án. Tham mưu UBND Thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án theo từng giai đoạn; Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai hằng năm; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án; Chủ trì xây dựng và thẩm định chương trình giáo dục nhà trường; hướng dẫn thực hiện các nội dung tích hợp, nâng cao theo định hướng tiệm cận chuẩn quốc tế trên nền tảng Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Chủ trì lập dự toán kinh phí, danh mục đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị dạy học và các hạng mục phục vụ mô hình trường học thông minh; Điều phối các sở, ngành liên quan trong quá trình triển khai; tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo định kỳ hoặc đột xuất. Sở Giáo dục và Đào tạo là đầu mối phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện Đề án.

### **6.6.3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

Hướng dẫn xây dựng và hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật, phương án giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục; thẩm định phương án tài chính của Đề án, bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo lộ trình và phù hợp với cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án theo hướng tăng cường tính chủ động, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của Nhà trường; bảo đảm việc sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính, tài sản, các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Nhà trường theo quy định của pháp luật; kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

### **6.6.4. Sở Nội vụ**

Theo chức năng quản lý nhà nước về viên chức, Sở Nội vụ: hướng dẫn vị trí việc làm và cơ cấu viên chức; tham mưu các cơ chế thu hút nhân tài (nếu có chính sách đặc thù của Thành phố); phối hợp rà soát nhu cầu biên chế và nhân sự; kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức theo quy định.

### **6.6.5. Sở Khoa học và Công nghệ**

Triển khai các nội dung chuyên đổi số, xây dựng hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu và hệ thống quản trị thông minh cho Nhà trường trong tổng thể chương trình chuyển đổi số ngành giáo dục. Hỗ trợ kết nối hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo của học sinh và giáo viên với các tổ chức khoa học - công nghệ, viện nghiên cứu và doanh nghiệp.

### **6.6.6. Các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Ủy ban nhân dân phường**

Phối hợp bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, an toàn trường học theo quy hoạch và lộ trình đầu tư của Thành phố. Phối hợp trong việc triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục của Nhà trường theo chủ trương được phê duyệt.

### **6.6.7. Các cơ quan liên quan**

Các sở, ngành có liên quan tham gia theo chức năng quản lý nhà nước khi có nội dung liên quan. Việc phối hợp được thực hiện theo từng nhiệm vụ cụ thể, không hình thành cơ chế quản lý riêng ngoài quy định hiện hành.

### **6.6.8. Trường THPT chuyên Chu Văn An**

Trường THPT chuyên Chu Văn An là đơn vị trực tiếp tổ chức triển khai Đề án; Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện trước Sở Giáo dục và Đào tạo và cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện.

## VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để triển khai Đề án bảo đảm đúng quy định và đạt hiệu quả, Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt Đề án xây dựng Trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

Trên đây là Đề án xây dựng Trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế, Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

## **PHỤ LỤC 1. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

### **1. Văn bản Trung ương (Bộ Chính trị, Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ)**

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 14/6/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 28/6/2024, có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP.

Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập tại Hà Nội (áp dụng theo cơ chế đặc thù Thủ đô).

Nghị định số 202/2025/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ quy định về liên kết giáo dục và tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp tại cơ sở giáo dục công lập thành phố Hà Nội.

Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08/8/2025 của Chính phủ quy định về dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong cơ sở giáo dục.

## **2. Văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường trung học phổ thông chuyên.

Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng và ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục.

Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Quyết định số 1431/QĐ-TTg ngày 11/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010–2020.

Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2023–2030.

## **3. Văn bản của Thành phố Hà Nội**

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025–2030.

Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 29/11/2025 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025–2030.

Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/08/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Quyết định số 5648/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường chất lượng cao trên địa bàn thành phố.

Các quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hà Nội giai đoạn 2021–2030 đã được UBND thành phố phê duyệt.

## PHỤ LỤC 2. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC

### 1. Xu hướng giáo dục tài năng và năng khiếu trên thế giới

Giáo dục tài năng trên thế giới đang trải qua một cuộc chuyển mình sâu sắc, dịch chuyển từ các mô hình tinh hoa, tập trung vào tuyển chọn sang các cách tiếp cận bao trùm, linh hoạt và lấy con người làm trung tâm. Sự thay đổi này không chỉ diễn ra ở cấp độ chính sách mà còn ở nền tảng triết lý, phản ánh một nhận thức ngày càng nhân văn hơn về bản chất của tài năng và mục đích của giáo dục.

Nghiên cứu của Lo và Porath (2017) đã hệ thống hóa quá trình này qua ba giai đoạn chuyển đổi hệ quan điểm chính trong lịch sử giáo dục tài năng, giúp làm rõ các xu hướng đang diễn ra trên toàn cầu.

*Bảng 4: Ba hệ quan điểm trong lịch sử giáo dục tài năng, dựa trên Lo & Porath*

Hệ quan điểm	Triết lý nền tảng	Thuật ngữ phổ biến	Trọng tâm	Mục đích
Giải mã (Demystification)	Chủ nghĩa thực chứng (Positivism)	Thiên tài (Genius), Thần đồng (Prodigy)	Di truyền, bẩm sinh	Khám phá khoa học về các hiện tượng tài năng đặc biệt.
Nhận diện (Identification)	Chủ nghĩa hậu thực chứng (Postpositivism)	Năng khiếu (Gifted)	Khả năng đo lường	Sàng lọc, tuyển chọn và xếp loại học sinh để đưa vào các chương trình đặc biệt.
Tương tác (Transaction)	Chủ nghĩa hệ thống (Systemism)	Năng lực cao (Advanced), Khả năng tốt hơn (More able)	Tính điều kiện, sự tương tác	Coi tài năng là một mục tiêu sự phạm mà mọi cá nhân đều có thể đạt được thông qua môi trường hỗ trợ.

Xu hướng hiện nay đang nghiêng về Hệ quan điểm tương tác. Thay vì nhìn nhận tài năng như một thuộc tính cố định, có sẵn để phát hiện, các nhà giáo dục hiện đại coi đó là kết quả của một quá trình tương tác phức hợp giữa tiềm năng cá nhân và một môi trường nuôi dưỡng phù hợp. Triết lý này nhấn mạnh rằng mọi học sinh đều có tiềm năng phát triển, và vai trò của giáo dục là tạo ra những "hệ sinh thái" học tập phong phú, đa dạng để mỗi cá nhân có thể phát triển theo cách riêng.

Từ sự chuyển dịch triết lý này, một loạt xu hướng cụ thể đang định hình nền giáo dục tài năng toàn cầu:

Từ tinh hoa đến bao trùm (From Elite to Inclusive): Các mô hình trường chuyên, lớp chọn biệt lập đang dần được thay thế hoặc bổ sung bằng các phương pháp hỗ trợ tài năng ngay trong lớp học chính khóa.

Đa dạng hóa khái niệm tài năng: Quan niệm về tài năng không còn giới hạn trong lĩnh vực học thuật truyền thống mà còn bao gồm nghệ thuật, thể thao, kỹ năng lãnh đạo, tư duy sáng tạo và trí tuệ cảm xúc - xã hội.

Cá nhân hóa lộ trình học tập: Các phương pháp sư phạm hiện đại như dạy học phân hóa, học tập dựa trên dự án, và học tập truy vấn trở thành công cụ cốt lõi.

Chú trọng phát triển toàn diện: Giáo dục trí tuệ cảm xúc - xã hội (Social-Emotional Learning - SEL), bồi dưỡng đạo đức, trách nhiệm công dân và kỹ năng mềm ngày càng được tích hợp sâu rộng.

Đổi mới trong kiểm tra, đánh giá: Có một sự dịch chuyển rõ rệt từ đánh giá tổng kết sang đánh giá quá trình, sử dụng hồ sơ năng lực, sản phẩm dự án, tự đánh giá và đánh giá đồng cấp.

Tích hợp liên ngành: Giáo dục tài năng hiện đại phá bỏ ranh giới giữa các môn học đơn lẻ, hướng tới cách tiếp cận liên ngành từ STEM sang STEAM.

Những xu hướng này cho thấy thế giới đang hướng tới một nền giáo dục tài năng nhân văn hơn, nơi mỗi đứa trẻ được nhìn nhận như một cá thể độc đáo với những tiềm năng riêng.

## **2. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới**

### **2.1. Kinh nghiệm Châu Á**

#### **2.1.1. Nhật Bản - Mô hình Super Science High School và Super Global High School**

##### *a) Bối cảnh và triết lý cải cách*

Mặc dù giáo dục Nhật Bản luôn được đánh giá cao về tính kỷ luật và kiến thức nền tảng, nhưng hệ thống truyền thống dần bộc lộ sự thiếu hụt trong việc phát triển năng lực nghiên cứu sáng tạo và tư duy phản biện quốc tế. Để giải quyết vấn đề này, Nhật Bản phát triển các mô hình trường chuyên biệt đóng vai trò hỗ trợ và dẫn dắt đổi mới.

##### *b) Mô hình Trường Trung học Khoa học Siêu việt (Super Science High School - SSH)*

Được chỉ đạo bởi Bộ Giáo dục (MEXT) và Cơ quan Khoa học & Công nghệ (JST), SSH tập trung vào việc bồi dưỡng các nhà lãnh đạo tương lai trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Đặc điểm cốt lõi bao gồm:

Học tập qua nghiên cứu (*Inquiry-based Learning*): Học sinh thực hiện các dự án nghiên cứu thực thụ dưới sự hướng dẫn của giáo sư đại học và chuyên gia từ các tập đoàn lớn như Sony, Toyota.

Hỗ trợ tài chính: Chính phủ cấp ngân sách hàng chục triệu Yên mỗi năm để trang bị phòng thí nghiệm hiện đại và tổ chức thực địa quốc tế.

##### *c) Mô hình trường trung học siêu toàn cầu (Super Global High School - SGH)*

SGH được thiết kế để hình thành những nhà lãnh đạo toàn cầu có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội và kinh doanh ở cấp độ quốc tế. Học sinh SGH thực hiện các

nghiên cứu đa ngành và nghiên cứu thực địa cả trong và ngoài nước, chú trọng khả năng giao tiếp, tư duy phản biện và nhận thức về các vấn đề xã hội toàn cầu.

#### *d) Mô hình tích hợp SSH và SGH*

Xu hướng tiên tiến là các trường triển khai song song cả hai mô hình, coi khoa học công nghệ và năng lực toàn cầu là hai trụ cột bổ trợ. Ví dụ Trường Trung học Takatsuki (Osaka) kết hợp nghiên cứu khoa học sự sống với các vấn đề xã hội toàn cầu, tổ chức các khóa học trực tuyến với Đại học Stanford, nghiên cứu thực địa tại Palau và Đài Loan.

### **2.1.2. Hàn Quốc - Korea Science Academy và các trường Jasa-go**

#### *a) Mô hình trường Chuyên Khoa học (Science High Schools)*

Korea Science Academy (KSA) là trường trung học quốc gia duy nhất dành cho học sinh năng khiếu khoa học, liên kết chặt chẽ với KAIST. Đặc điểm nổi bật:

Hệ thống tín chỉ: KSA áp dụng khoảng 127-144 tín chỉ, cân bằng giữa nhân văn (52-60 tín chỉ) và khoa học (67-76 tín chỉ).

Nghiên cứu và Giáo dục (*R&E*): Học sinh tiến hành nghiên cứu thực tế cùng các giáo sư đại học, hoàn thành dự án nghiên cứu nhóm nhỏ và bài luận tốt nghiệp.

Seoul Science High School (SSHS) tập trung mạnh vào lý thuyết và các kỳ thi Olympic quốc tế, thường xuyên đóng góp toàn bộ thành viên cho đội tuyển Olympic Toán học và Vật lý quốc tế.

#### *b) Mô hình trường trung học tư thục tư chủ (Jasa-go)*

Minjok Academy (KLA) được ví như "Harvard của Hàn Quốc", kết hợp giáo dục truyền thống Hàn Quốc (học sinh mặc Hanbok, thực hiện nghi thức cổ) với phương pháp học tập phương Tây. Hana Academy Seoul (HAS) nổi bật với chế độ "1 người 2 môn năng khiếu": mỗi học sinh bắt buộc thành thạo ít nhất một nhạc cụ/nghệ thuật và một môn thể thao, hệ thống tín chỉ linh hoạt với hơn 100 môn học.

### **2.1.3. Singapore - NUS High School of Math and Science**

#### *a) Bối cảnh và lịch sử phát triển*

Hệ thống giáo dục Singapore đã trải qua bốn giai đoạn chiến lược: Survival-driven, Efficiency-driven, Ability-driven và Values-driven. Chương trình giáo dục tài năng (GEP) ra đời năm 1984, và từ 2013 đến nay, giai đoạn Values-driven nhấn mạnh phát triển con người toàn diện, giảm phân hóa cứng nhắc.

#### *b) Mô hình NUS High School*

NUS High School of Math and Science được thành lập năm 2005, trực thuộc Đại học Quốc gia Singapore. Đặc điểm nổi bật:

Chương trình 6 năm tích hợp, cấp bằng NUS High School Diploma được các đại học hàng đầu thế giới công nhận.

Toán học và Khoa học tăng tốc: Học sinh học ở mức độ vượt chuẩn phổ thông, nhiều nội dung tiệm cận chuẩn trình độ đại học từ sớm.

Nghiên cứu khoa học là trụ cột: Tất cả học sinh phải hoàn thành Dự án Nghiên cứu hoặc thực tập tại các phòng thí nghiệm dưới sự hướng dẫn của giảng viên NUS.

Phương pháp giảng dạy xoay quanh học tập dựa trên truy vấn (*inquiry-based learning*) và học tập dựa trên nghiên cứu (*research-based learning*).

#### **2.1.4. Trung Quốc - Trường Trung học Thanh Hoa và Kiến Bình**

Nền giáo dục Trung Quốc đang chuyển đổi với mục tiêu chiến lược trở thành "Cường quốc giáo dục" vào năm 2035, chuyển dịch mạnh sang "Giáo dục tố chất" chú trọng phát triển toàn diện học sinh trên 5 phương diện: Đức, Trí, Thể, Mỹ và Lao động.

a) *Mô hình trường học kiểu mẫu - trường rung học trực thuộc Đại học Thanh Hoa*

Hành động "Thành chí" (Chengzhi): Chương trình cốt lõi nhằm bồi dưỡng nhân tài, nuôi dưỡng hoài bão và ý chí cho học sinh.

Lấy thể thao để rèn luyện con người: Trường đặc biệt coi trọng phát triển thể chất, rèn luyện ý chí.

Tiên phong về Công nghệ và AI: Thành lập các Lớp thực nghiệm trí tuệ nhân tạo, tổ chức trại hè khoa học sáng tạo.

b) *Mô hình Thực nghiệm đổi mới - trường trung học Kiến Bình (Thượng Hải)*

Đổi mới chương trình học: Trường đầu tiên tại Trung Quốc thực hiện "Dạy học phân tầng" và tích hợp STEAM vào chương trình chính khóa.

Số hóa quản trị: Sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích hành vi học tập và tâm lý học sinh.

Hệ thống câu lạc bộ phong phú: Cho phép học sinh tự chủ phát triển năng khiếu cá nhân.

#### **2.2. Kinh nghiệm từ Bắc Mỹ (Hoa Kỳ)**

Giáo dục học sinh tài năng tại Hoa Kỳ được hình thành trong bối cảnh hệ thống quản lý giáo dục phi tập trung, không có một mô hình trường chuyên thống nhất trên toàn quốc mà là một phổ các mô hình đa dạng.

a) *Khung chính sách và triết lý tiếp cận*

Đạo luật mỗi học sinh đều thành công (Every Student Succeeds Act - ESSA, 2015) khuyến khích các bang nhận diện và hỗ trợ học sinh có năng lực vượt trội. Tài năng được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm sáng tạo, nghệ thuật, lãnh đạo và các năng lực chuyên biệt.

b) *Trường Công Lập tuyển chọn chuyên biệt - The Bronx High School of Science*

Thành lập năm 1938, Bronx Science là hình mẫu của mô hình trường chuyên STEM. Tuyển sinh thông qua kỳ thi SHSAT cạnh tranh nhất bậc phổ thông Hoa Kỳ. Trường cung cấp 28 khóa học AP và hơn 20 khóa học sau AP, với chương trình nghiên cứu khoa học nơi học sinh làm việc với cố vấn học thuật. Cựu học sinh đã giành được 9 giải Nobel, 9 giải Pulitzer.

c) *Trường Trung Học Tinh Hoa Độc Lập - Phillips Exeter Academy*

Thành lập năm 1781, Phillips Exeter nổi tiếng với Phương pháp Harkness: dạy và học diễn ra quanh bàn lớn hình bầu dục, nơi 12 học sinh và một giáo viên cùng thảo luận, đối thoại và đồng kiến tạo tri thức. Triết lý "Non sibi" (Không chỉ vì bản thân mình) hướng đến đào tạo những nhà lãnh đạo tri thức và công dân toàn cầu.

#### **2.3. Kinh nghiệm từ Châu Âu**

##### **2.3.1. Vương quốc Anh - Eton College**

Eton College được Vua Henry VI sáng lập năm 1440, là trường nội trú nam sinh truyền thống lâu đời và danh giá nhất Vương quốc Anh. Trường đào tạo nhiều Thủ tướng Anh, hoàng tử và các nhà lãnh đạo toàn cầu. Quy mô khoảng 1.300 học sinh tuổi 13-18, học phí khoảng 50.000 bảng Anh/năm nhưng có hệ thống học bổng toàn diện.

Eton duy trì chuẩn mực học thuật nghiêm ngặt với chương trình A-Level hoặc Pre-U cung cấp tới 28 môn học. Hệ thống "House" tạo cộng đồng nhỏ, mỗi House có khoảng 50 học sinh với House Master chịu trách nhiệm hướng dẫn. Trường có Bảo tàng với hơn 3.000 hiện vật lịch sử, thư viện hơn 50.000 đầu sách.

Bài học từ Vương quốc Anh: Giá trị truyền thống được số hóa và tích hợp vào chương trình học. Phát triển toàn diện (học thuật - thể thao - nghệ thuật - lãnh đạo) là nền tảng đào tạo nhà lãnh đạo.

### **2.3.2. Đức - Gymnasium và mạng lưới MINT-EC**

Gymnasium là mô hình trường trung học học thuật truyền thống của Đức, tồn tại từ thế kỷ 16. Học sinh học liên thông 7-8 năm (từ lớp 5 hoặc 7 đến lớp 12 hoặc 13) và thi Abitur mở cửa vào đại học.

MINT-EC (Mathematik, Informatik, Naturwissenschaften und Technik - Excellence Center) là mạng lưới các trường STEM xuất sắc do Siemens Stiftung hỗ trợ. Các trường phải đáp ứng tiêu chí nghiêm ngặt về chương trình STEM, phòng thí nghiệm, hoạt động nghiên cứu học sinh và hợp tác với đại học-doanh nghiệp.

Bài học từ Đức: Mô hình liên thông dài hạn tạo sự ổn định và liên tục. Mạng lưới trường excellence theo chủ đề giúp chia sẻ tài nguyên, kinh nghiệm và nâng cao chất lượng tập thể.

### **2.4. Kinh nghiệm từ Châu Đại Dương**

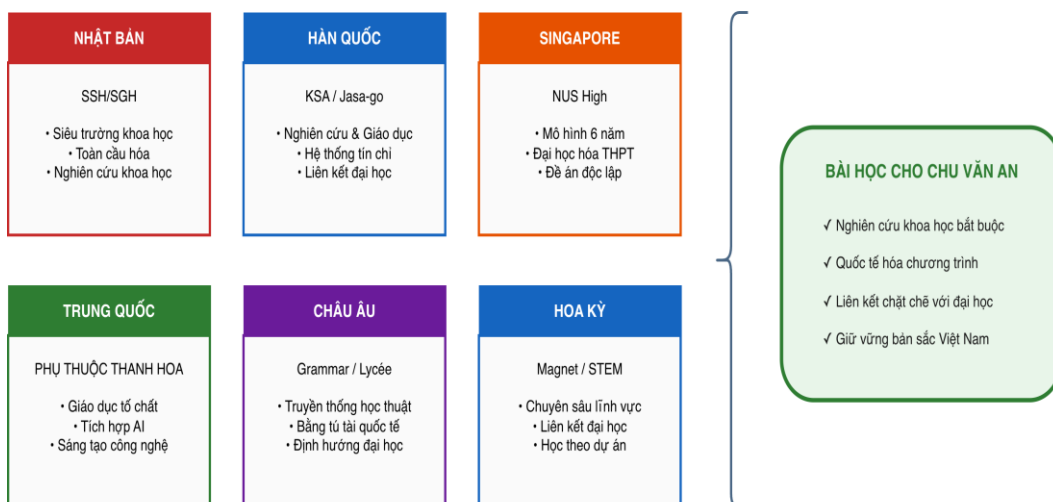
Australia - James Ruse Agricultural High School

James Ruse Agricultural High School là trường selective công lập hàng đầu New South Wales, Australia, thành lập năm 1956. Trường liên tục đứng đầu bang về kết quả HSC, quy mô khoảng 950 học sinh từ lớp 7 đến 12, 97% học sinh có nguồn gốc không nói tiếng Anh tại gia đình, cho thấy tính đa dạng và công bằng tiếp cận cao.

Tuyển sinh vào lớp 7 thông qua Selective High Schools Test do NSW Department of Education tổ chức. Chương trình theo NSW Curriculum với tốc độ và độ sâu cao hơn. Văn hóa học tập cạnh tranh lành mạnh, hỗ trợ lẫn nhau - "We rise together".

Bài học từ Australia: Mô hình selective school công lập chứng minh chất lượng cao và đa dạng có thể cùng tồn tại. Tuyển sinh minh bạch và công bằng dựa trên năng lực, không phân biệt xuất thân.

## KINH NGHIỆM QUỐC TẾ: CÁC MÔ HÌNH TRƯỜNG CHUYÊN TIÊU BIỂU



Mỗi mô hình quốc tế đóng góp bài học riêng cho việc phát triển Trường THPT Chuyên Chu Văn An theo chuẩn quốc tế

*Hình 2: Kinh nghiệm quốc tế - Các mô hình trường tinh hoa tiêu biểu*

## PHỤ LỤC 3. ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

### 1. Trường học số

Trường học số là mô hình kết hợp công nghệ số, quản trị dữ liệu và phương pháp dạy học hiện đại để tối ưu hóa hiệu quả học tập. Các chuẩn quốc tế về trường học số nhấn mạnh: hạ tầng số, học liệu số, dữ liệu học tập, năng lực số của giáo viên và học sinh, và quản trị thông minh.

#### 1.1. Định hướng Trường học số

Định hướng triển khai tại Chu Văn An bao gồm các cấu phần chính:

*Lãnh đạo và quản trị số:* quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu; hệ thống báo cáo chất lượng theo thời gian thực; cơ chế bảo đảm an toàn và an ninh dữ liệu.

*Dạy học số hóa:* học liệu số hóa chuẩn hóa; bài giảng tương tác; mô hình lớp học đảo ngược, dạy học kết hợp.

*Hạ tầng và nền tảng số:* mạng băng thông rộng toàn trường; hệ thống quản lý học tập và quản lý giáo dục; kho học liệu dùng chung.

*Hệ sinh thái dữ liệu:* hồ sơ học tập số, phân tích tiến bộ học sinh, cảnh báo sớm nguy cơ học tập.

*Kết nối cộng đồng:* kênh phối hợp phụ huynh - nhà trường - cựu học sinh trên nền tảng số.

*Cấu trúc dữ liệu số hóa:* Chuyển đổi số không chỉ là đầu tư hạ tầng mà là chuyển đổi quản trị dựa trên dữ liệu. Các nhóm dữ liệu được số hóa và mục đích sử dụng:

*Dữ liệu quản trị:* Thông tin học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính. Phục vụ quản lý hành chính, lập kế hoạch và báo cáo.

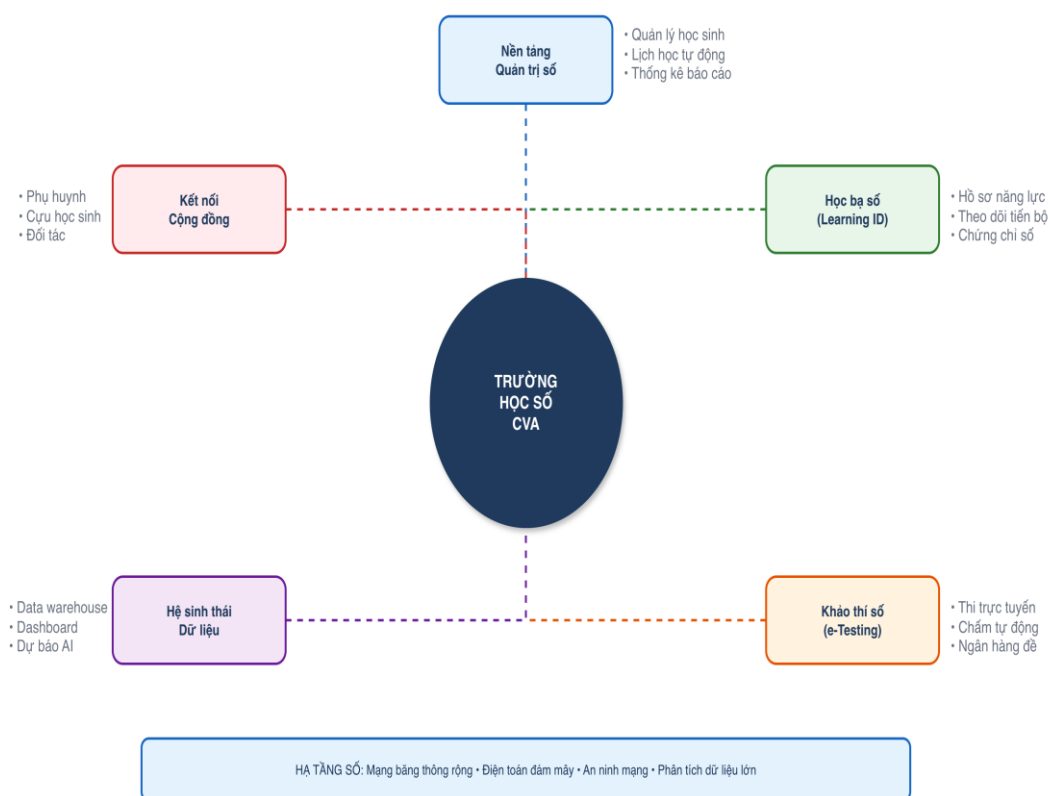
*Dữ liệu học tập:* Điểm số, tiến trình học tập, kết quả đánh giá, hoạt động trên hệ thống quản lý học tập. Phục vụ theo dõi tiến bộ, cá nhân hóa học tập, cảnh báo sớm.

*Dữ liệu đảm bảo chất lượng:* Kết quả khảo sát, phản hồi, chỉ số KPI. Phục vụ đánh giá chất lượng, cải tiến liên tục.

*Dữ liệu nghiên cứu học sinh:* Đề tài, sản phẩm, kết quả nghiên cứu. Phục vụ lưu trữ học liệu, đánh giá năng lực nghiên cứu, xây dựng hồ sơ xét tuyển.

Việc kết nối các nhóm dữ liệu này tạo nền tảng cho quản trị dựa trên dữ liệu (data-driven management), cho phép ra quyết định kịp thời và có căn cứ.

## CẤU TRÚC TRƯỜNG HỌC SỐ CHU VĂN AN



Hình 3: Cấu trúc Trường học số Chu Văn An

### 1.2. Chuẩn tham chiếu Trường học số và năng lực số

Chuẩn Trường học số của Chu Văn An được cấu trúc theo 4 nhóm trụ cột: (i) quản trị số và minh bạch dữ liệu; (ii) hạ tầng số và an toàn thông tin; (iii) dạy học số - học liệu số; (iv) năng lực số của giáo viên và học sinh. Bộ chỉ số chuyển đổi số giáo dục theo Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT là công cụ đo lường thống nhất để theo dõi tiến độ và đánh giá tiêu chí chất lượng.

Các khung chuẩn tham chiếu chính:

- UNESCO ICT-CFT để chuẩn hóa năng lực số của giáo viên.
- Các chuẩn năng lực quốc tế về người học định hướng phát triển toàn diện trên nền tảng kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị.
- Chuẩn năng lực công nghệ ISTE (ISTE Standards) để cụ thể hóa chuẩn năng lực số của giáo viên và học sinh.
- Bộ chỉ số chuyển đổi số giáo dục (Quyết định 4725/QĐ-BGDĐT) làm thước đo tiến độ và chất lượng triển khai Trường học số.

### 1.3. Khung đo lường Trường học số

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều hệ thống giáo dục xây dựng khung trưởng thành số (digital maturity) để đo mức độ "thông minh" của trường học, trong đó trọng tâm là quản trị dữ liệu, năng lực số của giáo viên - học sinh và hiệu quả sử dụng công nghệ trong dạy học. Chu Văn An cần áp dụng cách tiếp cận đo lường theo mức trưởng

thành, gắn tiêu chí chất lượng Trường học số với quản trị dữ liệu - chất lượng học tập - hiệu quả đầu tư.

Khung này là cơ sở để chuyển hóa tiêu chí định tính thành tiêu chí định lượng, tạo liên kết trực tiếp giữa mục tiêu Trường học số và cơ chế giám sát - đánh giá.

Thực hiện chuyển đổi số toàn diện theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT về Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục:

Xây dựng hệ thống quản lý học tập trực tuyến tích hợp với hệ thống quản lý giáo dục

Số hóa toàn bộ hồ sơ học sinh, giáo viên, tài liệu giảng dạy và học liệu

Triển khai lớp học thông minh với bảng tương tác, hệ thống hội nghị trực tuyến

Xây dựng cổng thông tin điện tử song ngữ (Việt-Anh) với đầy đủ thông tin về chương trình, tuyển sinh, kết quả

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đánh giá, tư vấn học tập và quản lý dữ liệu

## **2. Hồ sơ năng lực số - Mã định danh học tập (Learning ID)**

Hồ sơ năng lực số là công cụ then chốt để theo dõi tiến trình học tập và phát triển năng lực của học sinh trong suốt hành trình THCS-THPT chuyên. Mỗi học sinh được cấp một mã định danh học tập duy nhất (Learning ID), lưu trữ đầy đủ và liên tục toàn bộ thông tin học tập, thành tích nghiên cứu, chứng chỉ quốc tế, hoạt động trải nghiệm, năng lực số và định hướng nghề nghiệp. Hệ thống hồ sơ năng lực số được xây dựng và triển khai đồng bộ với mô hình trường học số, tạo nền tảng dữ liệu thống nhất phục vụ quản lý, đánh giá và cá nhân hóa quá trình học tập.

Hồ sơ năng lực số nhằm hiện đại hóa công tác quản lý hồ sơ học sinh, thay thế các hình thức lưu trữ rời rạc truyền thống, đồng thời cung cấp cơ sở dữ liệu tin cậy cho đánh giá năng lực, tư vấn học tập và định hướng phát triển dài hạn. Thông qua hồ sơ năng lực số, nhà trường có thể theo dõi sát sao sự tiến bộ của từng học sinh, phát hiện sớm các nhu cầu hỗ trợ, ghi nhận đầy đủ thành tích học thuật và ngoại khóa, từ đó hình thành hồ sơ xét tuyển đại học và du học có giá trị cao.

Hồ sơ năng lực số của mỗi học sinh được xây dựng và cập nhật liên tục từ khi nhập học, phản ánh toàn diện quá trình học. Nội dung hồ sơ bao gồm thông tin cá nhân và lộ trình học tập theo chương trình tích hợp; kết quả học tập từng học kỳ với điểm số, đánh giá năng lực theo bộ tiêu chí và nhận xét của giáo viên; thành tích nghiên cứu khoa học và các dự án học tập liên môn; hệ thống chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ nghề nghiệp và giải thưởng học thuật; các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ, hoạt động cộng đồng và vai trò lãnh đạo; năng lực số và công nghệ thông qua các khóa học trực tuyến, dự án lập trình và sản phẩm số; cùng với đánh giá tổng hợp về điểm mạnh, khuyến nghị phát triển và định hướng nghề nghiệp.

Mã định danh học tập (Learning ID) đóng vai trò như một "hộ chiếu học tập" theo suốt quá trình học tập của học sinh tại nhà trường, liên kết toàn bộ dữ liệu học tập, thành tích và năng lực phát triển thành một hồ sơ số thống nhất, xuyên suốt và có khả năng truy xuất cao. Mã định danh học tập không chỉ phục vụ quản lý hành chính mà còn là nền tảng để cá nhân hóa học tập, hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp và xây dựng hồ sơ xét tuyển đại học theo chuẩn quốc tế. Hệ thống được thiết kế tích hợp liền mạch với hệ thống quản lý học tập, hệ thống khảo thí trên máy tính, thư viện số và hệ thống tư vấn học đường, hình thành một hệ sinh thái giáo dục số đồng bộ.

### **3. Khảo thí trên máy tính và ngân hàng đề chuẩn hóa**

Nhà trường triển khai khảo thí trên máy tính như một trụ cột trong hiện đại hóa công tác đánh giá, nhằm nâng cao tính khách quan, công bằng và khả năng phân tích kết quả học tập. Hệ thống khảo thí được xây dựng và vận hành đồng bộ với mô hình trường học số, gắn chặt với học bạ số và mã định danh học tập (Learning ID) của học sinh, tạo nền tảng dữ liệu thống nhất phục vụ quản lý chất lượng và cải tiến dạy học.

Ngân hàng đề được xây dựng theo chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông và các chương trình tích hợp, bảo đảm độ tin cậy, tính phân hóa và mức độ bao phủ đầy đủ các yêu cầu năng lực từ cơ bản đến nâng cao. Mỗi câu hỏi trong ngân hàng đề đều được thẩm định chặt chẽ về nội dung, hình thức, độ khó và độ phân biệt trước khi đưa vào sử dụng. Đề thi được tạo tự động hoặc bán tự động từ ngân hàng đề theo các ma trận xác định trước, bảo đảm tính ngẫu nhiên, công bằng và hạn chế tối đa gian lận.

Hệ thống khảo thí trên máy tính cho phép tổ chức đa dạng các hình thức đánh giá, bao gồm trắc nghiệm khách quan, tự luận ngắn và các bài tập thực hành trực tiếp trên máy tính. Việc chấm điểm được thực hiện tự động hoặc bán tự động đối với các dạng bài phù hợp, giúp tăng độ chính xác, rút ngắn thời gian phản hồi và giảm khối lượng công việc thủ công cho giáo viên. Kết quả khảo thí được lưu trữ tự động vào học bạ số, tạo cơ sở dữ liệu liên tục để theo dõi tiến bộ học tập, phân tích xu hướng và phát hiện sớm những học sinh cần hỗ trợ.

Song song với việc xây dựng ngân hàng đề nội bộ, nhà trường thiết lập hợp tác chính thức với các tổ chức khảo thí quốc tế uy tín để tổ chức các kỳ thi và cấp chứng chỉ quốc tế. Kết quả các kỳ thi này được sử dụng như một thành phần trong hệ thống đánh giá chính thức của nhà trường và được tích hợp đầy đủ vào mã định danh học tập (Learning ID) của học sinh, góp phần xây dựng hồ sơ năng lực học tập có giá trị trong xét tuyển đại học và hội nhập quốc tế.

Trường ký kết hợp tác chính thức với các tổ chức khảo thí quốc tế (Cambridge Assessment, IB Organization, College Board, Pearson, ETS...) để tổ chức kỳ thi, cấp chứng chỉ quốc tế và tích hợp kết quả vào hệ thống đánh giá chính thức.

Hệ thống khảo thí được trang bị các biện pháp bảo đảm an toàn và bảo mật ở mức cao, bao gồm đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giám sát phòng thi qua camera, ghi nhận và cảnh báo các thao tác bất thường, mã hóa đề thi và dữ liệu kết quả. Trước mỗi kỳ thi, phòng thi trên máy tính được kiểm tra kỹ thuật toàn diện và chuẩn bị các phương án dự phòng nhằm bảo đảm quá trình tổ chức thi diễn ra an toàn, liên tục và ổn định.

### **4. Quản trị và theo dõi theo tiêu chí chất lượng**

Nhà trường triển khai mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và hệ thống tiêu chí đo lường rõ ràng, làm cơ sở giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kịp thời điều chỉnh trong quá trình vận hành. Hệ thống tiêu chí chất lượng được xây dựng bao trùm các lĩnh vực cốt lõi gồm chất lượng học thuật, phát triển đội ngũ, chuyển đổi số, quản trị tài chính, hợp tác hội nhập và mức độ hài lòng của các bên liên quan. Việc theo dõi và đánh giá được thực hiện thông qua bảng điều khiển chất lượng, vận hành đồng bộ với hệ thống quản lý học tập và các nền tảng số của nhà trường.

Các tiêu chí chất lượng được thiết kế theo nguyên tắc có thể đo lường, kiểm chứng và công khai, gắn với mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn phát triển. Mỗi tiêu chí đều xác định rõ nguồn dữ liệu, tần suất cập nhật và đơn vị chịu trách nhiệm, đồng thời

được rà soát, điều chỉnh định kỳ để bảo đảm phù hợp với thực tiễn triển khai và các thay đổi về cơ chế, chính sách. Cách tiếp cận này giúp chuyển từ quản lý dựa trên kinh nghiệm sang quản trị dựa trên bằng chứng và dữ liệu.

Hệ thống tiêu chí chất lượng được tổ chức thành các nhóm chỉ số trọng tâm. Nhóm chất lượng học thuật phản ánh kết quả đầu ra của học sinh thông qua tỷ lệ đạt chuẩn năng lực, tỷ lệ trúng tuyển đại học trọng điểm, thành tích Olympic và nghiên cứu khoa học. Nhóm chất lượng đội ngũ theo dõi tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp, có chứng chỉ quốc tế và tham gia nghiên cứu sư phạm. Nhóm chuyển đổi số đặt mục tiêu đến năm 2030 đạt 100% học sinh có mã định danh học tập (Learning ID) và học bạ số, 100% môn có sử dụng nền tảng quản trị số và toàn bộ hoạt động đánh giá được số hóa. Nhóm quản trị tài chính tập trung vào tính minh bạch ngân sách, hiệu quả sử dụng nguồn lực và khả năng hỗ trợ học bổng cho học sinh. Nhóm hợp tác và hội nhập đo lường quy mô và chất lượng các chương trình hợp tác quốc tế, số học sinh tham gia trao đổi học thuật. Nhóm hài lòng và gắn kết phản ánh mức độ hài lòng của học sinh, phụ huynh và giáo viên thông qua khảo sát định kỳ.

Nhà trường xây dựng bảng điều khiển theo dõi chất lượng trực tuyến, hiển thị các chỉ số quan trọng theo thời gian thực hoặc theo chu kỳ, hỗ trợ Ban Giám hiệu và các đơn vị chức năng nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động. Dữ liệu được trực quan hóa bằng biểu đồ và các công cụ so sánh, cho phép theo dõi sự thay đổi qua các giai đoạn, phát hiện sớm các vấn đề cần can thiệp và đánh giá xu hướng phát triển dài hạn.

Trên cơ sở dữ liệu thu thập được, nhà trường công bố báo cáo chất lượng hằng năm, trình bày mức độ đạt được theo các tiêu chí đã xác định, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp cải tiến. Báo cáo được công khai trên cổng thông tin điện tử và gửi tới cơ quan quản lý, phụ huynh và cộng đồng nhằm tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự đồng hành xã hội. Đồng thời, nhà trường tổ chức kiểm định và đánh giá độc lập định kỳ với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và quốc tế; kết quả đánh giá được tích hợp trực tiếp vào kế hoạch cải tiến chất lượng, gắn với trách nhiệm của Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường và các đơn vị liên quan.

Thiết lập các cơ chế quản trị tiên tiến bao gồm: Hội đồng tư vấn học thuật (trong nước và quốc tế); Cơ chế kiểm định, đánh giá chất lượng độc lập định kỳ; Công khai dữ liệu chất lượng (dashboard, báo cáo thường niên) phục vụ giám sát và cải tiến.

## **5. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giáo viên và quản lý**

Nhà trường định hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo như một công cụ hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả quản lý, không thay thế vai trò trung tâm của giáo viên và cán bộ quản lý. Việc triển khai trí tuệ nhân tạo được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, minh bạch, có đạo đức và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về giáo dục, dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong nhà trường tuân theo các nguyên tắc cốt lõi: trí tuệ nhân tạo chỉ đóng vai trò hỗ trợ, giáo viên vẫn là người quyết định cuối cùng trong đánh giá học sinh và thiết kế hoạt động dạy học; các thuật toán và kết quả phân tích phải có khả năng giải thích, hạn chế thiên lệch và phân biệt đối xử; dữ liệu cá nhân của học sinh và giáo viên được bảo vệ nghiêm ngặt thông qua cơ chế mã hóa, phân quyền và chỉ sử dụng cho mục đích giáo dục; toàn bộ hệ thống trí tuệ nhân tạo được giám sát, đánh giá định kỳ để bảo đảm tính chính xác, an toàn và phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Trong hoạt động giảng dạy, trí tuệ nhân tạo hỗ trợ giáo viên ở nhiều khâu quan trọng. Hệ thống có thể gợi ý tài liệu, hoạt động học tập và cấu trúc bài giảng phù hợp với mục tiêu môn học và trình độ học sinh; hỗ trợ xây dựng đề kiểm tra từ ngân hàng câu hỏi theo yêu cầu về nội dung và mức độ khó; tự động chấm bài trắc nghiệm và các dạng tự luận ngắn nhằm giảm khối lượng công việc thủ công và rút ngắn thời gian phản hồi cho học sinh; phân tích tiến bộ học tập để cung cấp báo cáo chi tiết về điểm mạnh, điểm yếu của từng học sinh hoặc cả lớp; đồng thời phát hiện sớm những học sinh có nguy cơ gặp khó khăn trong học tập để giáo viên kịp thời can thiệp.

Trong công tác quản lý, trí tuệ nhân tạo góp phần nâng cao năng lực ra quyết định dựa trên dữ liệu. Hệ thống hỗ trợ tổng hợp và phân tích kết quả học tập theo khối, lớp và môn học để đánh giá chất lượng đào tạo; dự báo các xu hướng quan trọng như tỷ lệ hoàn thành chương trình, nhu cầu hỗ trợ học sinh và hiệu quả của các chương trình giảng dạy; hỗ trợ tư vấn học tập và hướng nghiệp thông qua việc gợi ý lộ trình học tập phù hợp với năng lực và sở thích của học sinh; tự động hóa việc xây dựng các báo cáo định kỳ phục vụ quản lý; đồng thời hỗ trợ giám sát an ninh, an toàn hệ thống và phát hiện các dấu hiệu bất thường trong vận hành.

Song song với triển khai công nghệ, nhà trường chú trọng đào tạo và nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và học sinh. Các chương trình đào tạo giúp giáo viên và cán bộ quản lý hiểu rõ cách sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo, nhận diện rủi ro và vận dụng một cách có trách nhiệm trong chuyên môn và quản trị. Học sinh được trang bị kiến thức về đạo đức số, cách sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm trong học tập và đời sống, tránh lệ thuộc hoặc lạm dụng công nghệ.

**PHỤ LỤC 4. TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐỀ ÁN (ƯỚC TÍNH SƠ BỘ)***(Đơn vị: tỷ đồng)*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>2026-2028</b>	<b>2029-2031</b>	<b>2032-2035</b>	<b>Tổng cộng</b>
I	ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ	145,88701	7,02630		152,91331
1.1	Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất (Phần xây dựng)	74,40428			74,40428
1.1.1	Khối nhà học chức năng bổ sung (quy mô 03 tầng; diện tích sàn xây dựng khoảng 1650m <sup>2</sup> )	17,56700			17,56700
1.1.2	Khối nhà 02 tầng (căng tin – thể chất; quy mô 02 tầng; diện tích sàn xây dựng khoảng 1900m <sup>2</sup> )	8,42890			8,42890
1.1.3	Các hạng mục phụ trợ phục vụ bổ sung hệ thống văn phòng, phòng hội thảo, phòng y tế, phòng tham vấn học đường,...	48,40838			48,40838
1.2	Đầu tư bổ sung cơ sở vật chất (Phần thiết bị)	71,48273	7,02630		78,50903
1.2.1	Thiết bị theo Chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế	11,56760	7,02630		18,59390
1.2.2	Thiết bị dạy học STEM/STEAM	29,08833			29,08833

STT	Hạng mục	2026-2028	2029-2031	2032-2035	Tổng cộng
1.2.3	Thiết bị hạ tầng số; quản trị nhà trường	30,82680			30,82680
II	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ KIỂM ĐỊNH	46	32	18	96
2.1	Chuyên gia xây dựng Đề án và Quản trị chiến lược	6	2	2	10
2.2	Chuyên gia xây dựng chương trình cho các môn chuyên đảm bảo chuẩn đầu ra QT	15	10	5	30
2.3	Chuyên gia xây dựng "Chương trình Học sinh Chu Văn An" (MUN, Robotics, Leadership, Nghệ thuật, ...)	12	10	8	30
2.4	Chuyên gia khảo thí và Kiểm định quốc tế	10	8	2	20
2.5	Số hóa chương trình: Chuyển đổi toàn bộ giáo trình sang dạng E- learning, tích hợp AI hỗ trợ giảng dạy	3	2	1	6
III	PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ	8	11	14	33

STT	Hạng mục	2026-2028	2029-2031	2032-2035	Tổng cộng
3.1	Đào tạo Ngoại ngữ: Bồi dưỡng Tiếng Anh chuyên ngành GV đạt chuẩn bậc 5-6 (C1-C2)	3	3	2	8
3.2	Chứng chỉ giảng dạy quốc tế: Phí thi và cấp bằng quốc tế cho GV dạy tích hợp	2	4	6	12
3.3	Đào tạo GV nghiên cứu: Kỹ năng hướng dẫn NCKH, viết bài báo quốc tế, sử dụng Lab hiện đại	2	2	3	7
3.4	Trao đổi chuyên môn quốc tế: Cử GV đi tu nghiệp tại các trường đối tác (Singapore, Úc, Mỹ) và mời chuyên gia thỉnh giảng	1	2	3	6
IV	HỌC BỔNG VÀ HỖ TRỢ HỌC SINH	24	33	42	99
	Quỹ học bổng 3 tầng (Tài năng, Khó khăn, NCKH)	24	33	42	99
V	HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU	26	38	49	113

STT	Hạng mục	2026-2028	2029-2031	2032-2035	Tổng cộng
5.1	Tổ chức MUN, Robotics, Science Fair, Giao lưu QT, ..	15	21	28	64
5.2	Liên kết Đại học, doanh nghiệp và nghiên cứu	11	17	21	49
VI	VẬN HÀNH THƯỜNG XUYÊN VÀ BẢO TRÌ	15	30	49	94
	Chi phí điện nước hệ thống, bảo trì Lab, phần mềm	15	30	49	94
I+II+III+IV+V+VI		249,78	151,75	172	573,53
VII	DỰ PHÒNG (6%)	14,99	9,11	10,32	34,41
	TỔNG CỘNG	264,77	160,86	182,32	607,94

Ghi chú:

Kinh phí trên là ước tính sơ bộ, cần được điều chỉnh theo khả năng ngân sách thực tế và lộ trình phê duyệt của Thành phố Hà Nội.

Nguồn kinh phí: (i) Ngân sách Thành phố (90-95%); (ii) Xã hội hóa từ doanh nghiệp, cựu học sinh, tài trợ (5-10%).

Chi đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị (152,91331 tỷ) tập trung vào giai đoạn đầu 2026-2028 với 145,88701 tỷ và giai đoạn 2029-2031 với 7,0263 tỷ. Ưu tiên đầu tư hệ thống phòng học chức năng, phòng thí nghiệm chuẩn quốc tế để tạo điều kiện nghiên cứu khoa học sớm, phát triển toàn diện cho học sinh (*có dự kiến danh mục cơ sở vật chất và thiết bị kèm theo*)

Chi thường xuyên vận hành (94 tỷ) tăng dần theo quy mô hoạt động, đặc biệt chi cho phát triển đội ngũ (33 tỷ) và bản quyền học liệu quốc tế (30 tỷ).

Học bổng và hỗ trợ học sinh (99 tỷ) đảm bảo tối thiểu 15-20% học sinh được hưởng các hình thức hỗ trợ, ưu tiên học sinh có hoàn cảnh khó khăn (33 tỷ) và thành tích xuất sắc (25 tỷ).

Hợp tác và phát triển (113 tỷ) tập trung vào hợp tác quốc tế (49 tỷ) để trao đổi giáo viên, học sinh và mời chuyên gia, tạo môi trường học tập chuẩn quốc tế.

Xây dựng chương trình và kiểm định (96 tỷ) là hạng mục quan trọng để phát triển chương trình đào tạo tiệm cận chuẩn quốc tế.

Chi phí dự phòng (34,41 tỷ, ~6%) được dùng khi có phát sinh, điều chỉnh theo tình hình thực tế và biến động giá cả.

Phân bổ kinh phí theo giai đoạn: 2026-2028 (264,77 tỷ); 2029-2031 (160,86 tỷ) mở rộng và hoàn thiện; 2032-2035 (182,32 tỷ) vận hành ổn định và nâng cao chất lượng.

## **PHỤ LỤC 5. XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ CƠ CHẾ NGÂN SÁCH BẢO ĐẢM CHI PHÍ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI MÔ HÌNH LỚP CHUYÊN TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ**

Các nội dung trong Phụ lục này mang tính chất đề xuất, làm cơ sở để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án bảo đảm kinh phí, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định.

Phạm vi áp dụng: Khối chương trình chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế (lớp 10 tuyển mới).

Thời gian áp dụng định mức: từ năm học 2026-2027 đến hết năm học 2029-2030 (có điều chỉnh phù hợp với điều kiện và các quy định mới).

### **I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC**

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và xác định học phí của Trường THPT Chu Văn An được thực hiện trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành:

Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí; Nghị định 97/2023/NĐ-CP sửa đổi bổ sung; Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Thông tư 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 hướng dẫn xây dựng và ban hành định mức kinh tế – kỹ thuật trong lĩnh vực giáo dục.

Thông tư 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 về quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Các quy định hiện hành về quản lý tài sản công, tiền lương và cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp.

Ngoài ra, việc xây dựng định mức còn dựa trên:

Số liệu tài chính và chi phí đào tạo của nhà trường trong 03 năm gần nhất.

Cơ cấu chương trình đào tạo hiện hành và định hướng phát triển chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế.

Quy mô tuyển sinh mới và sĩ số lớp học dự kiến (tối đa 30 học sinh/lớp).

So sánh tham chiếu với mô hình song bằng (đã thực hiện trong giai đoạn vừa qua) và tham khảo tại các trường công lập tự chủ, trường chất lượng trong các trường đại học, Viện nghiên cứu trên địa bàn Hà Nội.

### **II. MỤC TIÊU XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC**

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật nhằm đạt các mục tiêu sau:

- Xác định đầy đủ chi phí đào tạo theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, làm cơ sở bảo đảm chất lượng triển khai chương trình giáo dục tiệm cận chuẩn quốc tế;

- Làm căn cứ xây dựng phương án ngân sách bảo đảm chi phí đào tạo giai đoạn 2026–2030, phù hợp với lộ trình triển khai Đề án và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố;

- Bảo đảm cân đối tài chính trong điều kiện tăng cường tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước;

- Tạo nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, phát triển chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực đội ngũ và điều kiện dạy học;

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn lực, đồng thời tạo cơ sở cho việc thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **III. QUY MÔ ĐÀO TẠO VÀ CƠ CẤU**

Sĩ số tiêu chuẩn: 30 học sinh/lớp.

Việc xác định sĩ số này nhằm:

- Bảo đảm chất lượng dạy học theo định hướng cá thể hóa, tăng cường tương tác giữa giáo viên và học sinh;

- Phù hợp với mô hình lớp chuyên chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế;

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực, nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật chuyên sâu;

- Tương thích với quy mô lớp học của các chương trình giáo dục tiên tiến, làm cơ sở so sánh, tham chiếu trong quá trình xây dựng định mức.

Quy mô lớp học là đơn vị cơ sở để tính toán chi phí đào tạo, xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và tổ chức các hoạt động giáo dục của Nhà trường.

### **IV. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG**

Định mức kinh tế - kỹ thuật được xây dựng theo phương pháp kết hợp, bảo đảm phản ánh sát thực tiễn hoạt động của nhà trường và phù hợp với định hướng phát triển chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế, cụ thể như sau:

**1. Phương pháp tổng kê thực tế:** Tổng hợp, phân tích số liệu chi phí đào tạo của nhà trường trong 03 năm gần nhất, bao gồm:

- Chi lương và các khoản phụ cấp;

- Chi chuyên môn;

- Chi quản lý;

- Chi khấu hao tài sản;

- Chi cho các hoạt động đặc thù của nhà trường.

**2. Phương pháp chuẩn hóa:** Áp dụng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về định mức giờ dạy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và các tiêu chuẩn liên quan nhằm chuẩn hóa các yếu tố đầu vào của quá trình đào tạo.

**3. Phương pháp so sánh, tham chiếu:** Thực hiện so sánh với các mô hình tương đồng, bao gồm:

- Các trường trung học phổ thông chuyên;
- Các cơ sở giáo dục công lập tự chủ;
- Các mô hình đào tạo song bằng đã triển khai;
- Một số chương trình giáo dục quốc tế trên địa bàn Hà Nội.

Việc tham chiếu nhằm xác định mức độ gia tăng chi phí và yêu cầu đầu tư phù hợp với định hướng tiệm cận chuẩn quốc tế.

#### **4. Phương pháp dự báo**

Thực hiện dự báo chi phí đào tạo trong giai đoạn triển khai Đề án trên cơ sở các yếu tố:

- Biên động chính sách tiền lương;
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và giá các yếu tố đầu vào;
- Nhu cầu đầu tư trang thiết bị, học liệu và hạ tầng công nghệ;
- Lộ trình phát triển chương trình giáo dục tiệm cận chuẩn quốc tế.

Kết quả dự báo là cơ sở để xác định nhu cầu nguồn lực và xây dựng phương án bảo đảm kinh phí phù hợp với từng giai đoạn.

### **V. CƠ CẤU CHI PHÍ CẤU THÀNH ĐỊNH MỨC**

Chi phí đào tạo được chia thành các nhóm:

#### **1. Chi phí nhân sự:**

Lương giáo viên

Phụ cấp

Lương quản lý

Nhân viên hỗ trợ

Thu nhập tăng thêm

Đây là cấu phần chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí đào tạo.

#### **2. Chi phí chuyên môn:**

Học liệu

Thí nghiệm

Hoạt động trải nghiệm

CLB

Nghiên cứu khoa học của học sinh

#### **3. Chi phí cơ sở vật chất**

Khấu hao phòng học

Thiết bị công nghệ

Bảo trì

#### **4. Chi phí quản lý**

Hành chính

CNTT

Kiểm định

Đảm bảo chất lượng

## 5. Quỹ phát triển

Tuân thủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành có liên quan.

## VI. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ ĐÀO TẠO BÌNH QUÂN

Trên cơ sở tổng hợp số liệu tài chính của nhà trường trong 03 năm gần nhất và quy mô sĩ số 30 học sinh/lớp, định mức chi phí đào tạo bình quân được dự kiến xác định theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ các yếu tố cấu thành.

Chi phí đào tạo bình quân một lớp/năm học được xác định theo công thức:

***Chi phí đào tạo bình quân = Chi phí nhân sự + Chi phí chuyên môn + Chi phí quản lý + Chi phí khấu hao + Quỹ phát triển***

Kết quả tính toán cho thấy chi phí đào tạo có xu hướng tăng do các yếu tố:

- Điều chỉnh chính sách tiền lương;
- Tăng chi phí công nghệ và học liệu;
- Mở rộng chương trình đào tạo nâng cao;
- Tăng đầu tư trang thiết bị và điều kiện dạy học.

Kết quả xác định định mức chi phí đào tạo bình quân là cơ sở phục vụ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án bảo đảm kinh phí.

## VII. PHƯƠNG ÁN XÁC ĐỊNH CHI PHÍ ĐÀO TẠO VÀ BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC

### 1. Nguyên tắc

Chi phí đào tạo đối với các lớp chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế được dự kiến xác định theo các nguyên tắc:

- Phù hợp với định mức kinh tế - kỹ thuật và yêu cầu chất lượng của chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế;
- Bảo đảm phản ánh đầy đủ các yếu tố chi phí cấu thành theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ;
- Gắn với cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, đồng thời bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước trong việc cung ứng dịch vụ giáo dục công;
- Thực hiện theo lộ trình phù hợp với tiến độ triển khai Đề án và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

### 2. Phương pháp xác định chi phí đào tạo

Việc xác định chi phí đào tạo cho mô hình lớp chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế được thực hiện theo phương pháp:

***Chi phí đào tạo = Chi phí chương trình giáo dục phổ thông chuyên hiện hành + Chi phí tăng thêm do chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế***

Trong đó:

- Chi phí chương trình hiện hành được xác định từ số liệu tài chính của nhà trường trong 03 năm gần nhất;

- Chi phí tăng thêm được xác định từ yêu cầu mở rộng chương trình, bao gồm: tăng thời lượng giảng dạy, phát triển học liệu, tổ chức hoạt động học thuật, nâng cao chất lượng đội ngũ và tăng cường ứng dụng công nghệ;

- Kết quả triển khai mô hình song bằng được sử dụng làm cơ sở tham chiếu để xác định mức độ gia tăng chi phí, không áp dụng nguyên trạng.

Chi phí đào tạo được tính theo năm học (09 tháng), phù hợp với thực tiễn tổ chức dạy học của nhà trường.

### **3. Kết quả xác định chi phí đào tạo**

Trên cơ sở số liệu thực tế trong 03 năm gần nhất:

- Chi phí đào tạo chương trình giáo dục phổ thông chuyên hiện hành khoảng 20–22 triệu đồng/học sinh/năm;

- Chi phí đào tạo chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế dự kiến khoảng 45–48 triệu đồng/học sinh/năm, tương đương 2,1–2,2 lần so với chương trình hiện hành.

Mức chênh lệch chi phí chủ yếu do:

- Tăng thời lượng và cường độ học tập;
- Phát triển chương trình và học liệu theo định hướng quốc tế;
- Tăng chi phí cho hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học;
- Tăng chi phí đội ngũ giáo viên, chuyên gia;
- Tăng đầu tư trang thiết bị, công nghệ và điều kiện dạy học.

### **4. Phương án bảo đảm nguồn lực**

Trên cơ sở định mức chi phí đã xác định, ngân sách nhà nước được định hướng là nguồn lực chủ đạo để bảo đảm chi phí đào tạo đối với chương trình giáo dục chính khóa của Nhà trường.

Việc bố trí kinh phí thực hiện được triển khai theo lộ trình, phù hợp với tiến độ thực hiện Đề án và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố trong từng giai đoạn.

Các nguồn lực hợp pháp khác (nếu có) được huy động để bổ trợ cho các hoạt động giáo dục nâng cao, trên nguyên tắc:

- Tự nguyện;
- Công khai, minh bạch;
- Không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính bắt buộc đối với học sinh.

## **VIII. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

Việc áp dụng mức học phí và lộ trình điều chỉnh học phí dự kiến có các tác động:

### **1. Tác động tích cực**

Việc triển khai cơ chế bảo đảm chi phí đào tạo theo định mức kinh tế - kỹ thuật dự kiến mang lại các tác động tích cực sau:

- Bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định cho Nhà trường trong việc triển khai chương trình giáo dục tiệm cận chuẩn quốc tế;

- Nâng cao chất lượng giáo dục theo lộ trình, gắn với yêu cầu phát triển chương trình và chuẩn đầu ra;

- Tạo điều kiện thu hút, phát triển đội ngũ giáo viên có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học;
- Tăng cường năng lực tổ chức các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế;
- Góp phần khẳng định vai trò của trường chuyên công lập trong phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, hướng tới chuẩn quốc tế.

## 2. Tác động cần lưu ý

Bên cạnh các tác động tích cực, việc triển khai Đề án cũng đặt ra một số yêu cầu cần lưu ý:

- Yêu cầu cao về công tác quản lý, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính;
- Đòi hỏi tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính;
- Áp lực trong việc duy trì chất lượng đào tạo tương xứng với mức đầu tư và kỳ vọng của xã hội;
- Yêu cầu phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý trong việc bố trí và kiểm soát nguồn lực thực hiện Đề án.

## IX. CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC

Trường THPT chuyên Chu Văn An được phát triển theo định hướng trường chuyên công lập tiệm cận chuẩn quốc tế, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm kinh phí đào tạo đối với chương trình giáo dục chính khóa.

Trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường thực hiện phân bổ và sử dụng nguồn lực theo các nguyên tắc sau:

*Thứ nhất*, ưu tiên chi cho hoạt động giảng dạy và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bảo đảm đủ nguồn lực để triển khai chương trình đào tạo theo định hướng tiệm cận chuẩn quốc tế;

*Thứ hai*, tăng cường đầu tư cho học liệu, thiết bị và hoạt động học thuật nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ, năng lực nghiên cứu và năng lực sáng tạo của học sinh;

*Thứ ba*, bảo đảm kinh phí duy trì cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin và môi trường học tập an toàn, hiện đại;

*Thứ tư*, trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định để tái đầu tư, nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc quản lý và sử dụng nguồn lực được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả và gắn với trách nhiệm giải trình, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

## X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án bảo đảm kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Trường THPT chuyên Chu Văn An tổ chức triển khai thực hiện theo lộ trình như sau:

- **Giai đoạn năm học 2026-2027:** Triển khai thực hiện sau khi định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với lớp 10 chương trình tiệm cận chuẩn quốc tế; Rà

soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ và điều chỉnh kế hoạch tài chính phù hợp với mô hình triển khai;

- **Giai đoạn 2027–2028 đến 2029–2030:** Mở rộng áp dụng định mức đối với các khối lớp tiếp theo theo lộ trình được phê duyệt; Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ giáo viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo; Thực hiện rà soát định kỳ, kịp thời điều chỉnh định mức và phương án sử dụng nguồn lực khi cần thiết.

Nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về kết quả triển khai và tình hình tài chính với cơ quan quản lý theo quy định.

## **XI. ĐÁNH GIÁ TÍNH KHẢ THI**

Định mức kinh tế - kỹ thuật của Trường THPT chuyên Chu Văn An giai đoạn 2026–2030 được xây dựng trên cơ sở số liệu tài chính thực tế của nhà trường, phù hợp với quy mô đào tạo, đặc thù chương trình và định hướng phát triển tiệm cận chuẩn quốc tế, do đó có tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện.

Phương án xác định chi phí đào tạo và cơ chế bảo đảm nguồn lực gắn với lộ trình triển khai Đề án, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, đồng thời bảo đảm điều kiện duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

Việc duy trì sĩ số 30 học sinh/lớp góp phần tối ưu hóa tổ chức dạy học, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động giáo dục theo định hướng cá thể hóa, phát triển năng lực toàn diện của học sinh.

Bên cạnh đó, việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, gắn với yêu cầu thực tiễn của nhà trường và tham chiếu các mô hình đào tạo tiên tiến, tạo cơ sở vững chắc để tổ chức triển khai Đề án một cách ổn định, hiệu quả và bền vững.

## **XII. KIẾN NGHỊ**

Để triển khai Đề án bảo đảm đúng quy định và tính khả thi, Sở Giáo dục và Đào tạo kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét:

- Phê duyệt Đề án xây dựng Trường THPT chuyên Chu Văn An trở thành trường chuyên tiệm cận chuẩn quốc tế làm cơ sở triển khai các nội dung tiếp theo;

- Chấp thuận chủ trương giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án bảo đảm kinh phí đào tạo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định;

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp trong quá trình xây dựng, thẩm định và triển khai thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và tiến độ thực hiện Đề án;

- Cho phép điều chỉnh, hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật trong quá trình triển khai khi có thay đổi về chính sách tiền lương hoặc các yếu tố chi phí đầu vào theo quy định của pháp luật.

Việc xem xét, chấp thuận các nội dung nêu trên là cơ sở để tổ chức triển khai Đề án một cách đồng bộ, bảo đảm hiệu quả và tính bền vững.

## PHỤ LỤC 6. DỰ KIẾN TUYỂN SINH VÀ CƠ CẤU CÁC LỚP TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ NĂM HỌC 2026-2027

### I. DỰ KIẾN TUYỂN SINH

Số lớp	Số lớp	Ghi chú
Chuyên Toán 1	01	- Chương trình học theo TT 22/2025
Chuyên Lí 1	01	- Riêng các môn Toán, Lí, Hoá được tích hợp với chương trình quốc tế, dạy và học bằng tiếng Anh
Chuyên Hoá 1	01	- Chương trình STEM/nghiên cứu KHKT: 3 tiết/tuần
Chuyên Anh 1	01	- Chương trình HS Chu Văn An (MUN, Leadership, văn hoá nghệ thuật, ...): 2 tiết/tuần
Chuyên Toán 2	01	- Chương trình học theo TT 22/2025
Chuyên Lí 2	01	- Chương trình STEM/nghiên cứu KHKT: 3 tiết/tuần
Chuyên Hoá 2	01	- Chương trình HS Chu Văn An (MUN, Leadership, văn hoá nghệ thuật, ...): 2 tiết/tuần
Chuyên Sinh	01	
Chuyên Tin	01	
Chuyên Văn	02	- Chương trình học theo TT 22/2025
Chuyên Sử	02	- Chương trình STAEM/nghiên cứu KHKT: 3 tiết/tuần
Chuyên Địa	02	- Chương trình HS Chu Văn An (MUN, Leadership, văn hoá nghệ thuật, ...): 2 tiết/tuần
Chuyên Anh 2	01	- Chương trình học theo TT 22/2025
Chuyên Pháp	01	- Ngoại ngữ 2 là tiếng Anh ( với chuyên Pháp, Nhật, Hàn, Trung)
Chuyên Nhật	01	
Chuyên Trung	01	- Ngoại ngữ 2 là Tiếng Trung/Tiếng Đức (với chuyên Anh)
Chuyên Hàn	01	- Chương trình STAEM/nghiên cứu KHKT: 3 tiết/tuần - Chương trình HS Chu Văn An (MUN, Leadership, văn hoá nghệ thuật, ...): 2 tiết/tuần.

### II. DỰ KIẾN CƠ CẤU CÁC LỚP TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ

1. Các lớp chuyên học chương trình học thuật tích hợp sâu (các môn Toán, Lí, Hoá học bằng tiếng Anh)

Lớp	Các môn tích hợp dạy và học bằng tiếng Anh	Chương trình GDPT 2018 (1)					Chuyên đề (2)		Tổng số tiết/tuần (1)+(2)
		Môn bắt buộc	Số tiết/tuần	Môn tự chọn	Số tiết/tuần	Tổng số tiết	Nội dung	Số tiết/tuần	
		Toán (7), Anh (5)	12	Lí (6), Hoá (6)	12	39		5	44.0 tiết

10 Toán 1	Toán, Lí, Hoá	Văn (3.5), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	11	Sinh (2), Tin (2)	4		STEM/NCKHKT (Toán, Lí, Hoá): 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết		
10 Lí 1	Toán, Lí, Hoá	Toán (6), Anh (5)	11	Lí (7), Hoá (6)	13	39	STEM/NCKHKT (Toán, Lí, Hoá): 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	44.0 tiết
		Văn (3.5), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	11	Sinh (2), Tin (2)	4				
10 Hoá 1	Toán, Lí, Hoá	Toán (6), Anh (5)	11	Lí (6), Hoá (7)	13	39	STEM/NCKHKT (Toán, Lí, Hoá): 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	44.0 tiết
		Văn (3.5), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	11	Sinh (2), Tin (2)	4				
10 Anh 1	Toán, Lí, Hoá	Toán (6), Anh (6)	12	Lí (6), Hoá (6)	112	39	STEM/NCKHKT (Toán, Lí, Hoá): 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	44.0 tiết
		Văn (3.5), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	111	Sinh (2), Tin (2)	4				

## 2. Các lớp chuyên khoa học tự nhiên

Lớp	Môn chuyên	Chương trình GDPT 2018 (1)					Chuyên đề (2)		Tổng số tiết/ tuần (1)+(2)
		Môn bắt buộc	Số tiết/ tuần	Môn tự chọn	Số tiết/ tuần	Tổng số tiết	Nội dung	Số tiết/ tuần	
10 Toán 2	Toán (6)	Anh (4), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP- AN (1), GDĐP	14.5	Lí (2), Hoá (2), Sinh(2), Tin (2)	8	22.5	STEM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	33.5

		(1), HĐTN– HN (2)							
10 Lí 2	Lí (4.5)	Toán (3), Anh (4), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP– AN (1), GDĐP (1), HĐTN– HN (2)	17.5	Lí (2), Hoá (2) Sinh(2), CNCN (2)	8	25.5	STEM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	35.0
10 Hoá 2	Hoá (4.5)	Toán (3), Anh (4), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP– AN (1), GDĐP (1), HĐTN– HN (2)	17.5	Lí (2), Hoá (2), Sinh(2), CNCN (2)	8	25.5	STEM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	35.0
10 Sinh	Sinh (4.5)	Toán (3), Anh (4), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP– AN (1), GDĐP (1), HĐTN– HN (2)	17.5	Lí (2), Hoá (2), Sinh (2), CNCN (2)	8	25.5	STEM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	35.0
10 Tin	Tin (5)	Toán (3), Anh (4), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP– AN (1), GDĐP	17.5	Lí (2), Hoá (2), Tin (2), CNCN (2)	8	25.5	STEM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	35.5

		(1), HĐTN- HN (2)							
--	--	-------------------------	--	--	--	--	--	--	--

### 3. Các lớp chuyên khoa học xã hội

Lớp	Môn chuyên	Chương trình GDPT 2018 (1)					Chuyên đề (2)		Tổng số tiết/ tuần (1)+(2)
		Môn bắt buộc	Số tiết/ tuần	Môn tự chọn	Số tiết/ tuần	Tổng số tiết	Nội dung	Số tiết/ tuần	
10 Văn	Văn (6)	Toán (3), Anh (4), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN- HN (2)	14.5	Địa (2), KTPL (2), AN (2), MT (2)	8	22.5	STEAM/NCKHK: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	33.5
10 Sử	Sử (4)	Toán (3), Văn (3), Anh (4), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN- HN (2)	16.0	Địa (2), KTPL (2), AN (2), MT (2)	8	24.0	STEAM/NCKHK: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	33.0
10 Địa	Địa (4.5)	Toán (3), Văn (3), Anh (4), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN- HN (2)	17.5	Lí (2), Hoá (2), AN (2), MT (2)	8	25.5	STEAM/NCKHK: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết	5	35.0

### 4. Các lớp chuyên ngoại ngữ

Lớp	Môn chuyên	Chương trình GDPT 2018 (1)					Chuyên đề (2)		Tổng số tiết/ tuần (1)+(2)
		Môn bắt buộc	Số tiết/ tuần	Môn tự chọn	Số tiết/ tuần	Tổng số tiết	Nội dung	Số tiết/ tuần	
10 Anh 2	Anh (5)	Toán (3), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN- HN (2)	13.5	Lí (2), Hoá (2), Sinh (2), Tin (2)	8	21.5	STEM/NCKHK: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết NN2: 3 tiết	8	34.5

10 Pháp	Pháp (6)	Toán (3), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	13.5	Địa (2), KTPL (2), AN (2), MT (2)	8	21.5	STEAM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết NN2: 3 tiết	8	35.5
10 Nhật	Nhật (6)	Toán (3), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	13.5	Địa (2), KTPL (2), AN (2), MT (2)	8	21.5	STEAM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết NN2: 3 tiết	8	35.5
10 Trung	Trung (5)	Toán (3), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	13.5	Địa (2), KTPL (2), AN (2), MT (2)	8	21.5	STEAM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết NN2: 3 tiết	8	34.5
10 Hàn	Hàn (5)	Toán (3), Văn (3), Sử (1.5), GDTC (2), GDQP-AN (1), GDĐP (1), HĐTN-HN (2)	13.5	Địa (2), KTPL (2), AN (2), MT (2)	8	21.5	STEAM/NCKHKT: 3 tiết CT HS Chu Văn An: 2 tiết NN2: 3 tiết	8	34.5

### III. DỰ KIẾN NHU CẦU ĐỘI NGŨ CHO CÁC LỚP TIỆM CẬN CHUẨN QUỐC TẾ NĂM HỌC 2026-2027

*Cở sở tính:* (Số lớp x số tiết x 3 ): 17 tiết (định mức).

\* Nhu cầu đội ngũ giáo viên giảng dạy các lớp tích hợp học thuật sâu (THHTS) năm học 2026-2027 (các lớp chuyên Toán, Lí, Hoá, tiếng Anh; giáo viên giảng dạy bằng tiếng Anh)

STT	Môn	Tổng số tiết của các lớp	Số lượng GV cần cho năm học 2026-2027	Số lượng GV của trường đáp ứng từ năm học 2026-2027	Số lượng GV, chuyên gia cần thuê từ các trường ĐH	Đề xuất số lượng GV của trường được đào tạo, bồi dưỡng từ hè 2026
1	Toán	$(7 \times 3) + (6 \times 3) + (6 \times 3) + (6 \times 3) = 75$	05	02	03	08
2	Vật lí	$(6 \times 3) + (7 \times 3) + (6 \times 3) + (6 \times 3) = 75$	05	02	03	06
3	Hoá	$(6 \times 3) + (6 \times 3) + (7 \times 3) + (6 \times 3) = 75$	05	02	03	06
4	Anh	$(5 \times 3) + (5 \times 3) + (5 \times 3) + (6 \times 3) = 63$	04	04	00	08
5	Sinh		01	00	01	04
6	Tin		01	00	01	04

\* Nhu cầu đội ngũ giáo viên giảng dạy các lớp chuyên THPTS (các lớp chuyên Toán, Lí, Hoá, tiếng Anh; giáo viên giảng dạy bằng tiếng Anh)

Năm học	Số lớp chuyên THPTS	Số GV cần cho mỗi môn						Tổng số
		Toán	Vật lí	Hoá học	Tiếng Anh	Sinh học	Tin học	
2026-2027	4 lớp	05	05	05	04	01	01	21
2027-2028	8 lớp	10	10	10	08	02	02	42
2028-2029	12 lớp	15	15	15	12	02	02	61

\* Nhu cầu đội ngũ giáo viên giảng dạy chương trình Chu Văn An (2 tiết/tuần, 100% lớp chuyên, giáo viên giảng dạy song ngữ)

Năm học	Số lớp chuyên	Số giáo viên cần	Số lượng GV của trường đáp ứng	Số lượng GV, chuyên gia cần thuê từ các trường ĐH, Viện,...	Đề xuất số lượng GV của trường được đào tạo, bồi dưỡng từ hè 2026 và thời gian tiếp theo
2026- 2027	20 lớp	03	02	01	06
2027- 2028	40 lớp	06	04	02	06
2028- 2029	60 lớp	09	06	03	06

## PHỤ LỤC 7. MINH HỌA HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KPI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRƯỜNG THPT CHUYÊN CHU VĂN AN

Phụ lục này minh họa hệ thống chỉ tiêu/KPI theo năm, gắn với trách nhiệm và nguồn dữ liệu, phục vụ quản trị dựa trên minh chứng trong giai đoạn 2026-2029.

### 1. Năng lực ngoại ngữ

Chỉ tiêu	NH 2026- 2027	NH 2027- 2028	NH 2028- 2029
IELTS $\geq 6.5$ , TOEFL iBT $\geq 80$ (%)	50	65	80
IELTS $\geq 7.0$ TOEFL iBT $\geq 90$ (%)	25	40	55
IELTS $\geq 7.5$ TOEFL iBT $\geq 100$ (%)	10	20	35

### 2. Chương trình & chứng chỉ quốc tế

Chỉ tiêu	NH 2026- 2027	NH 2027- 2028	NH 2028- 2029
HS học A-Level	120	240	360
HS đỗ A-Level		120	240
HS đạt IB/AP		20	50
SAT $\geq 1.200$		100	300
Kỹ năng CNTT	90% HS đạt 1 CC	95% HS đạt 2 CC	98% HS đạt 3 CC
Kỹ năng ứng dụng AI	100% HS ra trường đạt CC		
Khởi nghiệp/đổi mới sáng tạo	80% HS ra trường đạt CC		

### 3. Đầu ra đại học quốc tế

Chỉ tiêu	NH 2026- 2027	NH 2027- 2028	NH 2028- 2029
HS Top 200			80
HS Mỹ/Anh/Úc			130
HS học bổng			70

### 4. Nghiên cứu khoa học

- Mỗi năm có khoảng 50 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó 02 đề tài được dự thi vòng chung kết cấp Thành phố, 01 đề tài được dự thi cấp quốc gia và cấp quốc tế.

- Đến năm 2035 có 100% học sinh hoàn thành dự án nghiên cứu khi tốt nghiệp.

- Đến năm 2045 có 2% trong số dự án nghiên cứu khoa học của học sinh được công bố quốc tế.

### 5. Chuyển đổi số

Chỉ tiêu	NH 2026- 2027	NH 2027- 2028	NH 2028- 2029
Learning ID	100%	100%	100%
Môn có sử dụng nền tảng quản trị số	40%	60%	80%
Đánh giá số	50%	70%	85%

## 6. Gán trách nhiệm

<b>Nhóm KPI</b>	<b>Người chịu trách nhiệm</b>
Ngoại ngữ & chứng chỉ	Hiệu trưởng + PHT CM
Chương trình	Ban Giám hiệu
Đầu ra ĐH	Hội đồng trường
Chuyển đổi số	PHT CNTT
NCKH	Tổ trưởng CM

## PHỤ LỤC 8 - KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ CIS

### 1. Tổng quan về Kiểm định CIS (Hội đồng các Trường Quốc tế - Council of International Schools)

#### 1.1. Giới thiệu về Kiểm định CIS

CIS (Hội đồng các Trường Quốc tế) là một tổ chức toàn cầu, cung cấp quy trình kiểm định nghiêm ngặt cho các trường học từ bậc mầm non đến đại học trên thế giới.

CIS sử dụng Khung Kiểm định Quốc tế (CIS International Accreditation Framework) để đánh giá toàn diện một trường học theo bộ tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt, bao gồm các lĩnh vực chính như sau:

Lĩnh vực kiểm định	Trọng tâm đánh giá
1. Mục tiêu và Định hướng	Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và quá trình ra quyết định của Nhà trường.
2. Quản trị và Lãnh đạo	Hiệu quả quản lý, chính sách nhân sự, và cam kết cải tiến liên tục.
3. An toàn và Hạnh phúc Học sinh	Đảm bảo môi trường học tập an toàn, thân thiện, và toàn diện (bao gồm bảo vệ trẻ em, bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất).
4. Chương trình Đào tạo	Chất lượng thiết kế chương trình, tính mạch lạc xuyên suốt các cấp học, và sự phù hợp với mục tiêu của Nhà trường.
5. Dạy và Học	Chất lượng giảng dạy, phương pháp sư phạm, đánh giá học sinh và kết quả học tập.
6. Công dân toàn cầu	Sự phát triển của học sinh thành công dân toàn cầu có năng lực liên văn hóa (Intercultural Competence) và trách nhiệm xã hội.
7. Nguồn lực hỗ trợ	Cơ sở vật chất, công nghệ, thư viện, dịch vụ tài chính và các nguồn lực hỗ trợ khác.

#### 1.2. Lợi ích của việc trở thành trường thành viên của Hội đồng CIS

##### - Đối với công tác bảo vệ và đảm bảo an toàn cho trẻ em:

+ Nâng cao khả năng nhận diện dấu hiệu và quản lý rủi ro liên quan đến việc lạm dụng trẻ em.

+ Xây dựng và hoàn thiện chính sách, quy trình để bảo vệ trẻ em hiệu quả hơn.

+ Nâng cao chất lượng tuyển dụng, đào tạo để đảm bảo nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn an toàn cao.

##### - Đối với khía cạnh đảm bảo sức khỏe tinh thần và phúc lợi toàn diện:

+ Tiếp cận các nguồn lực chuyên môn để xây dựng văn hóa an toàn và hỗ trợ trong Nhà trường.

+ Trao quyền cho học sinh biết cách thiết lập ranh giới và hiểu về sự đồng thuận.

+ Tạo ra các không gian học tập và làm việc hòa nhập, tôn trọng văn hóa cho mọi thành viên trong Nhà trường.

##### - Đối với công tác hướng nghiệp và tư vấn Đại học:

+ Thiết lập mạng lưới kết nối với các chuyên gia tuyển sinh từ các trường đại học thành viên CIS trên toàn thế giới.

+ Hỗ trợ học sinh tối đa để đạt được kết quả tuyển sinh quốc tế tốt nhất.

### **- Đối với công tác hỗ trợ chuyển tiếp Đại học:**

+ Cải thiện trải nghiệm cho học sinh khi chuyển từ THPT lên Đại học.

+ Nắm bắt sự khác biệt về nhu cầu giữa sinh viên quốc tế và sinh viên bản xứ.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh và trường đại học để quá trình chuyển tiếp diễn ra suôn sẻ.

## **2. Quy trình tiến hành (tổng thời gian tiến hành: 3 – 5 năm)**

### **2.1. Giai đoạn 1: Ứng tuyển và tự đánh giá ban đầu**

#### **2.1.1. Đăng ký và trở thành thành viên**

- Nhà trường nộp hồ sơ xin gia nhập cộng đồng CIS, thể hiện cam kết thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế và triết lý của CIS.

- CIS xem xét hồ sơ trước khi bắt đầu quy trình kiểm định chính thức.

#### **2.1.2. Phân tích hiện trạng**

- CIS thực hiện chuyên thăm ban đầu (hoặc họp trực tuyến) để đánh giá mức độ sẵn sàng của Nhà trường và thảo luận về các yêu cầu cơ bản.

- Nhà trường cần thực hiện Tự đánh giá ban đầu dựa trên các tiêu chuẩn tối thiểu (ví dụ: các yêu cầu về an toàn và phúc lợi học sinh, tư cách pháp lý...).

#### **2.1.3. Đánh giá về an toàn và phúc lợi học sinh**

- Nhà trường chứng minh năng lực đáp ứng mọi yêu cầu nền tảng, đặc biệt tập trung vào an toàn và phúc lợi học sinh.

- Chuyên gia CIS đánh giá và xác nhận về an toàn và phúc lợi học sinh trước khi chuyển sang Giai đoạn 2.

### **2.2. Giai đoạn 2: Tự đánh giá toàn diện kéo dài 12-18 tháng**

#### **2.2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo**

Nhà trường thành lập Ban chỉ đạo tự đánh giá bao gồm đại diện Ban Giám hiệu, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh (tùy cấp học).

#### **2.2.2. Đào tạo và thẩm định tiêu chuẩn**

- CIS cung cấp khóa đào tạo cho Ban chỉ đạo về quy trình tự đánh giá và cách áp dụng Khung kiểm định quốc tế (CIS International Accreditation Framework).

- Nhà trường tiến hành xem xét, phân tích, thu thập dữ liệu và đánh giá toàn diện hoạt động của mình dựa trên các tiêu chuẩn của CIS như đề cập tại mục 1.1.

#### **2.2.3. Viết Báo cáo tự đánh giá**

Kết quả của quá trình phân tích được tổng hợp thành một báo cáo chi tiết, bao gồm:

- Phân tích điểm mạnh và điểm cần cải thiện cho từng tiêu chuẩn.

- Minh chứng cho từng tiêu chí.

- Kế hoạch Cải tiến Chiến lược của nhà trường.

### **2.3. Giai đoạn 3: Đánh giá ngoài**

### **2.3.1. Chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài**

- Nhà trường gửi Báo cáo Tự đánh giá cho CIS.
- CIS thành lập Đoàn Đánh giá gồm các nhà giáo dục giàu kinh nghiệm từ các trường quốc tế khác trên thế giới.

### **2.3.2. Tiến hành đánh giá ngoài**

- Đoàn đánh giá dành từ 05 đến 07 ngày tại Nhà trường để xác thực và bổ sung cho Báo cáo Tự đánh giá.

Các hoạt động chính bao gồm:

- + Quan sát lớp học
- + Phỏng vấn sâu với các bên liên quan (lãnh đạo, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh)
- + Kiểm tra tài liệu, hồ sơ, cơ sở vật chất (đặc biệt là các vấn đề về an toàn và phúc lợi).

### **2.3.3. Báo cáo đánh giá ngoài**

Đoàn đánh giá ngoài sẽ trình một báo cáo chính thức lên Hội đồng Kiểm định CIS, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ của trường đối với các tiêu chuẩn CIS, cùng với những khuyến nghị cụ thể.

## **2.4. Giai đoạn 4: Công nhận và Duy trì**

### **2.4.1. Quyết định Công nhận**

- Hội đồng Kiểm định CIS xem xét Báo cáo Tự đánh giá và Báo cáo Đánh giá ngoài.

- Nếu trường đáp ứng tất cả các yêu cầu và tiêu chuẩn, CIS sẽ cấp Chứng nhận Kiểm định Quốc tế.

### **2.4.2. Chu kỳ Công nhận và Báo cáo giữa kỳ**

- Chứng nhận CIS lần đầu thường có hiệu lực trong 05 năm.
- Nhà Trường phải nộp Báo cáo giữa kỳ cho CIS sau khoảng 2,5 năm để chứng minh rằng Nhà trường vẫn đang tuân thủ các tiêu chuẩn và đang thực hiện các Kế hoạch cải tiến chiến lược đã cam kết.

### **2.4.3. Tái kiểm định**

- Trước khi chứng nhận 5 năm hết hạn, trường phải bắt đầu lại quy trình Tự đánh giá và Đánh giá ngoài để được tái kiểm định.

**PHỤ LỤC 9. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC**  
(Kinh phí khái toán theo giai đoạn đầu tư, sẽ thẩm định khi triển khai cụ thể)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT (1)	Tên phòng (2)	Số phòng (3)	Nhu cầu đáp ứng (4)	Đề xuất bổ sung (5)	Giai đoạn đầu tư (6)
1	Phòng Vật Lí	2	3,673.30	3,673.30	2026-2028
2	Phòng Hóa học	2	4,189.82	4,189.82	2026-2028
3	Phòng Sinh	2	4,794.24	4,794.24	2026-2028
4	Stem 1 (Lý tích hợp chuyên sâu)	1	3,195.40	3,195.40	2026-2028
5	Stem 2 (Hóa tích hợp chuyên sâu)	1	6,038.00	6,038.00	2026-2028
6	Stem 3 (Sinh tích hợp chuyên sâu)	1	2,823.58	2,823.58	2026-2028
7	Maker Space	1	1,890.50	1,890.50	2026-2028
8	Phòng Tin học	5	8,257.50	8,257.50	2026-2028
9	Phòng Robotics và trí tuệ nhân tạo	1	6,359.00	6,359.00	2026-2028
10	Phòng Công nghệ thông tin - Lập trình	2	2,487.00	2,487.00	2026-2028
11	Innovation Lab	1	2,483.50	2,483.50	2026-2028
12	Phòng Studio	1	1,956.00	1,956.00	2029-2031
13	Phòng Nhiếp ảnh - Quay phim	1	2,347.00	2,347.00	2029-2031
14	Phòng Mỹ thuật	1	758.60	758.60	2026-2028
15	Phòng Âm nhạc	1	2,460.50	2,460.50	2026-2028
16	Khiêu vũ, múa, nhảy	1	896.50	896.50	2026-2028
17	Rạp chiếu phim	1	1,142.00	1,142.00	2026-2028
18	Phòng Văn học - Nghệ thuật	1	349.00	349.00	2026-2028
19	Phòng học ngoại ngữ	4	5,372.00	5,372.00	2026-2028
20	Phòng hội thảo Quốc tế	1	1,929.99	1,929.99	2026-2028
21	Phòng họp hội thảo (162m)	1	1,421.50	1,421.50	2026-2028
22	Trải nghiệm nghề và immersive nhập vai	1	2,723.30	2,723.30	2029-2031
23	Phòng Địa lý	1	589.00	589.00	2026-2028
24	KHTN	1	115.50	115.50	2026-2028
25	KHXH	1	115.50	115.50	2026-2028

<b>STT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Số phòng</b>	<b>Nhu cầu đáp ứng</b>	<b>Đề xuất bổ sung</b>	<b>Giai đoạn đầu tư</b>
<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>	<b>(4)</b>	<b>(5)</b>	<b>(6)</b>
26	Phòng điều hành khảo thí	1	463.50	463.50	2026-2028
27	Hạ tầng số, quản trị nhà trường	1	30,826.80	30,826.80	2026-2028
28	Phòng tham vấn tâm lý	1	85.50	85.50	2026-2028
29	Thư viện	1	4,085.50	4,085.50	2026-2028
30	Văn phòng Đoàn	1	81.50	81.50	2026-2028
31	Phòng y tế	1	166.79	166.79	2026-2028
32	Khu Hiệu bộ	1	1,284.60	1,284.60	2026-2028
33	Phòng họp toàn thể giáo viên	1	1,329.00	1,329.00	2026-2028
34	Khu sân chơi, nhà đa năng	1	8,428.90	8,428.90	2026-2028
35	Hội trường	1	4,500.00	4,500.00	2026-2028
36	Sân khấu ngoài trời và thiết bị chung	1	12,390.00	12,390.00	2026-2028
37	Khối các phòng học thường	62	15,903.00	15,903.00	2026-2028
38	Nhà truyền thống	1	500.00	500.00	2026-2028
39	Thiết bị dạy học tối thiểu		4,500.00	4,500.00	2026-2028
<b>Tổng cộng</b>			<b>152,913.31</b>	<b>152,913.31</b>	

**PHỤ LỤC 10. BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT TRANG THIẾT BỊ DẠY HỌC**  
(Kinh phí khái toán, sẽ thẩm định khi triển khai cụ thể)

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	PHÒNG	THÀNH TIỀN TỔNG HỢP	TỔNG CỘNG CHI TIẾT	Theo QĐ 30/UBND	TT39/BGDĐT	TCQT
<b>TỔNG CỘNG</b>		148,413.31	153,245.31	1,487.00	5,350.86	92,820.66
1	Phòng Vật Lí	3,673.30	3,673.30	0.00	1,602.55	2,070.75
2	Phòng Hóa học	4,189.82	4,189.82	0.00	881.46	3,308.36
3	Phòng Sinh	4,794.24	4,794.24	230.00	1,481.85	3,082.39
4	Stem 1 (Lý tích hợp chuyên sâu)	3,195.40	3,195.40	0.00	0.00	3,195.40
5	Stem 2 (Hóa tích hợp chuyên sâu)	6,038.00	6,038.00	0.00	0.00	6,038.00
6	Stem 3 (Sinh tích hợp chuyên sâu)	2,823.58	2,823.58	0.00	0.00	2,823.58
7	Maker Space	1,890.50	1,890.50	0.00	0.00	1,890.50
8	Phòng Tin học	8,257.50	8,257.50	550.00	1,140.00	6,567.50
9	Phòng Robotics và trí tuệ nhân tạo	6,359.00	6,359.00	707.00	227.00	5,425.00
10	Phòng Công nghệ thông tin - Lập trình	2,487.00	2,487.00	0.00	0.00	2,487.00
11	Innovation Lab	2,483.50	2,483.50	0.00	0.00	2,483.50
12	Phòng Studio	1,956.00	1,956.00	0.00	0.00	1,956.00
13	Phòng Nhiếp ảnh - Quay phim	2,347.00	2,347.00	0.00	0.00	2,347.00
14	Phòng Mỹ thuật	758.60	758.60	0.00	0.00	758.60
15	Phòng Âm nhạc	2,460.50	2,460.50	0.00	0.00	2,460.50
16	Khiêu vũ, múa, nhảy	896.50	896.50	0.00	0.00	896.50
17	Rạp chiếu phim	1,142.00	1,142.00	0.00	0.00	1,142.00
18	Phòng Văn học - Nghệ thuật	349.00	349.00	0.00	0.00	349.00
19	Phòng học ngoại ngữ	5,372.00	5,372.00	0.00	0.00	5,372.00
20	Phòng hội thảo Quốc tế	1,929.99	1,929.99	0.00	12.00	1,917.99
21	Phòng họp hội thảo	1,421.50	1,421.50	0.00	6.00	1,415.50

<b>STT</b>	<b>PHÒNG</b>	<b>THÀNH TIỀN TỔNG HỢP</b>	<b>TỔNG CỘNG CHI TIẾT</b>	<b>Theo QĐ 30/UBND</b>	<b>TT39/BGDĐT</b>	<b>TCQT</b>
22	Trải nghiệm nghề và immersive nhập vai	2,723.30	2,723.30	0.00	0.00	2,723.30
23	Phòng Địa lý	589.00	589.00	0.00	0.00	589.00
24	KHTN	115.50	115.50	0.00	0.00	115.50
25	KHXXH	115.50	115.50	0.00	0.00	115.50
26	Phòng điều hành khảo thí	463.50	463.50	0.00	0.00	463.50
27	Hạ tầng số, quản trị nhà trường	30,826.80	30,826.80	0.00	0.00	30,826.80
28	Phòng tham vấn tâm lý	85.50	85.50	0.00	0.00	85.50
29	Thư viện	4,085.50	4,085.50	0.00	0.00	4,085.50
30	Văn phòng Đoàn	81.50	81.50	0.00	0.00	81.50
31	Phòng y tế	166.79	166.79	0.00	0.00	166.79
32	Khu Hiệu bộ	1,284.60	1,284.60	0.00	0.00	1,284.60
33	Phòng họp toàn thể giáo viên	1,329.00	1,861.00	0.00	0.00	1,861.00
34	Khu sân chơi, nhà đa năng	8,428.90	8,428.90	0.00	0.00	8,428.90
35	Hội trường	4,500.00	4,500.00	0.00	0.00	4,500.00
36	Sân khấu ngoài trời và thiết bị chung	12,390.00	16,690.00	0.00	0.00	16,690.00
37	Khối các phòng học thường	15,903.00	15,903.00	0.00	0.00	15,903.00
38	Nhà truyền thống	500.00	500.00	0.00	0.00	500.00